

16°
Indoch.
378(1)

IG AN
ICH

VU NHU LAM
SOAN

DEPT LEGAL
INDOCHINE
N° 19/07

TỬ - VI CHỈ NAM

==== Sách này giầy ====
lấy số Tử-Vi theo cách vắn tắt.
==== đoán số Tử-Vi ====
==== Các cách hay, cách dở. ====
địa vị mỗi sao to trong mỗi cung.
đoán số trẻ con từ một đến 12 tuổi.
tinh giờ kim-xà-thiết-tỏa, quan-sát.



MUA MỘT QUYỀN SÁCH SỐ,
SOẠN GIẢ LẤY HỘ MỘT LÁ
SỐ KHÔNG LẤY TIỀN. —
XIN DÙNG GIẤY IN MÀU
VÀNG GẤP Ở TRONG SÁCH

1934 - 1400

Nhà-in My-Thang

==== NAM DINH ====

==== Xuất bản ====

và giữ bản quyền

16°
Indoch
378
(1)

Giá bán : 0 \$ 60

~~1999~~

TỬ'-VI CHỈ-NAM

LỜI NÓI ĐẦU.

Đời đến thế kỷ hai mươi, các môn khoa học đều đại phát đạt, nhiều người đã ngỡ tưởng rằng loài người đến đây, có thể chế thắng được tạo-hóa, mà tạo-hóa đối với loài người, sẽ không còn có sức lực gì nữa. Song nào ai có biết đâu rằng, tạo-hóa bao giờ cũng vẫn cầm lỏng cái vận mệnh muôn vật ở trong tay. Bởi thế mà các bậc tiên-triết Á-đông ngày xưa mới phát minh ra được có khoa học Tử-vi đó vậy.

Nói qua cái căn nguyên khoa học Tử-vi, để những nhà có khảo sát rộng đến các khoa cùng rõ.

Khoa học Tử-vi đây là người ta đem sao Tử-vi và các vị sao khác ra phân phối đi khắp mười hai cung trong một cái số như: Bản-mệnh, Huynh-đệ, Thê-thiếp, Tử-tửc, Điền-trạch, Giải-ách, Quan-lộc, Thiên-di, Phúc-đức, Phụ-mẫu, Tài-bạch và Nô-bộc.

Trong một cái số mệnh người ta, thời sao Tử-vi và các vị sao khác, cứ luân chuyển lần lượt đóng ở các cung, mà biến hiện nên các sự cát hung họa phúc, suốt từ một giờ, một ngày, một tháng, một năm, cho đến hết một đời người thì thôi.

Kể cả các vị sao, vẫn có vị thì hay, vị thì dở, vị thì chỉ làm phúc, vị lại chuyên làm họa, vị nào đều chuyên làm việc của vị ấy, không vị nào giống vị nào. Nhưng đến khi thi hành quyền chức, thời lại

SONG AN
DỊCH

VU NHU LAM
DEPT LEGAL SOAN
INDOCHINE
N^o 19/07

TỬ' VI CHỈ NAM

———— Sách này giậy ————
lấy số Tử-Vi theo cách vắn tắt.
———— đoán số Tử-Vi ————
———— các cách hay, cách dở. ————
địa vị mỗi sao to trong mỗi cung.
đoán số trẻ con từ một đến 12 tuổi.
tính giờ kim-xà-thiết-tỏa, quan-sát.



1934 — 1400

EDITIONS

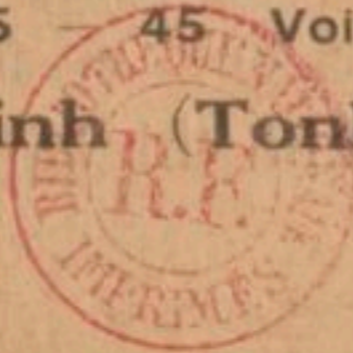
IMPRIMERIE — LIBRAIRIE — RELIURE

MY-THANG

Bureau et Magasin de vente : 50c , Rue du Protectorat

Atelier : 35 — 45 Voie 110

Namdinh (Tonkin)



80 Indoch.
1999

tất phải có cái địa vị cho mà đứng, thời mới có thể làm nên được việc, nhược bằng không có địa vị, thời dầu từ bi đến đâu, cũng không làm nên được phúc, mà hung ác đến đâu, cũng không deo được họa. Lại thay có một nhẽ là, vị sao nọ vốn là cát tinh, nhưng khi đóng đó, không phải là chỗ mình làm việc phúc, thời không làm gì có sự hay đã đành, đến vị sao kia vốn là hung tinh, nhưng khi đóng đó, lại là chỗ phải làm phúc, thời vị hung tinh ấy lại là một vị làm được việc phúc rất nhậy. Ấy chỉ bởi có thể, mà trong một đời con người ta mới diễn nên có lúc hay, có lúc dở, lúc vinh, lúc nhục, lúc thăng, lúc giáng, lúc bông, lúc trầm, không lúc nào giống lúc nào, mà cũng không người nào lại có giống người nào vậy.

Khoa học Tử-Vi là một khoa lý-học đã hẳn, lý nếu không thông, làm gì tinh nên được số, lại còn lấy đâu có sự xét đoán được hay. Tôi vốn cũng chỉ cay vì cái đời ly kỳ của tôi khi gặp người tri-kỹ, giắt diu thang mây, khi bị kẻ đổ tài, vùi giập đất đỏ, dùng một cái có bạc vạn, vụt một chốc không xu nhỏ, vì thế mà tôi mới phải lần mò tìm đến các ông thầy số hay. Khốn bực thay cho những ông thầy gà mờ, chẳng ông nào là xem ra được số, vì thế mà tôi lại phải để tâm đến việc xem số. Trước đã trải qua một thời kỳ lục lợi hết các sách, mãi mà mới tìm ra được cách xem số ngày nay. Sau lại trải qua một thời kỳ xem tập nghiệm nhiều số, mà càng ngày càng thấy mình xem đoán được tinh. Đến đây nghĩ đến cái nỗi làm sao mà xã-hội không có người xem số hay, rút lại chẳng qua chỉ vì không có học

là hết. Song lại nghĩ có một nỗi nữa là : học thì phải có sách, lấy sách nào làm sách số **Tử - vi học** ngày nay, sách cũ toàn là sách chữ nhỏ, có ông có học đâu mà xem được sách, đọc được sách cho thông thạo. Thời đã đến lúc khai thông, gì bằng đem hẳn cái cách của mình đã nghiên cứu được, là một cách xem số rất hiệu nghiệm đó, mà diễn ra quốc văn in ra thành sách, đề cống hiến cho xã hội, họa chăng có giúp cho những nhà vốn theo đuổi về nghề xem số và cả đến những nhà có rỗi thì giờ muốn nghiên cứu, tưởng cũng có ích lắm thay.

Vậy bản sách « **Tử-vi chỉ-nam** » mà tôi đem ra xuất bản ngày nay, thực chỉ vì một chút nhiệt-thành làm việc công ích. Về phần văn chương chẳng dám nói hay đã đành, đến chỗ khảo cứu dù chưa được mười phần hoàn thiện, cũng quyết đã được chín phần hơn. Mong duyệt giả chư tôn, nếu khi có tìm ra được chỗ nào khuyết điểm, xin cứ thực lòng chỉ bảo cho, để đến khi tái bản sẽ bỏ vào, đó chửa dễ không phải là các ngài cũng có giúp nên việc công ích đấy vậy ! Nay xin viết mấy nhời đề ghi lên đầu sách.

Viết tại Nam-định ngày 1er Janvier 1934

SONG-AN

MÂY NHỜI DUYỆT BÌNH.

Thánh-hiền ngày xưa có giậy rằng : « là người quân tử, tất phải tri mệnh, nếu không tri mệnh, không phải là người quân tử ». Ngẫm cái chữ mệnh của Thánh-hiền đã nói đây, là thế nào ? Chẳng phải là cái nghĩa rằng, tạo-hóa sinh ra vạn vật, đều trao cho có cái số-mệnh, là một con vật còn có cái số-mệnh của một con vật, thời là một người tất có cái số-mệnh của một người. Đã là số-mệnh, thời duy có nhất định, mà không lại thay đổi. Duy bởi cái nhẽ nhất định mà không thay đổi, vậy cho nên cái phận phú quý, bần tiện, cùng cái sự vinh khỗ đắc thắng của mọi người, người ta đều có thể dùng cách mà khảo sát suy đoán cho đến nơi được vậy. Cách tính số Tử-vi phát minh ra bởi tự các bậc Tiên-triết Á-đông, nào có không phải là một khoa triết học đó ru !. Có một nhẽ rằng các đấng Thánh-hiền Á-đông ngày xưa, duy chuyên nghiên cứu về phần tinh thần, chớ không như các nhà khoa học phương tây ngày nay chỉ chuyên nghiên cứu về phần vật chất.

Độc qua bản sách «**Tử-vi chỉ-nam**» của ông SONG-AN và ông VŨ-NHƯ-LÂM thấy từ các hình số đến cách đoán số, đều rất phân minh, về sự cát, hung, họa, phúc, ở trong số-mệnh người ta, thật là cứ theo đó mà suy đoán được hẳn. Vậy mới biết cái tài đức thông minh đặc đạt và cái tâm lý chính đáng quang minh của các đấng Thánh-Hiền Á-đông ấy là rõ ràng như thế đó vậy. Bởi Thánh-Hiền các ngài có hiểu rõ được rằng, quyền giới không thể đoạt được, và mệnh giới cũng không thể trái được, mà các ngài mới chỉ chuyên nghiên cứu về phần tinh thần mà thôi. Lại bởi các Tiên-triết có

học theo Thánh-Hiền, mà các ngài mỗi khi có phát minh ra khoa học nào, đại để như khoa học *địa lý* và khoa học *xem tướng* cho đến khoa học *tử-vi*, bất quá cũng chỉ là một chi một tiết, ở từ cái căn bản tinh thần kia đó vậy. Khoa học *Tử-vi* có thể đoán trước được mọi sự hay, dở, lành, dữ ở suốt trong một đời người ta, để cho người ta biết cái số phận mình là thế, thời cứ thế mà tiến, mà thoái, đừng có làm ăn ở bên ngoài số phận, cũng đừng có buồn bực ở bên trong số phận, theo bốn chữ **LẠC THIÊN AN MỆNH** của Thánh-nhân, đủ làm cho mình cứ ung dung sung sướng ở trong cái vòng phú, quý, bần, tiện, gặp sao hay vậy, mà không ai lại có cái sự *đắc chí quá độ* hay là *tiết ý quá độ*, tưởng như thế há chẳng phải là một nhẽ khiến cho thế giới lúc nào cũng hiện xuất ra cái cảnh tượng hòa bình lắm thay !.

Cũng may mà thế vận đổi thay, nhân trí đã đến lúc khai thông mà nước ta mới có chữ quốc văn xuất hiện ra đó. Nay ông Song-An đã vì thân thế mà nghiên cứu đến số *Tử-vi*, lại vì xã hội mà cùng ông **Vũ - Như - Lâm** xuất bản sách « **Tử-vi chỉ-nam** » thật là một sự rất có bổ ích cho những nhà có ý muốn nghiên cứu về phần tinh thần để bổ cứu cho cái phần vật chất. Mong cho xã-hội sẽ có nhiều người cùng hoan nghênh bản sách « *Tử-vi chỉ-nam* » như cái ý kiến của tôi, tưởng cái sự bổ ích không phải là nhỏ đâu vậy. Còn đến như cái cách lấy số và cái cách đoán số, có quả được mười phần xác đáng hay chưa ? xin đề riêng phần những nhà chuyên môn khảo cứu.

Vậy nay nhân khi soạn-giả sắp đem ra xuất bản, các ông có cho tôi xem qua, tôi xin viết mấy nhời đề giới thiệu cùng đồng đạo chư quân tử.

Mùa Xuân năm Giáp-Tuất.

HAI-SON Do-Van-Phai

Nguyễn Tri-huyệu An-dương

TỬ VI CHỈ NAM

Cách lấy số TỬ VI vắn tắt

Trước hết phải tra ở cái bảng đây xem tuổi người ấy là tuổi gì (các tuổi này tính về năm 1934, sang năm 1935 thì lại tính thêm lên một tuổi, cứ như thế mà tính mãi đi).

Tuổi Giáp-tí	11 hay 71;	Ât-sửu	10 hay 70	(Hải trung kim)
» Bính-dần	9 » 69;	Đinh-mão	8 » 68	(Lô trung hỏa)
» Mậu-thìn	7 » 67;	Kỷ-tị	6 » 66	(Đại lâm mộc)
» Canh-ngọ	5 » 65;	Tân-mùi	4 » 64	(Lô bàng thổ)
» Nhâm-thân	3 » 63;	Quý-Rậu	2 » 62	(Kiếm phong kim)
» Giáp-tuất	1 » 61;	Ất-hợi	60	(Sơn đầu hỏa)
» Bính-tí	59;	Đinh-sửu	58	(Dẫn hạ thủy)
» Mậu-dần	57;	Kỷ-mão	56	(Thanh đầu thổ)
» Canh-thìn	55;	Tân-tị	54	(Bạch Lạp kim)
» Nhâm-ngọ	53;	Quý-mùi	52	(Dương liễu mộc)
» Giáp-thân	51;	Ât-Rậu	50	(Tuyền chung thủy)
» Bính-tuất	49;	Đinh-hợi	48	(Ôc thượng thổ)
» Mậu-tý	47;	Kỷ-sửu	46	(Tích lịch hỏa)
» Canh-dần	45;	Tân-mão	44	(Tòng bách mộc)
» Nhâm-thìn	43;	Quý-tị	42	(Tràng lưu thủy)
» Giáp-ngọ	41;	Ât-mùi	40	(Sa trung kim)
» Bính-thân	39;	Đinh-Rậu	38	(Sơn hạ hỏa)
» Mậu-tuất	37;	Kỷ-hợi	36	(Binh địa mộc)
» Canh-tý	35;	Tân-sửu	34	(Dẫn hạ thổ)

Tuổi	Nhâm-dần	lên	33;	Quý-mão	lên	32	(Kim bạch kim)
»	Giáp-thìn	»	31;	Ất-tị	»	30	(Phú đẳng hỏa)
»	Bính-Ngọ	»	29;	Đinh-mùi	»	28	(Thiên hà thủy)
»	Mậu-thân	»	27;	Kỷ-rậu	»	26	(Đại trạch thổ)
»	Canh-tuất	»	25;	Tân-hợi	»	24	(Thoa xuyên kim)
»	Nhâm-tý	»	23;	Quý-sửu	»	22	(Tang giá mộc)
»	Giáp-dần	»	21;	Ất-mão	»	20	(Đại khê thủy)
»	Bính-thìn	»	19;	Đinh-tị	»	18	(Sa trung thổ)
»	Mậu-ngọ	»	17;	Kỷ-mùi	»	16	(Thiên thượng hỏa)
»	Canh-thân	»	15;	Tân-rậu	»	14	(Thạch lưu mộc)
»	Nhâm-tuất	»	13;	Quý-hợi	»	12	(Đại hải thủy)

Âm hay dương

Tuổi	Tý	là	Dương	Tuổi	Sửu	là	Âm
»	Dần	»	»	»	Mão	»	»
»	Thìn	»	»	»	Tị	»	»
»	Ngọ	»	»	»	Mùi	»	»
»	Thân	»	»	»	Rậu	»	»
»	Tuất	»	»	»	Hợi	»	»

Tên các tháng

Tháng	Riêng	là	Dần	Tháng	Hai	là	Mão
»	Ba	»	Thìn	»	Tư	»	Tị
»	Năm	»	Ngọ	»	Sáu	»	Mùi
»	Bảy	»	Thân	»	Tám	»	Rậu
»	Chín	»	Tuất	»	Mười	»	Hợi
»	Mười một	»	Tý	»	Mười hai	»	Sửu

Tên các cung

Cung này là: Tị — Hỏa <i>Nam</i>	Cung này là: Ngọ — Hỏa <i>Nam</i>	Cung này là : Mùi — Thổ <i>Nam</i>	Cung này là : Thân — Kim <i>Tây</i>
Cung này là: Thìn — Thổ <i>Đông</i>			Cung này là : Rậu — Kim <i>Tây</i>
Cung này là: Mão — Mộc <i>Đông</i>			Cung này là : Tuất — thổ <i>Tây</i>
Cung này là: Dần — Mộc <i>Đông</i>	Cung này là : Sửu — Thổ <i>Bắc</i>	Cung này là : Tý — Thủy <i>Bắc</i>	Cung này là: Hợi — Thủy <i>Bắc</i>

Tương sinh (lột)

Thủy sinh Mộc. Mộc sinh Hỏa.
Hỏa sinh Thổ. Thổ sinh Kim.
Kim sinh Thủy.

Tương khắc (xâu)

Kim khắc Mộc. Mộc khắc Thổ.
Thổ khắc Thủy. Thủy khắc Hỏa.
Hỏa khắc Kim.

Thập nhị chi hợp nhau (lột)

Tý hợp sửu. Thìn hợp Rậu.
Dần hợp Hợi. Tị hợp Thân.
Mão hợp Tuất. Ngọ hợp Mùi.

Thập nhị chi sung nhau (xấu)

Tý sung Ngọ.	Sửu sung Mùi.
Thìn sung Tuất.	Dần sung Thân.
Tỵ sung Hợi.	Mão sung Dậu.

Thập can hợp nhau (tốt)

Giáp hợp Kỉ.	Đinh hợp Nhâm.
Ất hợp Canh.	Mậu hợp Quý.
Bính hợp Tân.	

Thập can phá nhau (xấu).

Giáp phá Mậu.	Kỉ phá Quý.
Ất phá Kỉ.	Canh phá Giáp.
Bính phá Canh.	Tân phá Ất.
Đinh phá Tân.	Nhâm phá Bính.
Mậu phá Nhâm.	Quý phá Đinh.

Tam hợp

Dần, Ngọ, Tuất.	Tị, Dậu, Sửu.
Thân, Tý, Thìn.	Hợi, Mão, Mùi.

Ngũ hành

Tháng	Giêng	{	Mùa xuân	Tháng	Bảy	{	Mùa thu
»	Hai		thuộc <i>Mộc</i> .	»	Tám		thuộc <i>Kim</i> ,
»	Ba			»	Chín		
»	Tư	{	Mùa hạ	»	Mười	{	Mùa Đông
»	Năm		thuộc <i>Hỏa</i> .	»	Một		thuộc <i>Thủy</i> .
»	Sáu			»	Chạp		

12 Tháng chia ra 4 mùa, còn thiếu bành *Thổ*, xem giải rõ như sau này :

Mùa Xuân bắt đầu từ mồng một tháng giêng đến 12 tháng ba, còn từ 13 đến 30 tháng ba thuộc *Thổ*.

Mùa Hạ bắt đầu từ mồng một tháng Tư đến 12 tháng sáu thuộc *Hỏa*, còn từ 13 đến 30 tháng sáu thuộc *Thổ*.

Mùa Thu bắt đầu từ mồng một tháng bảy đến 12 tháng chín thuộc *Kim*, còn từ 13 đến 30 tháng chín thuộc *Thổ*.

Mùa Đông bắt đầu từ mồng một tháng mười đến 12 tháng chạp là *Thủy*, còn từ 13 đến 30 tháng chạp là *Thổ*.

Tính tháng nhuận.

Tính tháng nhuận thì từ mồng một đến rằm thuộc về tháng chính, từ 16 đến 30 thuộc về tháng sau, ví dụ : để mồng 5 tháng năm nhuận thì tính là mồng 5 tháng năm, để 25 tháng năm nhuận thì tính là để 25 tháng sáu.

NÊN CHÚ Ý. -- Tính ngày thì cứ giờ Tý là thuộc về ngày hôm sau. (giờ Tý từ 23 giờ đến 1 giờ).

Tuổi Giáp hoặc Kì mệnh lập ở cung

Tý	hoặc	Sửu	là	Thủy nhị cục
Dần	»	Mão	»	Hỏa lục cục
Thìn	»	Tị	»	Mộc tam cục
Ngọ	»	Mùi	»	Thổ ngũ cục
Thân	»	Rậu	»	Kim tứ cục
Tuất	»	Hợi	»	Mộc tam cục

Tuổi Ất hoặc Canh mệnh lập ở cung

Tý	hoặc	Sửu	là	Hỏa lục cục
Dần	»	Mão	»	Thổ ngũ cục

Thìn	hoặc	Tị	là	Kim tứ cục
Ngọ	»	Mùi	»	Mộc tam cục
Thân	»	Rậu	»	Thủy nhị cục
Tuất	»	Hợi	»	Thổ ngũ cục

Tuổi Bính hoặc Tân mệnh lập ở cung

Tý	hoặc	Sửu	là	Thổ ngũ cục
Dần	»	Mão	»	Mộc tam cục
Thìn	»	Tị	»	Thủy nhị cục
Ngọ	»	Mùi	»	Kim tứ cục
Thân	»	Rậu	»	Hỏa lục cục
Tuất	»	Hợi	»	Mộc tam cục

Tuổi Đinh hoặc Nhâm mệnh lập ở cung

Tý	hoặc	Sửu	là	Mộc tam cục
Dần	»	Mão	»	Kim tứ cục
Thìn	»	Tị	»	Hỏa lục cục
Ngọ	»	Mùi	»	Thủy nhị cục
Thân	»	Rậu	»	Thổ ngũ cục
Tuất	»	Hợi	»	Kim tứ cục

Tuổi Mậu hoặc Quý mệnh lập ở cung

Tý	hoặc	Sửu	là	Kim tứ cục
Dần	»	Mão	»	Thủy nhị cục
Thìn	»	Tị	»	Thổ ngũ cục
Ngọ	»	Mùi	»	Hỏa lục cục
Thân	»	Rậu	»	Mộc tam cục
Tuất	»	Hợi	»	Thủy nhị cục

Tìm sao Tử Vi

8	10	12	14
9	11	13	15
Tị	Ngọ	Mùi	Thân
6	Thủy nhị cục		16
7			17
30 Thìn	Cứ xem Thủy Nhị Cục để ngày nào mà thấy ngày để ở cung nào thì an TỬ VI ở cung ấy.		Dậu
4			18
5			19
28			Tuất
29 Mão	1		
2	24	22	20
3	25	23	21
26	Sửu	Tý	Hợi
27 Dần			

4	7	10	13
12	15	18	21
14	17	20	23
1	Mộc tam cục		16
9			24
11			26
6	Cứ xem Mộc Tam Cục để ngày nào mà thấy ngày để ở cung nào thì an TỬ VI ở cung ấy.		19
8			27
			29
3	2	25	22
5	28		30

6	10	14	18
16	20	24	28
19	23	27	Thân
Tị 25	Ngọ 29		
2	Kim tứ cục		22
12	Cứ xem Kim Tứ Cục để ngày nào mà thấy ngày để ở cung nào thì an TỬ VI ở cung ấy.		Rậu
15			
Thìn 21			26
8			Tuất
11			
Mão 17			1
4			30
7	3	5	Hợi
Dần 13	Sửu 9	Tý	

8	1	6	11
20	13	18	23
24	25	30	
	29		
3	Thỏ ngũ cục		16
15	Cứ xem Thỏ Ngũ Cục để ngày nào mà thấy ngày để ở cung nào thì an TỬ VI ở cung ấy.		28
19			
27			21
10			
14			2
22			26
5			
9	4	7	
17	12		

10 24 Ty 29	2 16 Ngọ 30	8 22 Mùi	14 28 Thân
4 18 Thìn 23	Hỏa lục cục		1 20 Rậu
12 17 Mão 27	Cứ xem Hỏa Lục Cục đề ngày nào mà thấy ngày đề ở cung nào thì an TỬ VI ở cung ấy.		7 26 Tuất
6 11 Dần 26	5 15 Sửu 25	9 19 Tý	3 13 Hợi

GIỜ SINH

Từ 23 giờ đến 1 giờ là Tý	11 giờ đến 13 giờ là Ngọ
1 » 3 » Sửu	13 » 15 » Mùi
3 » 5 » Dần	15 » 17 » Thân
5 » 7 » Mão	17 » 19 » Rậu
7 » 9 » Thìn	19 » 21 » Tuất
9 » 11 » Ty	21 » 23 » Hợi

Cách xem giờ sinh đúng hay sai

Lấy số Tử Vi căn nhất giờ sinh cho đúng, nếu sai giờ tức là giờ sinh của người khác thì không đúng, số không đúng chỉ tại người ấy nói sai giờ sinh.

Sinh giờ Tý, Ngọ, Mão, Dậu là TỬ VƯỢNG thì ra ngựa, đầu có một khoáy lệch sang bên tả, dáng người sừng sừng, tâm thước, tính trực, dễ nuôi.

Sinh giờ Dần, Thân, Tị, Hợi là TỬ SINH thì ra nghiêng, cũng một khoáy nhưng lệch về bên hữu, người thanh cao, trắng trẻo, rảo quyết, hay nói, cũng dễ nuôi.

Sinh giờ Thìn, Tuất, Sửu, Mùi là TỬ MỘ thì ra sấp, 2 khoáy, béo và đen, mắt sáng quắc và gan góc, nhưng khó nuôi.

Phép lấy số Tử vi

Lấy một tờ giấy rồi kẻ từng ô như sau này :

Tị	Ngọ	Mùi	Thân
Thìn			Dậu
Mão			Tuất
Dần	Sửu	Tý	Hợi

Ở' dĩa viết năm, tháng, ngày và giờ, Dương Nam hay Âm Nữ, — Âm Nam hay Dương Nữ và thuộc về cục gì.

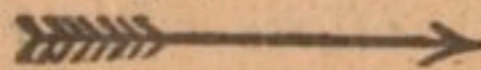
A. — *Phép tìm xem Mệnh đóng ở cung nào.*

Muốn tìm cung *Mệnh* ở ô nào, thì tính THÁNG với GIỜ sinh thì ra. Khởi từ cung Dần là tháng Giêng, tính thuận đến tháng sinh rồi từ chỗ tháng sinh khởi giờ Tý bâm ngược giờ lại cho đến giờ sinh, chúng vào ô nào thì an *Mệnh* ở ô ấy.

Diễn Trạch	Quan Lộc	Nô Bộc	Thiên Ri
Phúc Đức	Sinh tháng 2 giờ Sửu thì MỆNH ở cung Dần và THÂN ở cung Thìn		Giải Ách
(Thân) Phụ Mẫu			Tài Bạch
Mệnh	Bào	Phu hoặc Thê	Tử Tức

Thuận

Nghịch



An *Mệnh* rồi thì cứ lần lượt viết các cung, tính thuận như sau này :

12 cung số

- | | |
|---------------------------------------|---|
| 1. <i>Mệnh</i> (là Minh); | 7. <i>Thiên Ri</i> (ra ngoài); |
| 2. <i>Phụ Mẫu</i> (bố mẹ); | 8. <i>Giải ách</i> (bệnh tật); |
| 3. <i>Phúc Đức</i> (tөө мэд); | 9. <i>Tài Bạch</i> (tiền của); |
| 4. <i>Điền Trạch</i> (ruộng, nhà); | 10. <i>Tử Túc</i> (con); |
| 5. <i>Quan Lộc</i> (công việc làm); | 11. <i>Thê vợ</i> , Lày số đàn ông để chữ |
| 6. <i>Nô Bộc</i> (đầy tớ hoặc vợ lẽ); | Thê số đàn bà để chữ Phu |
| | 12. <i>Bào</i> (anh em ruột). |

B. --- *Phép tìm xem THÂN đóng ở cung nào*

Phép an *Thân* cũng bắm *THÁNG* với *GIỜ* sinh và cũng khởi từ cung *Dần*, nhưng bắm *thuận* cả.

Như để tháng hai giờ *Sửu* thì khởi tháng giêng ở *Dần* tháng hai ở *Mão*, rồi giờ *Tý* bắm ở *Mão*, giờ *Sửu* ở *Thìn* vậy an *Thân* ở cung *Thìn*. Thế là tuổi *Giáp Thìn* *Mệnh* ở *Dần*, *Thân* ở *Thìn* tức là *Thân* cư *Phúc đức*.

C. --- *An các Chính Tinh*

Tử vi tinh thuận cách 3 cung đến *Liêm Trinh*, Lại từ *Liêm Trinh* cách 2 cung đến *Thiên đổng*, *Vũ khúc*, *Thái dương* ba sao ba cung liền nhau, rồi từ *Thái dương* cách một cung đến *Thiên cơ*.

Tử vi ở cung *Dần* hay cung *Thân* thì *Thiên phủ* và *Tử vi* cùng ở một cung, còn cung khác đối với *Tử vi* là *Thiên phủ* như *Tử vi* ở *Sửu* thì *Thiên phủ* ở *Mão*, *Tử vi* ở *Tý* thì *Thiên phủ* ở *Thìn* — Sau *Thiên phủ* thuận đến *Thái âm*, *Tham lang*, *Cư môn*, *Thiên tướng*, *Thiên lương*, *Thất sát*, lại từ *Thất sát* cách 3 cung đến *Phá quân*.

TỬ VI, THIÊN PHỦ

Thiên phủ bên này thì chéo sang bên kia là *Tử vi*.
Tử vi bên này thì chéo sang bên kia là *Thiên phủ*.

Ở cung Dần hoặc cung Thân thì *Tử vi*
 và *Thiên phủ* ở cùng một cung.

5 <i>Tử vi</i> 6 <i>Thiên Phủ</i> Ty	3 <i>Tử vi</i> 4 <i>Thiên phủ</i> Ngọ	1 <i>Tử vi</i> 2 <i>Thiên phủ</i> Mùi	<i>Tử vi</i> và <i>Thiên Phủ</i> Thân
7 <i>Tử vi</i> 8 <i>Thiên Phủ</i> Thìn			1 <i>Thiên Phủ</i> 2 <i>Tử vi</i> Rậu
9 <i>Tử vi</i> 10 <i>Thiên Phủ</i> Mão			3 <i>Thiên Phủ</i> 4 <i>Tử vi</i> Tuất
<i>Tử vi</i> và <i>Thiên Phủ</i> Dần	9 <i>Thiên Phủ</i> 10 <i>Tử vi</i> Sửu	7 <i>Thiên phủ</i> 8 <i>Tử vi</i> Tý	5 <i>Thiên phủ</i> 6 <i>Tử vi</i> Hợi

14 sao chính

Điển trạch <i>Thiên cơ</i>	Quan lộc <i>Tử vi (1)</i>	Nô bộc	Thiên ri <i>Phá quân</i>
Phúc đức (Thân) <i>Thất sát</i>	Hợi Tý Tuất	Sửu <i>Năm Giáp Thìn, tháng 2 ngày 30 giờ sửu, Dương Nam Hỏa Mệnh, hỏa lục cục</i>	Dần Mão <i>Giải ách</i>
Phụ mẫu <i>Thái dương</i> <i>Thiên lương</i>	Rậu Thân	Thìn	Tài bạch <i>Thiên phủ (1)</i> <i>Liêm chính</i>
Mệnh <i>Vũ khúc</i> <i>Thiên tương</i>	Mùi Bào <i>Thiên đồng</i> <i>Cư môn</i>	Ngọ Thê <i>Tham lang</i>	Tị <i>Tử tức</i> <i>Thái âm</i>

Số Giáp Thìn sinh ngày 30 tháng 2, giờ sửu thì *Tử vi* ở cung Ngọ, *Thiên phủ* ở cung Tuất. (Xem bảng Hỏa lục cục ở trang 9).

Cách lấy các sao vòng Tràng-Sinh

Thủy và Thổ cục thì Tràng sinh ở cung Thìn.

Hỏa cục : Tràng sinh ở cung Dần.

Mộc cục : Tràng sinh ở cung Hợi.

Kim cục : Tràng sinh ở cung Tị.

Dương nam hay âm nữ thì đi thuận (xuôi). Âm nam và dương nữ đi nghịch (ngược) đặt mỗi cung một sao Tràng sinh. Mộc cục Quan đái, Lâm quan, Đế vương, Suy Bệnh, Tử, Mộ Tuyệt, Thai Lương.

THÁI TUẾ

Lấy sao Thái tuế thì tuổi gì đặt sao Thái tuế vào cung tuổi ấy, như số tuổi Thìn thì Thái tuế ở cung Thìn, bất cứ Dương Nam, Âm Nữ hay Âm Nam, Dương Nữ, cứ Thái tuế thuận đến Thiếu dương, Tang môn, Thiếu âm, Quan phù, ử phù, Tuế phá Long đức, Bạch hồ, Phúc đức, Điều khách, Chực phù, mỗi cung một sao, 12 cung 12 sao.

THIÊN KHÔNG

Như tuổi Giáp Thìn thì Thái tuế ở cung Thìn, cung tới cạnh cung Thái tuế là cung Tị thì đặt sao Thiên không ở cung Tị, (Thiên không bao giờ cũng ở sau cung Thái tuế).

LỘC TỒN

THEO HÀNG CAN

Tuổi	Giáp	thì	Lộc tồn	ở	Dần
»	Ât	»	»	»	Mão
»	Bính và Mậu	»	»	»	Tị
»	Đinh và Kỷ	»	»	»	Ngọ
»	Canh	»	»	»	Thân
»	Tân	»	»	»	Rậu
»	Nhâm	»	»	»	Hợi
»	Quý	»	»	»	Tý

Lộc tồn ở dậu thì Bác sĩ ở đây. Như Dương Nam, Âm Nữ thì tính thuận, Âm Nam, Dương Nữ thì tính nghịch theo thứ tự mỗi cung một sao.: Bác sĩ, Lộc sĩ, Thanh long, Tiểu hao, Tướng quân, Tấu thư, Phi liêm, Hỷ thần, Bệnh phù, Đại hao, Phục binh, Quan phủ

KINH DƯƠNG, ĐÀ LA

Tính thuận, cung trên *Lộc tồn* là *Kinh dương*, cung dưới là *Đà la*.

THIÊN KHÔI, THIÊN VIỆT

Tuổi Giáp, Mậu, Canh,	<i>Thiên khôi ở cung Sửu,</i>	<i>Thiên việt ở Mùi</i>
» Ất, Kỷ	» »	Tý » » Thân
» Bính, Đinh	» »	Hợi » » Dậu
» Nhâm, Quý	» »	Mão » » Tị
» Tân	» »	Ngọ » » Dần

TẢ PHÙ, HỮU BẬT

Khởi tháng riêng tự cung Thìn tính thuận đến tháng sinh là *Tả phù*, khởi tháng riêng tự cung Tuất tính nghịch đến tháng sinh là *Hữu bật*.

VĂN XƯƠNG, VĂN KHÚC

Khởi giờ Tý tự cung Tuất, tính nghịch đến giờ sinh là *Văn xương*, khởi giờ Tý tự cung Thìn tính thuận đến giờ sinh là *Văn khúc*.

ĐỊA KHÔNG, ĐỊA KIẾP

Khởi giờ Tý tự cung Hợi, thuận đến giờ sinh là *Địa không*, nghịch đến giờ sinh là *Địa kiếp*.

HÓA LỘC, HÓA QUYỀN, HÓA KHOA, HÓA KỸ.

Theo hàng can cứ tìm 4 sao sau này ở đâu thì *Hóa lộc*, *Hóa quyền*, *Hóa khoa*, *Hóa kỹ* ở đấy.

Tuổi Giáp : *Hóa lộc* ở cùng *Liêm trinh*, *Hóa quyền* ở cùng *Phá quân*, *Hóa khoa* ở cùng *Vũ khúc*, *Hóa kỹ* ở cùng *Thái dương*.

Tuổi Ất : *Hóa lộc* cùng với *Thiên cơ*, *Hóa quyền* cùng với *Thiên lương*, *Hóa khoa* cùng với *Tử vi*, *Hóa kỹ* cùng với *Thái âm*.

Tuổi Bính : *Hóa lộc* cùng *Thiên đông*, *Hóa quyền* cùng *Thiên cơ*, *Hóa khoa* cùng *Văn xương*, *Hóa kỹ* cùng *Liêm trinh*.

Tuổi Đinh : *Hóa lộc* cùng *Thái âm*, *Hóa quyền* cùng *Thiên đông*, *Hóa khoa* cùng *Thiên cơ*, *Hóa kỹ* cùng *Cự môn*.

Tuổi Mậu : *Hóa lộc* cùng *Tham lang*, *Hóa quyền* cùng *Thái âm*, *Hóa khoa* cùng *Hữu bát*, *Hóa kỹ* cùng *Thiên cơ*.

Tuổi Kỷ : *Hóa lộc* cùng *Vũ khúc*, *Hóa quyền* cùng *Tham lang*, *Hóa khoa* cùng *Thiên lương*, *Hóa kỹ* cùng *Văn khúc*.

Tuổi Canh : *Hóa lộc* cùng *Thái dương*, *Hóa quyền* cùng *Vũ khúc*, *Hóa khoa* cùng *Thái âm*, *Hóa kỹ* cùng *Thiên đông*.

Tuổi Dần : *Hóa lộc* cùng *Cự môn*, *Hóa quyền* cùng *Thái dương*, *Hóa khoa* cùng *Văn khúc*, *Hóa kỹ* cùng *Văn xương*.

Tuổi Nhâm : *Hóa lộc* cùng *Thiên lương*, *Hóa quyền* cùng *Tử vi*, *Hóa khoa* cùng *Tả phụ*, *Hóa kỹ* cùng *Vũ khúc*.

Tuổi Quý: *Hóa lộc cùng Phá quân, Hóa quyền cùng Cự môn, Hóa khoa cùng Thái âm, Hóa kỵ cùng Tham lang.*

THIÊN MÃ

Tuổi Thân, Tý, Thìn	<i>Thiên mã</i>	ở cung	Dần
» Dần, Ngọ, Tuất	»	»	Thân
» Hợi, Mão, Mùi	»	»	Tị
» Tị, Dậu, Sửu	»	»	Hợi

HOA CÁI

Tuổi Dần, Ngọ, Tuất	thi <i>Hoa cái</i>	ở cung	Tuất
» Thân, Tý, Thìn	»	»	Thìn
» Tị, Dậu, Sửu	»	»	Sửu
» Hợi, Mão, Mùi	»	»	Mùi

ÂN QUANG, THIÊN QUÝ

Tim xem *Văn xương* ở cung nào thì bắt đầu gọi cung ấy là ngày mồng một, tính thuận đến ngày sinh, lùi lại một cung là *Ân quang*. Tim xem *Văn khúc* ở cung nào thì bắt đầu gọi cung ấy là ngày mồng một, tính nghịch đến ngày sinh, lùi lại một cung là *Thiên quý*.

TAM THAI, BÁT TỌA

Tim xem *Tả phù* ở cung nào thì gọi cung ấy là ngày mồng một, tính thuận đến ngày sinh là *Tam Thai*. Tim xem *Hữu bát* ở cung nào thì gọi cung ấy là ngày mồng một, tính nghịch đến ngày sinh là *Bát Tọa*.

LONG TRÌ, PHƯƠNG CÁCH

Gọi cung Thìn là năm Tý tính *Thuận* đến năm sinh thì đạt *Long trì* vào cung ấy gọi cung Tuất là năm Tý tính *ngược* đến năm sinh thì đạt *Phương cách* vào cung ấy.

HỒNG LOAN

Gọi cung Mão là năm Tý tính nghịch đến năm sinh thì an Hồng loan.

Đổi cung với Hồng loan là Thiên hỷ, ví như Hồng loan ở cung Dần thì Thiên hỷ ở Thân, Hồng loan ở Mão thì Thiên hỷ ở Rậu.

ĐÀO HOA

Tuổi Dần, Ngọ, Tuất thì Đào hoa ở cung Mão
» Thân, Tý, Thìn » » » Rậu
» Tị, Rậu, Sửu » » » Ngọ
» Hợi, Mão, Mùi » » » Tý

THIÊN QUAN QUÝ NHÂN

Tuổi	Giáp	thì Thiên quan quý nhân ở	cung	Mùi.
»	Bính	»	»	Tị
»	Mậu	»	»	Mão
»	Canh	»	»	Hợi
»	Quý	»	»	Ngọ
»	Ất	»	»	Thìn
»	Đinh	»	»	Dần
»	Kỷ, Tân	»	»	Rậu
»	Nhâm	»	»	Tuất

THIÊN PHÚC QUÝ NHÂN

Tuổi	Giáp	thì Thiên phúc quý nhân ở	cung	Rậu.
»	Đinh	»	»	Hợi
»	Kỷ	»	»	Dần
»	Canh và Nhâm	»	»	Ngọ
»	Ất	»	»	Thân
»	Bính	»	»	Tý
»	Mậu	»	»	Mão
»	Tân và Quý	»	»	Tị

THIÊN ĐỨC, NGUYỆT ĐỨC

Gọi cung Rượu là năm Tý tính thuận đến năm sinh thì an *Thiên đức*.

Gọi cung Tị là năm Tý tính thuận đến năm sinh thì an *Nguyệt đức*.

THIÊN TÀI THIÊN THỌ,

Gọi cung Mệnh là năm Tý tính thuận đến năm sinh thì an *Thiên tài*.

Gọi cung Thân (là thân mình) là năm Tý tính thuận đến năm sinh thì an *Thiên thọ*.

THAI PHỤ, PHONG CÁO

Tìm xem *Văn khúc* ở cung nào thì gọi cung ấy là cung thứ nhất tính thuận sang đến cung thứ ba thì an *Thai phụ*, tính nghịch đến cung thứ ba thì an *Phong cáo* (nghĩa là *Văn khúc* ở giữa cách 2 cung đằng trước thì an *Thai phụ*, cách 2 cung đằng sau thì an *Phong cáo*).

QUỐC ÂN, ĐƯỜNG PHÙ

Kê từ *Lộc tồn* thuận đến cung thứ chín thì an *Quốc ân*, nghịch đến cung thứ tám thì an *Đường phù*.

THIÊN HÌNH

Gọi cung Rượu là tháng giêng tính thuận đến tháng sinh thì an *Thiên hình*.

THIÊN RIÊU, THIÊN Y

Gọi cung Sửu là tháng giêng tính thuận đến tháng sinh thì an *Thiên riêu* và *Thiên y*.

ĐẦU QUÂN

Tim xem sao *Thái tuế* ở đâu thì bắt đầu gọi cung ấy là tháng giêng, tính nghịch đến tháng sinh rồi lại bắt đầu gọi cung ấy là giờ Tý tính thuận đến giờ sinh thì an *Đầu quân*.

CÔ THÂN, QUẢ TÚ

Tuổi Dần, Mão, Thìn	thì <i>Cô thân</i> ở	Tị,	<i>Quả tú</i> ở	Sửu
» Tị, Ngọ, Mùi	»	»	» Thân	» Thìn
» Thân, Dậu, Tuất	»	»	» Hợi	» Mùi
» Hợi, Tý, Sửu	»	»	» Dần	» Tuất

HỎA TINH, LINH TINH

Tuổi Dần, Ngọ, Tuất, đàn ông Dương Nam, đàn bà Âm Nữ thì bắt đầu gọi cung Sửu là giờ Tý, tính thuận đến giờ sinh thì an *Hỏa tinh* và gọi cung Mão là giờ Tý, tính nghịch đến giờ sinh thì an *Linh tinh*. Nhưng nếu đàn ông Âm Nam, đàn bà Dương Nữ thì cũng gọi cung Sửu là giờ Tý, nhưng phải tính nghịch đến giờ sinh thì an *Hỏa tinh* và gọi cung Mão là giờ Tý, tính thuận đến giờ sinh thì an *Linh tinh*.

Tuổi Thân, Tý, Thìn đàn ông Dương Nam, đàn bà Âm Nữ thì gọi cung Dần là giờ Tý, tính thuận đến giờ sinh thì an *Hỏa tinh* và gọi cung Tuất là giờ Tý, tính nghịch đến giờ sinh thì an *Linh tinh*. Nhưng đàn ông Âm Nam, đàn bà Dương Nữ thì cũng gọi cung Dần là giờ Tý, nhưng tính nghịch đến giờ sinh thì an *Hỏa tinh* và gọi cung Tuất là giờ Tý, tính thuận đến giờ sinh thì an *Linh tinh*.

Tuổi Tị, Rậu, Sửu đàn ông Dương Nam, đàn bà Âm Nữ thì gọi cung Mão là giờ Tý, tính thuận đến giờ sinh thì

an *Hỏa tinh* và gọi cung Tuất là giờ Tý, tính nghịch đến giờ sinh thì an *Linh tinh*. Nhưng đàn ông Âm Nam, đàn bà Dương Nữ cũng gọi cung Mão là giờ Tý, tính nghịch đến giờ sinh thì an *Hỏa tinh* và gọi cung Tuất là giờ Tý, tính thuận đến giờ sinh thì an *Linh tinh*

Tuổi Hợi, Mão, Mùi đàn ông Dương Nam, đàn bà Âm Nữ thì gọi cung Dậu là giờ Tý, tính thuận đến giờ sinh thì an *Hỏa tinh* và gọi cung Tuất là giờ Tý, tính nghịch đến giờ sinh thì an *Linh tinh*, nếu đàn ông Âm Nam, đàn bà Dương Nữ thì gọi cung Dậu là giờ Tý, tính nghịch đến giờ sinh thì an *Hỏa tinh* và gọi cung Tuất là giờ Tý, tính nghịch đến giờ sinh thì an *Linh tinh*.

THIÊN KHỐC, THIÊN HƯ

Khởi cung Ngọ là năm Tý, tính nghịch đến năm sinh thì an *Thiên khốc* và khởi tự cung Ngọ là năm Tý, tính thuận đến năm sinh thì an *Thiên hư*.

THIÊN THƯƠNG

Bao giờ cũng ở cung Nô Bộc.

THIÊN SỬ

Bao giờ cũng ở cung Giải Ách.

KIỆP SÁT

Tuổi	Dần, Ngọ, Tuất	Kiếp sát	ở	cung	Hợi
»	Thân, Tý, Thìn	»	»		Tị
»	Tị, Dậu, Sửu	»	»		Dần
»	Hợi, Mão, Mùi	»	»		Thân

GIẢI THÂN

Gọi cung Tuất là năm Tý, tính nghịch đến năm sinh thì an *Giải thân*, hoặc cứ sao *Phương các* ở đâu thì *Giải thân* ở cung ấy.

THIÊN GIẢI

Gọi cung Thân là tháng giêng, tính thuận đến tháng sinh thì an *Thiên giải*.

PHÁ TOÁI

Tuổi Tý, Ngọ, Mão, Dậu	thì	<i>Phá toái</i>	ở	cung	Tị
» Dần, Thân, Tị, Hợi	»	»	»	»	Rậu
» Thìn, Tuất, Sửu, Mùi	»	»	»	»	Sửu

TRIỆT KHÔNG

Tuổi Giáp và Kỷ	thì an	<i>Triệt</i>	ở 2	cung	Thân, Dậu, giáp nhau
» Ất và Canh	»	»	»	»	Ngọ, Mùi
» Bính và Tân	»	»	»	»	Thìn, Tị
» Đinh và Nhâm	»	»	»	»	Dần, Mão
» Mậu và Quý	»	»	»	»	Tý, Sửu

TUẦN KHÔNG

An *Tuần* phải theo lục giáp như sau :

1. — Giáp Tý, Ất Sửu Bính Dần, Đinh Mão, Mậu Thìn, Kỷ Tị, Canh Ngọ, Tân Mùi, Nhâm Thân, Quý Rậu :

Những tuổi ấy an *Tuần* ở 2 cung *Tuất, Hợi* giáp nhau.

2. — Giáp Tuất, Ất Hợi, Bính Tý, Đinh Sửu, Mậu Dần, Kỷ Mão, Canh Thìn, Tân Tị, Nhâm Ngọ, Quý Mùi :

Những tuổi ấy an *Tuần* ở 2 cung *Thân, Dậu* giáp nhau.

3. — Giáp Thân, Ất Rậu, Bính Tuất, Đinh Hợi, Mậu Tý, Kỉ Sửu, Canh Dần, Tân Mão, Nhâm Thìn, Quý Tỵ :
Những tuổi này an *Tuần ở 2 cung Ngọ, Mùi* giáp nhau.
4. — Giáp Ngọ, Ất Mùi, Bính Thân, Đinh Rậu, Mậu Tuất, Kỉ Hợi, Canh Tý, Tân Sửu, Nhâm Dần, Quý Mão :
Những tuổi ấy an *Tuần ở 2 cung Thìn, Tị* giáp nhau
5. — Giáp Thìn, Ất Tỵ, Bính Ngọ, Đinh Mùi, Mậu Thân, Kỉ Rậu, Canh Tuất, Tân Hợi, Nhâm Tý, Quý Sửu :
Những tuổi ấy an *Tuần ở cung Dân, Mão* giáp nhau.
6. — Giáp Dần, Ất Mão, Bính Thìn, Đinh Tị, Mậu Ngọ, Kỉ Mùi, Canh Thân, Tân Rậu, Nhâm Tuất, Quý Hợi :
Những tuổi ấy an *Tuần ở 2 cung Tý, Sửu* giáp nhau.

Lưu niên văn tinh

Tuổi Giáp	thì Lưu Niên Văn Tinh	ở cung	Tị
» Ất	»	»	Ngọ
» Bính, Mậu	»	»	Thân
» Đinh, Kỉ	»	»	Rậu
» Canh	»	»	Hợi
» Tân	»	»	Tý
» Nhâm	»	»	Dần
» Quý	»	»	Mão

Tính tiêu hạn

PHẢI THEO NĂM SINH MÀ LƯU

Người nào sinh năm Dần, Ngọ, Tuất thì bắt đầu từ cung Thìn (cạnh trong tức là ô viết năm, tháng, ngày, giờ sinh) tuổi Dần thì bắt đầu viết chữ Dần ở cung Thìn, tuổi Ngọ thì viết chữ Ngọ, tuổi Tuất viết chữ Tuất, đàn ông thì theo chiều thuận, đàn bà thì theo chiều nghịch, bất cứ Dương

Nam hay Âm Nữ, hay Âm Nam, Dương Nữ, cứ mỗi cung viết một chữ về 12 chữ Địa Chi là : Tý, Sửu, Dần, Mão, Thìn, Tị, Ngọ, Mùi, Thân, Dậu, Tuất, Hợi, cứ viết đủ 12 cung 12 chữ.

Người sinh năm Thân, Tý, Thìn thì bắt đầu từ cung Tuất, như tuổi Thân viết chữ Thân, tuổi Tý viết chữ Tý, tuổi Thìn viết chữ Thìn

Người sinh năm Tị, Dậu, Sửu thì bắt đầu từ cung Mùi, như tuổi Tị viết chữ Tị, tuổi Dậu viết chữ Dậu, tuổi Sửu viết chữ Sửu.

Người sinh năm Hợi, Mão, Mùi thì bắt đầu từ cung Sửu, như tuổi Hợi viết chữ Hợi, tuổi Mão viết chữ Mão, tuổi Mùi viết chữ Mùi.

Lưu đại hạn 10 năm.

ĐẠI HẠN LÀ XEM TRONG 10 NĂM HAY DỞ THẾ NÀO

Phải xem *cục* người ấy là gì? Như là *Thủy nhị cục*, *Mộc tam cục*, *Kim tứ cục*, *Thổ ngũ cục* *Hỏa lục cục*, đàn ông Dương Nam, đàn bà Âm Nữ thì theo chiều thuận bắt đầu từ cung *Mệnh*, ví dụ *Thủy nhị cục* thì viết chữ mồng 2, thuận sang cung Phụ Mẫu viết chữ 12, thuận sang cung Phúc Đức viết chữ 22 cứ lần lượt mỗi cung mà viết đi đến hết 12 cung thì thôi, các *cục* khác cũng viết như thế, (như *Mộc tam cục* thì viết bắt đầu chữ mồng 3, *Kim tứ cục* thì viết chữ mồng 4, *Thổ ngũ cục* thì viết chữ mồng 5, *Hỏa lục cục* thì viết chữ mồng 6.

Nhưng Âm Nam, Dương Nữ cũng bắt đầu từ cung *Mệnh*, nhưng phải theo chiều nghịch rồi cứ từng cung một mà viết (xem lá số đã viết thành ở trên thì sẽ biết).

Các vị sao thì vị nào cũng có 2 chữ, nay theo cách vẫn tắt chỉ nói một chữ cho tiện (xem bản viết tắt ở dưới).

Các sao tốt nhất là ở cung Miêu, Vượng hoặc Đắc địa,

sấu là cung Hãm ; sao nào cũng thuộc về Kim hoặc Mộc hoặc Thủy hoặc Hỏa hoặc Thổ, Dương hoặc Âm, Nam đầu hoặc Bắc đầu, nói tóm lại tuy rằng gặp sao tốt ở *Mệnh* nhưng phải hợp với *mệnh* (ví như *mệnh* Thủy mà gặp sao *Kim* là hợp) và ở cung Miếu, vượng hoặc Đắc địa mới tốt, tuy rằng số có cách tốt, nhưng cách ấy có hợp với *mệnh* và không gặp phải các sao *Không, Kiếp, Tuần, Triệt, Kinh, Đà, Linh, Hỏa* mới làm nên to được (xem các bảng viết tắt các sao thuộc về hành gì và có ở cung Miếu, Vượng hoặc Đắc địa không? Hay là ở cung Hãm địa sẽ hiểu).

Tuy trong sách này chỉ nói các sao ở *Mệnh* hoặc cung khác có đắc địa và hợp *Mệnh* thì tốt, nghĩa là nói cả Miếu, Vượng hoặc Đắc địa, nhưng vì viết tắt cho nên chỉ nói có Đắc địa.

Bản đồ lưu Tiêu hạn

Điền trạch lên 12	Quan lộc lên 6	Nô bộc lên 7	Thiên ri lên 8
Phúc đức lên 5	<i>Hợi</i> Viết chữ 12 trong cái ô vuông này.	<i>Tý</i> 12 chi ở vuông này.	<i>Sửu</i> ở vuông này.
Phụ mẫu lên 11	<i>Tuất</i>	<i>Dần</i>	Giải ách lên 3
	<i>Rậu</i>	<i>Thìn</i>	Tài bạch lên 2
	<i>Thân</i>	<i>Mùi</i>	<i>Ngọ</i>
<i>Ti</i>	Bào lên 10	Thê lên 4	Tử tức lên 9

Tam hợp — Lục hợp — Đôi chiếu

Đoán số Tử vi cần phải biết tam hợp,
lục hợp và đôi chiếu.

TAM HỢP : Thân, Tý, Thìn, Dần, Ngọ, Tuất
Hợi, Mão, Mùi, Tị, Dậu, Sửu

THÍ DỤ : muốn xem cung Thân lại phải xem cả 2 cung Tý, Thìn và cung đôi chiếu là cung Dần, lại xem cả cung Tị là cung Hợp nữa, rồi hợp cả các sao trong 5 cung ấy mà xem mới biết tốt hay xấu.

LỤC HỢP : Tý hợp Sửu, Dần hợp Hợi,
Mão hợp Tuất, Thìn hợp Dậu,
Tị hợp Thân, Ngọ hợp Mùi,

Khi xem cung Tý phải xem cả cung Sửu, xem cung Hợi phải xem cả cung Dần mà đoán 4 cung Thìn, Dậu, Mão, Tuất là ĐỐI CHIẾU. Lục hợp dạng chéo hình chữ N nằm ngang và lại như chữ Z trái cựa, những sao ở các 5 cung ấy có ảnh hưởng tốt xấu cho nhau, cứ xem ở các 5 cung sẽ biết tốt xấu. Còn như cung ĐỐI CHIẾU cứ theo chỗ giải nghĩa sao Hồng loan sẽ hiểu.

Xem số được những cách gì?

Lập số xong rồi thì xem cung Mệnh, Quan lộc, Thiên ri, Tài bạch hợp nhau lại xem các sao có đúng được cách gì không, rồi xem Mệnh. Ví dụ là Dương Nam có ở cung Dương không; sao có Đắc địa và hợp Mệnh không, Mệnh và Cục có tương sinh không; Mệnh và cung có hợp nhau không; xem cung Phúc đức có tốt không, rồi hãy xem đến các cung khác. Tuy rằng Mệnh tốt nhưng cung Phúc đức xấu thì cũng kém nhiều.

Đại, tiểu hạn.

Xem *đại, tiểu hạn* thì phải xem *Mệnh* thuộc về hành gì và đi đến hạn ấy là cung gì, như *Mộc* mệnh mà hạn đi đến cung Hợi hoặc Tý là *Thủy* thì tốt, nhưng cũng phải xem cả các sao ở hạn ấy nữa, tuy rằng gặp cung ấy hợp *Mệnh* mà các sao xấu thì cũng bớt được sự xấu đi, nếu gặp cung ấy hợp và các sao lại tốt thì càng tốt lắm.

TIỂU HẠN. — Xem *tiểu hạn* thì cứ xem chữ ở chung quanh cái ô vuông to ở giữa như là chữ *Rậu* thì *tiểu hạn* là năm *Rậu* ở đây, chữ *Tý* thì năm *Tý* ở cung ấy. Xem tháng thì tính từ năm *tiểu hạn* ấy, ví dụ năm *Rậu* tính tháng giêng từ cung *tiểu hạn* ấy nghịch lại đến tháng sinh rồi bắt đầu từ cung ấy gọi là giờ *Tý* tính thuận đến giờ sinh tức là tháng giêng năm *tiểu hạn* ở đây.

ĐẠI HẠN. — Tính *đại hạn* 10 năm thì cứ bắt đầu ở *Mệnh*, như người ấy là *Thổ* ngũ cục thì tính lên 5 đến 14 ở *Mệnh*, 15 đến 24 ở *Phụ mẫu* (là *Dương Nam*, thì tính thế) nên *Âm Nam* lại tính từ 15 đến 24 lại ở cung *Bào*, (nghĩa là *Dương Nam*, *Âm nữ* tính thuận, *Âm Nam*, *Dương Nữ* tính nghịch).

Tóm tắt cách lấy số Tử-vi

Muôn lấy số Tử-vi phải theo thứ tự như sau này :

1. — *Lấy số của người nào, bao nhiêu tuổi, thì xem người ấy tuổi gì ? (Bính Dần, Đinh Mão....) mình gì ? (Kim, Mộc, Thủy, Hỏa, hay Thổ). Xem trang số 1.*

2. — *Giai hay gái ? (nam là giai, nữ là gái).*

3. — *Âm hay dương (xem trang 2).*

a) *An sao Lộc tồn với 11 sao tiếp (trang 15)*

b) *An sao Trường sinh với 11 sao tiếp.*

c) *Tính Đại, Tiểu hạn (trang 24 - 25) phải theo Dương hay Âm mà tính Thuận hay Nghịch :*

Dương Nam }
Âm Nữ } Tính thuận

Âm Nam }
Dương Nữ } Tính nghịch

(Xem cách tính nghịch hay thuận ở trang 11)

4. — *Xem Mệnh đóng ở cung nào (trang 11).*

5. — *An 11 cung khác (trang 12).*

6. — *Xem Thân ở cung nào (trang 12).*

7. — *Tìm Cục (trang 5 và 6).*

8. — *An Tử vi (trang 7, 8 và 9).*

9. — *An Thiên phủ (trang 13).*

10. — *An 14 sao chính tinh (trang 12).*

11. — *An các sao khác (trang 15 đến 24).*

12. — *Tính Tiểu hạn (trang 24).*

13. — *Lưu Đại hạn 10 năm (trang 25).*

Sổ Tử vi của cụ Thượng PHẠM-VĂN-TOẢN

<p>Diễn trạch <i>Thiên cơ</i> Cổ thân, Thiên không, Thiên hỷ, Tả phụ, Văn khúc, Lâm quan, Tiểu hao, Thiệu đương, Kiệp sát, Lưu niên văn tinh. 36</p>	<p>Quan lộc <i>Tử vi</i> Tang môn, Tướng quân, Đê vương, Phượng các, Thiên tài, giải thân. 46</p>	<p>Nô bộc SUY Thiên quan q. nhân, Đường phù, Thai phụ, Thiên việt, Tàu thư, Thiệu âm. 56</p>	<p>Thiên ri <i>Phá quân</i> BỆNH Quan phù, Phi liêm, Long tri, Hóa quyển, Thiên thọ. 66</p>
<p>Phúc đức <i>(Thân)</i> <i>Thật sát</i> Thái tuê, Thanh long, Quan đới, Bát tọa, Đầu quan, Hoa cái. 26</p>	<p>Hội Tý Sửu Dần Cách Tử, phủ, Vũ, Tướng tuổi Giáp thì làm to. Lộc, Mã ngộ Tràng sinh ở Năm Dân, Tử vi Giáp Thìn ở Ngọ, tháng 2 Thiên phủ ngày 30 ở Tuất giờ Sửu, tốt lắm. Dương Nam Hòa Mệnh, Hòa lộc cực</p> <p>Tuất Mao Bậu Thìn Thân Tỵ</p>		<p>Triệt <i>Giải ách</i> TỬ Thiên phúc q. nhân, Tử phù, Hỷ thân, Văn xương, Hỷ bát, Đào hoa, Nguyệt đức, Thiên giải, Linh tinh. 76</p>
<p>Phụ mẫu <i>Thiên lương</i> <i>Thái dương</i> Trực phủ, Lực sĩ, Mộc đức, Hóa kỵ, Phong cáo, Kinh dương, Hòa tinh. Lên 16</p>			<p>Tài bạch <i>Thiên phủ</i> <i>Liêm trinh</i> MỘ Tuê phá, Bệnh phủ, Thiên hư, Tam thai, Hóa lộc, Quốc ân, Thiên hình, Địa không. 86</p>
<p>Tuần Mệnh <i>Vu khúc</i> <i>Thiên tướng</i> Thiên y, Thiên riêu, Hóa khoa, Thiên mã, Trường sinh, Thiên khôc, Lộc tôn, Điều khách, Bác sĩ. lên (6)</p>			<p>Bào <i>Thiên đồng, Cựu môm</i> DƯƠNG Phá toái, Quả tú, Đà la, Thiên đức, Thiên khôi, Thiên quý, Ân quang. Quan phủ, Phúc đức. 126</p>

Đoán qua về lá số cụ Thượng P. V. Toán

Vi có *Tuấn*, *Triệt* đương đầu cho nên lúc còn bé cụ vất vả, tuy có *Hóa khoa* mà sao cụ không đỗ là vì *Khoa* gặp *Tuần*, năm 25 tuổi cụ xuất thân làm việc là vì gặp *Thái dương*, *Thiên lương*, — đến năm 36 cụ được bổ làm quan là vì đại hạn gặp *Tả*, *Hữu*, *Xương*, *Khúc*, *Ân quang*, *Thiên quý*, — đến 46 cụ được bổ làm quan tỉnh là vì gặp *Tử* vi ở *Ngọ*, *Thiên phủ* ở *Tuất*, — đến 56 cụ được thăng *Tổng-Đốc* là vì gặp *Khôi*, *Việt*, *Quang*, *Quý* và đại hạn ở cung *Thổ* thi hợp, đến 66 cụ về hưu trí là vì gặp hạn *Sát*, *Phá*, *Tham* và đi đến cung *Kim*, đáng nhẽ cụ từ trần năm ấy nhưng vì đại tiểu hạn gặp *Tuần*, *Triệt* cho nên giải được, — đến năm cụ 68 thì cụ từ trần. Cụ được nhiều con gái ít con trai (8 gái, 5 trai) là vì *Tử-tức* có *Thái âm* ngộ *Hồng loan* vì 2 sao thuộc âm cả cho nên [nhiều gái, đáng nhẽ theo như số chỉ được 5, 6 người con nhưng cũng nhờ ở số vợ nữa, vì cụ có nhiều vợ. Cung thê có *Bạch hổ* cho nên sát vợ. — Cung Bào có *Cự*, *Đông* cho nên được 2 anh em trai và 1 gái nhưng bất hòa là vì có *Cự môn*. — Cụ đi ra ngoài phát võ là vì có *Phá quân* ngộ *Hoá quyền*, cho nên nhà nước *Bảo Hộ* cử cụ đánh giặc bao giờ cũng dẹp yên ngay.

Cung *Phúc* đực phát to và chóng lên là vì có *Thanh long*, *Hoa cái* ngộ *Thất sát*, lại có *Hoá lộc*, *Hoá quyền*, *Quốc ấn* chiêu.

Cung *Điền Trạch* có *Thiên cơ* lại có *Cự môn*, *Thái âm*, *Tả*, *Hữu*, *Xương*, *Khúc* cho nên nhiều nhà và ruộng, nhưng ngộ đại, tiểu hao cho nên tuy đối với người dân thì gia sản ấy cho là to, mà đối với các quan thì cụ

nghèo. Cự thanh liêm là vì cung Tài ngộ Thiên phủ và Liêm chinh, — Mệnh lại có Thiên tướng. — Đầy tớ của cự danh giá là vì có Khôi Việt, Âm Dương. — Cự mất năm 68 tuổi về tháng Tư là vì tiểu hạn năm ấy ở cung Tị gặp Thiên cơ, Cự môn, Tả, Hữu, Thiên không, Linh tinh, Đà la, mà đại hạn ở cung Thân có Sát, Phá Tham, ngộ Bạch hổ, Địa kiếp, Phục binh, Thái tuế mà tháng Tư cũng đi đến cung Thân.

Trong sách nói rằng già gặp Thiên cơ, hoặc Đào hoa thì chết, thật là sách giấy không sai, vì cự gặp cả Thiên cơ lẫn Đào hoa.



Đoán số nêu cứ theo trong sách Tầu giấy thì nhiều câu không đúng, ví dụ sách Tầu nói rằng: Mệnh giáp Kinh, Đà thì ăn mày, lại nói Lộc tồn ở Mệnh thì giàu sang, bao giờ Mệnh có Lộc tồn thì phải có Kinh, Đà bai bên, thê ra ai có Lộc tồn ở Mệnh là đi ăn mày cả hay sao, nói tóm lại học số hoặc làm sách số phải có kinh nghiệm lâu năm mới hay, dịch giả trong 18 năm lầy giúp có hàng vạn lá số không lầy tiền để xem mà kinh nghiệm mới giám làm ra sách này, cho nên những cách giấy đoán đây chắc là đúng cả. Sách này còn nói nhiều chỗ các thầy số hoặc các ông đã giỏi số cũng phải cho là lạ, ví chưa thầy nói đến bao giờ, như là trong sách Tầu nói rằng: « Kiếp, Không, lâm Tài, Phúc, sinh lai bán tiện » mà vẫn có người giàu to, chẳng qua người ấy gặp đại hạn 10 năm có Lộc tồn, Hóa lộc cùng các sao tốt cho nên làm nên giàu, nhưng ăn ở vẫn ra cách bán tiện. Lại như lời Tuán, Triệt ở Quan lộc thì làm việc quan phải cách, nhưng cũng có người bị cách, mà có người vẫn được làm cho đến hưu trí, như thê có phải sách cũng có chỗ sai

không, cho nên cần nhất phải kinh nghiệm suy sét lâu năm mới tìm ra chân lý. Tuy rằng có *Tuấn*, *Triệt* ở *Quan lộc* nhưng cung ấy không có chính tinh (14 sao to ở hàng *Tử vi*, *Thiên phủ*) thì lại tốt, hoặc là *Tuần*, *Triệt* đắc địa, lại cùng các sao tốt và có nhiều sao giải cũng không việc gì. Cung *Quan lộc* kị nhất là sao *Hóa kị* và *đại tiểu hao*, nếu có làm nên rồi cũng ngăn trở mà phải về.

Ai xem sách này nếu còn có câu gì ngờ hoặc chưa hiểu rõ thì cứ biên thư cho tôi thì tôi xin sẵn lòng giả nhời cẩn thận.

Các cung số

Sinh, Vượng, Tuyệt, Mộ

Dần, Thân, Tỵ, Hợi là *Tứ sinh*, hoặc *Tứ vượng*.

Tý Ngọ, Mão, Dậu, là *Tứ tuyệt*

Thìn, Tuất, Sửu, Mùi là *Tứ mộ*.

Các cung Âm, cung Dương

Tý	là	Dương	Sửu	là	Âm
Dần	»	»	Mão	»	»
Thìn	»	»	Tỵ	»	»
Ngọ	»	»	Mùi	»	»
Thân	»	»	Dậu	»	»
Tuất	»	»	Hợi	»	»

Nam, Bắc Đẩu

Nam Đẩu

Hỏa tinh (hỏa)	viết tắt là	Hỏa
Linh tinh (hỏa)	»	Linh
Thất sát (kim)	»	Sát
Thái dương (hỏa)	»	Dương
Thiên cơ (mộc)	»	Cơ
Thiên đồng (thủy)	»	Đồng
Thiên khôi (hỏa)	»	Khôi
Thiên lương (mộc)	»	Lương
Thiên phủ (thủy)	»	Phủ
Thiên tướng (thủy)	»	Tướng
Thiên việt (hỏa)	»	Việt
Tử vi (1) (thổ)	»	Tử
Văn xương (kim)	»	Xương

Bắc Đẩu

Cự môn (thủy)	viết tắt là	Cự
Đà la (hỏa)	»	Đà
Hữu bật (thổ)	»	Hữu
Kình dương (hỏa, kim)	»	Kình
Lộc tồn (thổ)	»	Tồn
Liêm chinh (hỏa)	»	Liêm
Phá quân (thủy)	»	Phá
Tả phụ (thổ)	»	Tả
Thái âm (thủy)	»	Âm
Tham lang (mộc)	»	Tham
Tử vi (1) (thổ)	»	Tử
Văn khúc (thủy)	»	Văn
Vũ-khúc (kim)	»	Vũ

(1) Sao Tử Vi vừa là Nam Đẩu vừa là Bắc Đẩu.

Viết tắt các sao nhỏ

Ân quang (mộc)	viết tắt là	Quang
Bác sỹ (thủy)	»	Sỹ
Bạch hồ (kim)	»	Hồ
Bát tọa (mộc)	»	Tọa
Bệnh (hỏa)	»	Bệnh
Bệnh phù (thổ)	»	Bệnh phù
Chực phù (kim)	»	Chực phù
Cô thần (thổ)	»	Cô
Đà la (hỏa, kim)	»	Đà
Đại hao (bỏa)	»	Đại
Đào hoa (mộc)	»	Đào
Đầu quân (hỏa)	»	Đầu
Địa kiếp (hỏa)	»	Kiếp
Địa không (hỏa)	»	Địa không
Điều khách (hỏa)	»	Điều
Dưỡng (mộc)	»	Dưỡng
Đường phù	»	Đường
Giải thần	»	Giải
Hoa cái (kim)	»	Cái
Hóa khoa (thủy)	»	Khoa
Hóa kỵ (thủy)	»	Kỵ
Hóa lộc (thổ)	»	Lộc
Hóa quyền (thủy)	»	Quyền
Hòa tinh (hỏa)	»	Hòa
Hồng loan (thủy)	»	Hồng loan
Hỷ thần (hỏa)	»	Hỷ thần
Kiếp sát (hỏa)	»	Kiếp sát
Kình dương (hỏa)	»	Kình
Linh tinh (hỏa)	»	Linh

Viết tắt các sao nhỏ (tiếp theo)

Long đức (thủy)	viết tắt là	Long đức
Long tri (thủy)	»	Tri
Lực sỹ (hỏa)	»	Lực
Lưu niên văn tinh	»	Lưu niên
Mộ (thủy)	»	Mộ
Mộc dục (thủy)	»	Dục
Nguyệt đức (hỏa)	»	Nguyệt đức
Phá toái (hỏa)	»	Toái
Phi liêm (hỏa)	»	Phi
Phong cáo (thổ)	»	Cáo
Phục binh (hỏa)	»	Binh
Phúc đức (thổ)	»	Phúc đức
Phượng các (thổ)	»	Các
Quả tú (thổ)	»	Quả
Quan đới (kim)	»	Đới
Quan phù (hỏa)	»	Quan phù
Quan phủ (hỏa)	»	Quan phủ
Quốc ân (thổ)	»	Ấn
Suy (thủy)	»	Suy
Tam thai (hỏa)	»	Thai
Tang môn (mộc)	»	Tang
Thiên Riêu (thủy)	»	Riêu
» đức (hỏa)	»	Thiên đức
» giải	»	Thiên giải
» hình (hỏa)	»	Hình
» hư (thủy)	»	Hư
» hỷ (thủy)	»	Hỷ
» khốc (thủy)	»	Khốc
» không (hỏa)	»	Không

Viết tắt các sao nhỏ (tiếp theo)

Thiên mã (hỏa)	»	Mã
» phúc (thổ)	»	Phúc
» quan (hỏa)	viết tắt là	Quan
» quý (thổ)	»	Quý
» sứ (thủy)	»	Sứ
» thương (thủy)	»	Thương
» y	»	Y
Thai (thổ)	»	Thai
Thai phủ (thổ)	»	Thai phủ
Thái tuê (hỏa)	»	Tuế
Thanh long (thủy)	»	Thanh
Thiên âm (thủy)	»	Thiếu âm
Thiếu dương (hỏa)	»	Thiếu dương
Tiểu hao (hỏa)	»	Tiểu
Tràng sinh (thủy)	»	Sinh
Triệt không		Triệt
Tử (hỏa)	»	Tử
Tử phủ (thủy)	»	Tử phủ
Tuần không		Tuần
Tuê phá (hỏa)	»	Tuế phá
Tướng quân (Mộc)	»	Quân
Tuyệt (thổ)	»	Tuyệt

<p>V. Dương, Đông Đ. Tử, Tướng B. Cơ, Vũ, Phủ Cự, Lương, Sát, Phá. H. Âm, Tham, Liêm.</p> <p align="center">TỊ</p>	<p>V. Cơ, Lương, Dương, Sát, Phá. Đ. Vũ, Liêm, Cự, Tham, Phủ B. Liêm. H. Đông, Âm.</p> <p align="center">NGỘ</p>	<p>V. Tử, Phủ, Vũ, Liêm, Tham. Đ. Tướng, Lương. B. Âm, Cự H. Cơ, Đông.</p> <p align="center">MÙI</p>	<p>V. Liêm, Sát. Đ. Tử, Đông. B. Cơ, Phủ, Âm, Tham. H. Vũ, Lương, Phá.</p> <p align="center">THÂN</p>
<p>Bản đồ để tra xem sao nào ở cung nào thì tốt hay xấu.</p>			
<p>V. Lương, Cơ, Vũ, Tham. Đ. Dương, Phủ. B. Đông, Tướng, Liêm, Cự, Sát. H. Tử, Âm.</p> <p align="center">THÌN</p> <p>V. Đông, Liêm, Cự, Tham, Linh, Hỏa. Đ. Tử, Dương, Tướng, Sát B. Phủ, Tham, Lương. H. Vũ, Âm, Phá.</p> <p align="center">MÃO</p>	<p>V. — Vượng } Đ. — Đặc địa } <i>tốt</i> B. — Bình } H. — Hãm } <i>trung bình</i> } <i>xấu</i></p>	<p>V. Liêm, Cự. Đ. Cơ, Phủ, Âm, Sát, Tham, Linh, Hỏa. B. Tử. H. Vũ, Đông, Tướng, Phá.</p> <p align="center">RẬU</p> <p>V. Cơ, Lương, Tham, Sát. Đ. Vũ, Phủ, Âm, Phá. B. Đông, Liêm, Cự, Tướng. H. Tử, Dương.</p> <p align="center">TUẤT</p>	
<p>V. Đông, Liêm, Lương, Tướng Tử, Phủ. Đ. Dương. B. Cơ, Tham. H. Vũ, Âm.</p> <p align="center">DẦN</p>	<p>V. Vũ, Phủ, Âm, Đông, Lương, Sát, Tử. Đ. Liêm, Cự B. Tham, Dương H. Cơ, Đông.</p> <p align="center">SỬU</p>	<p>V. Cơ, Đông, Phủ, Âm, Lương, Phá. Đ. Vũ, Trinh, Tham, Cự, Sát B. Tử. H. Dương.</p> <p align="center">TÝ</p>	<p>V. Đông, Âm. Đ. Cự, Tướng. B. Cơ, Vũ, Phủ, Sát, Phá. H. Dương, Tham, Liêm, Lương.</p> <p align="center">HỢI</p>

<p>V. Xương, Khúc Không, Kiếp. Đ. B. Khoa, Quyền Lộc, Linh, Hỏa H. Kinh, Đà, Kỵ.</p>	<p>V. Hỏa, Linh, Tồn, Loan, Khốc, Hư. Đ. B. H. Kinh, Lộc, Quyền, Xương, Khúc, Kỵ.</p>	<p>V. Kinh, Đà, Hỏa, Linh, Quý, Tả, Hữu. Đ. Xương, Khúc. B. Khoa, Quyền, Lộc. H. Tồn, Kỵ.</p>	<p>V. Khoa Đ. Xương, Khúc, Kinh, Linh, Khốc, Kỵ B. H. Lộc, Quyền, Đà, Tuê.</p>
<p>V. Khoa, Quyền Lộc, Long, Loan, Kinh, Đà, Linh. Đ. Xương, Khúc Hỏa, Tồn, Thai, Tọa. B. Khốc, Kỵ. H. Kiếp, Không.</p>	<p align="center">Bản đồ để tra xem sao nào ở cung nào thì tốt hay xấu :</p> <p align="center">V. = Vượng Đ. = Đặc địa B. = Bình H. = Hãm</p>		<p>V. TUẦN TRIỆT V. Đại, Tiểu, Riêu, Hình, Hồ. Đ. Xương, Khúc, Loan, Kỵ, Tả, Hữu, Hỏa, Linh. B. Kinh. H. Tuê, Đà, Khoa, Quyền, Lộc.</p>
<p>V. Hình, Kỵ, Riêu, Đại, Tiểu, Tồn. Đ. Tả, Hữu, Xương, Khúc Hỏa, Linh. B. Khốc, Hư. H. Kinh, Đà.</p>			<p>V. Hình, Riêu, Kinh, Đà, Linh, Hỏa, Thai, Tọa, Quyền, Lộc, Khoa, Kỵ. Đ. B. H. Kiếp, Không, Xương, Khúc, Hỷ thân, Quan phủ, Kỵ, Đà.</p>
<p>V. TUẦN TRIỆT V. Hỏa, Kinh, Tồn, Mã, Hồ, Xương, Linh Đ. Kinh. B. Khoa, Quyền Lộc. H. Đà.</p>	<p>V. Quang, Quý, Thai, Tọa, Xương, Khúc, Tả, Hữu, Kinh, Đà, Linh, Hỏa, Quyền, Lộc. Đ. Khốc, Hư. B. H. Tồn, Kỵ.</p>	<p>V. Khốc, Hư, Hỏa, Loan, Tồn, Xương, Khúc, Đào Đ. Kinh, Đà. B. H. Hỏa, Linh, Khoa, Quyền, Lộc, Kỵ.</p>	<p>V. Kiếp, Không. Riêu, Tả, Hữu, Xương, Lộc, Khoa. Đ. Kinh, Đà, Khúc. B. Hỏa. H. Mã, Quyền, Linh, Kỵ.</p>

Cách đoán số Tử Vi

Phàm xem Mệnh phải xem các sao chính ở Mệnh, hoặc chiếu hoặc giáp Mệnh, tuy có sao giáp xấu, nhưng ở Mệnh có sao tốt thì cũng tốt. Nếu sao giáp tốt mà sao chính ở Mệnh xấu thì cũng xấu. Mệnh có sao *Thái dương* mà ở vào cung *Dương* thì người ấy văn hay chữ tốt, nếu có sao *Thái âm* ở vào cung *Âm* thì người ấy giỏi về đàng võ, (từ Mão đến Thân là *Dương*, từ Dậu đến Dần là *Âm*). có người sao *Âm*, *Dương* phản bội mà sao lại giàu sang là vì còn có sao chiếu tốt, phải nên biết *sinh khắc chế hóa* và nên xem Mệnh có *Trường sinh*, *Đế vượng* không và có *Tử vi*, *Thiên phủ*, *Lộc tồn*, *Hóa lộc*, *Thiên mã*, (nhưng rất kỵ *Thiên không*, *Địa không*, *Địa kiếp*, *Tuần* và *Triệt*).

Sao *Tử vi*, *Thiên phủ* phải đi cùng với sao tương tá thì mới tốt, các sao Sát tinh, như là *Địa kiếp*, *Thiên không*, *Dương nhận*, *Đà la*, vân vân, không nên ở cùng với nhau tức là hung tinh hợp thành bệ đàng thì xấu lắm. Như *Tử vi*, *Thiên phủ* giáp Mệnh là quý cách, như *Liêm chinh*, *Phá quân*, *Đại*, *tiểu hao* ở Mệnh thì xấu.

Xem đại hạn là xem họa phúc trong 10 năm, tiểu hạn là một năm, nếu đại hạn gặp sao xấu thì tiểu hạn chẳng ra gì, ví như tiểu hạn gặp các sao xấu như là *Bệnh phù*, *Tử phù*, *Bạch hổ*, *Thái tuế*, *Linh tinh*, *Hỏa tinh*, *Quan phù*, *Điếu khách*, *Tang môn* nhưng đại hạn 10 năm và Thân Mệnh tốt thì chỉ gặp sự không hay qua loa mà thôi không đến nỗi nguy quá. Nên xem Mệnh người ta thuộc *Kim* thì lấy sao *Kim* làm chủ ví như sao *Vũ*

khúc là Kim ở cung nào mà cùng với sao Quý nhân, nhất là ở vào cung Quan lộc thì tốt lắm, nếu ở cùng với Thất sát, Thiên hình, Hóa kỵ thì xấu.

Nên lấy Thân Mệnh làm chủ, như người Thổ Mệnh gặp sao Cự môn ở Mệnh tuy gọi là sao ám, nhưng ở vào cung Miếu vượng hoặc Đắc địa lại có thêm sao tốt thì lại tốt.

Khi lấy số thì phải xem Mệnh người ấy có ở vào cung Sinh, Vượng, Mộ Khố không? mà có khỏi bị phải sao Không vong không? tuy rằng có Lộc tồn, Hóa lộc, Thiên mã mà gặp sao Không vong cũng không tốt, rồi xem đến sao Đế tinh, tức là Tử vi, Thiên phủ có đắc địa không? nên xem các sao Tả phù, Hữu bật, Thiên khôi, Thiên việt, Hóa quyền, Hóa khoa, Hóa lộc, vân vân và sao Vũ khúc có ở cùng Tử vi, Thiên phủ không? nếu có đủ các sao tốt như thế mới có thể đoán là giàu sang được.

Tuy rằng Thân Mệnh có sao tốt mà lạc hãm, lại đi cùng với sao hung tinh thì người ấy cũng nghèo hèn, Thân Mệnh đã tốt lại gặp hạn tốt thì tốt lắm, nếu Thân Mệnh tốt mà gặp hạn xấu thì bình thường, nếu có gặp nhiều sao sát tinh thì chỉ gặp sự không hay qua loa thôi, nếu Thân Mệnh xấu lại gặp hạn có sao ác sát thì xấu lắm.

Phàm xem sống chết thì phải xem đại, tiểu hạn, nếu có Thái tuế gặp ác sát tinh, như là Thiên không, Địa kiếp, Địa không, Kinh dương, Hỏa tinh, Linh tinh, Cự môn, Thất sát, Phá quân, Liêm chinh, Tham lang, Thiên thương, Thiên sứ, mà có sao Tử vi, Thiên phủ, Lộc tồn chiếu hay hợp vào tiểu hạn hoặc đại hạn thì không chết chỉ ốm và gặp sự không may, như là kiện tụng, tang thương, khẩu thiệt, vân vân...

Tuy rằng gặp sao *Thái tuế*, *Tử vi*, *Thiên phủ*, *Lộc tồn* cùng với không vong (là sao *Không*, *Kiếp*, *Tuần*, *Triệt*) thì đã chế mất giá trị của sao *Tử vi*, *Thiên phủ*, *Lộc tồn* rồi thì cũng chết, nếu không chết thì cũng gặp đủ mọi sự không hay đưa đến.

Con gái cần xem Thân, Mệnh, Phu, Tử và Phúc đức, nếu các cung ấy gặp phải sao *Không*, *Kiếp*, *Tuần*, *Triệt* hay là chiếu vào các cung ấy những sao sát tinh và cô độc (sao cô độc là *Có thần*, *Quả tú*, *Đầu quân*, *Hóa kỵ*, *Thiên hình*) thì xấu, nhất là Thân Mệnh gặp sao *Đào hoa*, *Thiên hình* và *Thất sát* thì lẳng lơ và nghèo hèn, lại như *Thiên đồng*, *Thiên lương* ở cung Tị, Hợi, *Thiên cơ*, *Thái âm* ở cung Dần, Thân, *Phá quân* ở Mão Dậu đều là người đa râm cả, nếu người ấy có đứng đắn thì cũng sinh ra bỏ chồng hoặc chết con. Lại xem cả cung Điền, Tài cũng tốt thì mới đoán là giàu sang.

Các sao hãm thì nghèo hèn :

Cự môn, *Thiên cơ* ở Sửu, Mùi thì hạ cách, — *Thiên cơ*, *Thái âm* ở Dần, Thân cũng xấu, — *Kinh dương* ở Mão, Dậu, xấu. — *Tử vi*, *Phá quân* ở Thìn, Tuất cũng xấu và bất nhân. — *Thiên đồng*, *Liêm chinh*, *Tham lang*, *Thiên lương* ở Tị, Hợi, xấu — *Thái âm*, *Thiên đồng* ở Ngọ, xấu — *Tham lang* *Vũ khúc* ở Thân, xấu — *Tham lang*, *Thất sát* ở Tị, Hợi xấu — *Phá quân* ở Mão, Dậu xấu, nếu gặp sát tinh và *Địa kiếp* thì gian phi, — *Tham lang* và *Hóa lộc* ở Thìn, Tuất, Sửu, Mùi mà gặp sao tốt thì bình thường, nếu ở các cung khác lại gặp *Hóa kỵ* hoặc *Địa kiếp*, *Thiên không*, *Địa không*, *Kinh dương*, *Hỏa tinh*, *Linh tinh* thì chẳng chết non cũng nghèo hèn.

Cung nào thuộc hành gì ?

Cung Dần, Mão là Mộc, cung Tị, Ngọ là Hỏa, cung Thân, Dậu là Kim, cung Hợi, Tý là Thủy, cung Thìn, Tuất, Sửu, Mùi là Thổ.

Ví như sao Kim ở cung Hỏa, sao Mộc ở cung Kim, sao Thủy ở cung Thổ, sao Hỏa ở cung Thủy, sao Thổ ở cung Mộc thì là xấu. Như sao *Văn xương* là Kim mà ở cung Ngọ thì xấu, nếu lại gặp *Không vong* thì xấu lắm, nếu gặp *Thiên cơ* ở đây sinh Hỏa thì lại tốt, như *Văn khúc* là Thủy ở Ngọ cùng với sao Kim thì tốt, nếu lại cùng với *Phá Quân* là Thủy thì nước nhiều quá, vàng chìm xấu, dù có nhập Miếu hoặc Đắc địa cũng vô dụng.

Như sao Kim ở cung Thổ, sao Mộc ở cung Thủy, sao Thủy ở cung Kim, sao Hỏa ở cung Mộc, sao Thổ ở cung Hỏa như thế là tốt, ví dụ sao *Liêm chinh*, thuộc Hỏa ở cung Dần, Mão là Mộc, thì tốt, nhưng nếu có *Vũ khúc* là Kim cùng với *Liêm chinh* lại kém đi, như *Liêm chinh* ở Hợi, Tý thì xấu, nhưng cùng với *Hóa kỵ* thì lại tốt.

Người Mệnh Kim mà gặp sao Thủy hoặc ở cung Thủy thì tốt thêm 4 điểm, người Mệnh Hỏa thì giảm bớt 4 điểm, người Mệnh Mộc gặp sao Hỏa hoặc ở cung Hỏa thì thêm 3 điểm, nếu gặp Kim thì giảm 3 điểm, người Thủy gặp Mộc thêm 2 điểm, mà gặp Thổ thì bớt 2 điểm, người Hỏa gặp Thổ thêm 6 điểm, gặp Thủy bớt đi 6 điểm, người Thổ gặp Kim thì thêm 5 điểm, gặp Thủy bớt đi 5 điểm.

Tuổi Thổ mà Mệnh lập ở phương Đông Nam thì hay có bệnh nung huyết và kinh sợ tuy rằng có cát tinh cũng không tránh khỏi được.

Xem đại, tiểu hạn.

Đại hạn có Đại hao đi cùng Hỏa lộc hoặc Lộc tồn lại gặp Thiên không, Địa kiếp, Hỏa tinh, Linh tinh, Tuần, Triệt, dù có phát tài nhưng cũng tán hết, — Hạn gặp Cự môn, Thiên không, Địa kiếp, Hỏa tinh, Linh tinh thì xấu lắm, — Hạn gặp Tham lang, Thất sát, Phá quân thì ốm nặng, chết đi sống lại, — Hạn gặp Liêm chinh, Cự môn, Hỏa tinh, Linh tinh, mà đại tiểu hạn cũng gặp, lại ngộ thêm hung tinh cùng Thất sát, Phá quân thì chết, Hạn gặp các sao xâu đi cùng Thái tuế, Bạch hổ, Bệnh phù, Tử phù thì ốm nặng.

Người Dương Nam, Âm Nữ hạn gặp sao Nam đầu thì tốt, — Người Âm Nam, Dương Nữ gặp Bắc đầu thì tốt, — Sao Bắc đầu mà ở đại hạn thì ứng năm năm về trước, tiểu hạn thì ứng nửa năm về trước. Sao Nam đầu thì ứng 5 năm về sau, tiểu hạn thì ứng nửa năm về sau.

Người tuổi Giáp mà gặp Thiên thương, Thiên sứ ở cung Dần nên đại tiểu hạn cùng gặp thì nguy lắm; tuổi Bính gặp 2 sao ấy ở cung Tị cũng thế; tuổi Canh ở cung Thân cũng thế.

Thiên thương, Thiên sứ ở cung Tý, cùng Kinh dương: Đà la, Thái tuế hoặc chiếu, đại tiểu hạn đều gặp thì chết. — Thiên thương ở cung Tý, Thìn, Mão, Ngọ, Mùi, Thiên sứ ở cung Dần, Thân, Tị, Hợi mà cùng Thái tuế thì giữ lắm, nên đại tiểu hạn đều gặp ở chính cung ấy thì chết, nếu gặp các sao Giải thì sống.

Người tuổi Thân hạn gặp Thiên thương rất hại, đại tiểu hạn mà gặp Thái tuế đi cùng với Tử vi, Thiên phủ, Văn xương, Văn khúc, Thiên khôi, Thiên việt, Tả phù, Hữu bật thì chỉ tổn hại lục súc và sinh khẩu

thiệt, — nếu gặp *Kinh dương, Đà la, Linh tinh, Hỏa tinh, Thiên không, Địa kiếp, Thiên thương, Thiên sứ* thì tán tã, ốm đau và chết; đàn bà gặp thì sinh bệnh hậu sản mà chết.

Hạn *Thiên không, Địa kiếp, gặp Thái tuế, Cự môn, Kinh dương, Đà la, Linh tinh, Hỏa tinh, Hóa kỵ* cũng chết.

Hạn *Kinh dương, Đà la* mà người tuổi *Thìn, Tuất, Sửu, Mùi* thì không việc gì, nếu gặp *Tử vi, Thiên phủ, Văn xương, Văn khúc* thì tài quan hiển đạt (tốt)

Hạn *Hỏa tinh* mà ở cung hãm thì sinh quan tai khẩu thiệt, hoặc bố mẹ chết, phá tài khôn khéo.

Hạn *Linh tinh* hãm địa sinh bệnh nung huyết rồi sinh ra lời thối trốn tránh, chớ làm càn mà bị tội.

Hạn *Thiên không, Địa kiếp* cũng sinh nhiều chuyện lời thối

Hạn *Cự môn, Hóa kỵ* đi cùng các sao xấu thì sinh tang thương, yếu đau, quan tụng, — Như *Thiên thương* ở cung *Tý*, *Thiên sứ* ở *Dần*, *Thái tuế* ở *Sửu*, hoặc gặp *Thiên thương, Thiên sứ* đi cùng *Kinh dương, Đà la*, thì nguy lắm, nếu có *Tử vi, Thiên đồng, Thiên lương* thì giải được.

Người tuổi *Canh, Mệnh* ở *Mão*, *Thiên ri* ở *Rậu* mà cung *Thân* có *Lộc tồn* mà hạn năm ấy ở cung *Bậu* giáp có *Kinh dương, Đà la* thì độc lắm, — Như *Mệnh* có *Thất sát*, hạn năm ấy có *Kinh dương, Đà la* cũng độc lắm, — Nhưng *Thất sát* nhập *Mệnh* thì đỡ xấu, nếu hãm địa lại gặp *Hóa kỵ* mà ở cung *Mão, Rậu* gặp *Kinh dương* mà người tuổi *Ngọ* thì độc lắm, nếu gặp *Tử vi, Thiên tướng, Lộc tồn* thì giải được, nói tóm lại hạn *Thái tuế*

gặp cả *Kinh dương*, *Đà la* mà đại tiểu hạn cùng phùng thì khó lòng qua khỏi được.

Tuổi nào kỵ năm nào.

Người tuổi Tý thì kỵ năm Dần, Thân, Tý, Ngọ

Người tuổi Dần, Mão, thì kỵ năm Tỵ, Hợi, Mão, Dậu.

Người tuổi Sửu thì kỵ năm Sửu, Ngọ và kỵ *Thất sát*.

Người tuổi Ngọ thì kỵ *Thất sát* và năm Sửu, Ngọ.

Người tuổi Tỵ thì kỵ năm Tỵ và hạn đến cung Tỵ.

Người tuổi Thìn thì kỵ năm Thìn hoặc kỵ đến cả cung Thìn và Tuất nữa, hay sinh quan tai, khẩu thiệt, tang thương.

Người tuổi Thân thì kỵ hạn *Linh tinh*, *Hỏa tinh* và kỵ năm Dần, Ngọ, nếu gặp thì sinh tai thương, tán tài.

Người tuổi Mùi gặp năm Dậu, Hợi và kỵ cả sao *Kinh dương* nữa, nếu gặp cũng sinh ra nhiều việc lời thối.

Người tuổi Tuất, Hợi gặp hạn *Kinh dương*, *Đà la* cũng sinh tai, họa, và tuổi Tuất thì kỵ năm Thìn, Tuất và cung Thìn, Tuất nữa, nếu gặp cũng sinh quan tai, khẩu thiệt tán tài.

Người tuổi Dậu thì kỵ năm Mão, Dậu, và kỵ cả sao *Kinh dương* và *Đà la*, nếu gặp thì sinh quan tai, tang thương, mất trộm, tán tài.

Người tuổi Thổ gặp mệnh ở Dần, Mão, Thìn, Tỵ, Ngọ, Mùi thì hay có bệnh nung huyết và kinh sợ, tuy có cát tinh cũng hay sinh bệnh tật quan tai.

Nói về các cách

Mệnh ở cung Thìn, Tuất, Sửu, Mùi, mà gặp sao tốt tức là giới cho mình ở chỗ vừa ý, tức là một đời được sung sướng, nếu gặp *Hóa quyền* thì hiền đạt.

Mệnh con gái ở Hợi, con gái ở Dần mà có *Tử vi*, người tuổi *Nhâm thân* thì giàu sang.

Người nào gặp sao *Tham lang*, *Liêm chinh* ở Tý Hợi lại có *Hóa kỵ*, nếu có nhiều sao tốt cũng chỉ được 30 năm tốt còn về sau xấu.

Người nào gặp *Tham lang*, *Liêm chinh*, *Phá quân* đi cùng *Địa kiếp*, *Hóa kỵ* ở cung hãm địa thì giai gian trá, gái giang hồ. Nếu lại gặp *Thất sát* nữa thì xấu lắm.

Tham lang, *Thất sát* ở Tý, Hợi, và *Phá quân* ở Mão, Dậu, thêm sao xấu và *Địa kiếp* thì người ấy đại gian trá.

Thiên cơ ở Tý Hợi thì người ấy hoạt lắm, nhiều mưu kê, thích buôn bán và đi ra ngoài.

Các cách thọ

TỬ, PHỦ, VŨ, TƯỚNG CÁCH : Người tuổi Canh thọ 70, người tuổi Bính thọ 60 người mệnh Mộc và kim cũng thọ.

CƠ, NGUYỆT, ĐỒNG, LƯƠNG CÁCH : Tuổi Bính, sống 80, tuổi Mậu, 90, tuổi tân. 60, người tuổi Tý, Thìn, Dần cũng thọ.

TẢ, HỮU ĐỒNG CUNG CÁCH : Người mệnh Thủy. Mộc, mệnh lập ở Dần, Thân, Tý, Hợi thì thọ, người Thủy thọ 73, người Mộc thọ 60.

THIÊN Y CƯ TUẤT CÁCH : Người tuổi Thổ có nhiều sao thọ thì thọ, nhưng lúc già hay bị chứng trướng tích.

PHÁ QUÂN TÝ NGỌ : Người tuổi Dần, Thân, Thìn, Ngọ và Hòa thì thọ năm sáu mươi.

THẤT SÁT DẦN THÂN : Người tuổi Thân và Mão thì thọ 80, nếu danh giá thì giảm bớt thọ.

TỬ, PHỦ ĐỒNG CUNG : Người tuổi Kỷ, Ngọ, Dần thọ 90.

NHẬT NGUYỆT ĐỒNG CUNG : Thọ 80, đối cung cũng thế.

MỆNH DƯƠNG, THÂN ÂM : Nghĩa là ở mệnh có *Thái dương*, đặc địa, Thân (thân mình) có *Thái Âm* đặc địa, người tuổi Thìn thọ 70, người tuổi Tuất thọ 87.

THIÊN PHỦ CỬ MÃO : Người tuổi Mùi thọ 85, người tuổi Sửu thọ 72.

THIÊN LƯƠNG CỬ NGỌ : Người tuổi Tý, Thân, thọ 70 và vinh hoa, người tuổi Bính thọ 60, tuổi Đinh thọ 70 nhưng nghèo.

NHẬT NGUYỆT THUẬN VI : Người Mệnh Dương mà ở cung Dương gặp *Thái dương*, người Mệnh Âm ở cung Âm gặp *Thái âm* thọ 80.

THIÊN CƠ CỬ TÝ : Tuổi Giáp thọ 65, tuổi Mậu thọ 70 và vinh hoa.

THÂN VŨ, MỆNH VẤN : Thân có sao *Vũ khúc*, Mệnh có sao *Vấn khúc*, người tuổi Dần, Thìn thọ 70.

THÂN VẤN, MỆNH VŨ : Như Thân có *Đông, Lương*, Mệnh có *Phục binh, Tướng quân*, người tuổi Kỷ hoặc Canh thọ 67.

THIÊN TƯỚNG ở cung SỬU và MÃO : Tuổi Canh Tý và Nhâm Tý danh giá và thọ 69.

KINH DƯƠNG NHẬP MIẾU : Tuổi Thìn, Tuất gặp *Kinh dương* ở Thìn, Tuất, Sửu, Mùi mà có cả các sao *Thiên không, Tuần* và *Triệt* thì thọ 90, tuổi Sửu, Mùi thọ 70,

Các cách Phú và Quý

TỬ, PHỦ, VŨ, TUỚNG : Tuổi Tị, Ngọ thì phú quý.

CƯ, CƠ, MÃO, RẬU : Tuổi Sửu, Mão phú quý, tuổi Tân, Ất, Mệnh lập ở cung Mão, lại có *Xương, Khúc, Tả, Hữu* là thượng cách, người Bính thứ nhì, người Đinh thì soàng thôi.

MÃO, RẬU NHỊ HAO : ở cung Mão, Rậu gặp *Đại, tiểu hao* thì không gọi là hao, chỉ có tuổi Dần, Thân thì bông lông mà làm nên phú quý.

CƠ, LƯƠNG THÌN TUẤT : chỉ buôn bán mà làm nên phú quý.

THIÊN KHÔNG, ĐỊA KHÔNG, ĐỊA KIẾP ở cung TỊ HỢI : tuổi Thìn, Tuất thì phú quý.

SONG LỘC CHIỀU NGUYÊN : *Lộc* lớn và *Lóa lộc* ở Mệnh, Quan lộc, Tài bạch hoặc Thiên ri chiếu về Mệnh, tuổi Dần, Mùi, Tị, Hợi thì phú quý, còn tuổi Thìn, Tuất tuy giàu nhưng không có danh giá.

MỆNH KHÔNG, THÂN KIẾP : Mệnh có *địa không*, Thân có *địa kiếp*, tuổi Thìn, Tuất, Sửu, Mùi thì giàu có, tuổi Kim, Thổ thì tốt hơn.

CỰ MÔN TÝ NGỌ : Tuổi Mộc Thổ thì phú quý.

TẢ HỮU CƯ TỬ MỘ : *Tả* phú, *Hữu* bát ở Thìn, Tuất, Sửu, Mùi cũng tốt.

(Còn nhiều cách khác quyền sau sẽ tiếp)

Quý cách

1) TỬ PHỦ ĐÔNG CUNG : Tuổi Dần, Thân, Tị, Hợi và *Hỏa* thì làm đến Nhất Phẩm, — Nếu có *Tả, Hữu, Khôi, Việt*, mà người tuổi Giáp thì làm đến Công Khanh.

2) PHÁ QUÂN TÝ NGỌ : Tuổi Canh, Nhâm, Bính, Đinh làm quan danh giá.

3) PHỦ TƯỚNG CHIÊU VIÊN : Người tuổi Giáp, Mệnh ở Sửu có Thiên phủ ở cung Tị, Dậu, có Thiên tướng chiêu thi làm nên to (không có sao sát mới được).

4) NHẬT SUẤT PHÙ TANG : Thái dương ở Mão mà tuổi Thìn, Tuất thi làm to, tuổi Hỏa làm đến Tề Tướng, còn các tuổi khác trước tốt sau xấu,

5) TIỀN CÁI HẬU MÃ : Trước có Hoa cái, sau có Thiên mã mệnh ở dữa thi tốt lắm.

6) THIÊN PHỦ LÂM TUẤT : Người tuổi Giáp, Kỷ, Mệnh ở Tuất có Thiên phủ Tả, Hữu, Khôi, Việt, Khoa, Quyền, Lộc, thi làm nên to lắm, nếu không có sao tốt thi soàng thôi.

7) TỬ VI CƯ NGỌ : Tuổi Giáp, Đinh, Tỵ, nếu không có hung tinh mà gặp nhiều cát tinh thi làm nên to lắm.

8) NGỌ THƯỢNG THIÊN LƯƠNG : Thiên lương ở Ngọ và tuổi Đinh thi tốt nhất, tuổi Mậu, Kỷ, Quý bình thường nhưng nửa đời về sau mới tốt.

9) TAM HÓA LIÊN CHÂU : Hóa khoa, Hóa quyền, hóa lộc ở Tý, Sửu, Dần mà mệnh ở 3 cung ấy, người tuổi Canh và Tân thi làm nên to, nhưng yếu.

10) MÁ NGỘ TRƯỜNG SINH : Người tuổi Dần gặp Thiên mã và Trường sinh ở cung Dần thi tốt lắm.

11) THIÊN MÃ Ở DẦN GẶP KINH DƯƠNG : tuổi Giáp Thìn thi tốt nhưng không bền.

12) KINH DƯƠNG GẶP HỎA TINH : ở Thìn, Tuất, Sửu, Mùi thi văn võ kiêm toàn.

13) THIÊN KHỐC GẶP KHÔI, VIỆT, XƯƠNG, KHÚC. cũng tốt lắm.

14) TƯỚNG QUÂN GẶP LIÊM CHINH : Mệnh ở cung Thân thì danh giá và hách lắm.

15) Mệnh ở cung Thân mà cung Tý có *Thiên đồng*, cung Dần có *Cự môn*, cung Thìn có *Thiên lương* mà có tam *Hóa* thì tài giỏi lắm.

16) ĐỒNG, LƯƠNG, DẦN, THÂN : Tuổi Giáp, Canh, Thân thì làm nên danh giá.

17) Tuổi Giáp mệnh lập ở Hợi có *Hóa khoa* mà cung Dần có *Lộc Tồn* thì làm nên danh giá và oanh liệt lắm.

18) *Tham lang* gặp *Linh tinh* hoặc *Hỏa tinh* ở Thìn Tuất, Sửu, Mùi, tuổi Mậu và Kỷ thì làm nên, nếu ở Mão cũng tốt, nếu gặp *Kình dương*, *Đà la*, *Thiên không*, *Địa kiếp* thì chẳng ra gì.

19) *Thái dương* và *Cự môn* ở cung Dần hoặc ở cung Thân cũng tốt, nếu *Thái dương* ở Tý, *Cự môn* ở Hợi cũng tốt.

20) *Văn xương*, *Văn khúc* ở cung Thìn, Tuất, Hợi, Mão, Dậu thì làm nên.

21) Mệnh có *Quyền* và *Lộc* cũng tốt lắm.

22) SÁT, PHÁ, LIÊM, THAM CÁCH : Tuổi Thìn, Tuất, Sửu, Mùi thì tốt, tuổi Kim, Mộc thì làm to, các người khác thì xấu, hay bị trách oán,

23) CƠ NGUYỆT ĐỒNG LƯƠNG : Tuổi Thân, Tý, Thìn, Hỏa, Thổ thì tốt lắm, tuổi Dần, Mão, Mùi, Hợi thì làm soàng thôi, tuổi Mộc cũng khá.

24) LIÊM CHINH DẦN THÂN : Tuổi Thìn, Tuất, Mộc, Kim dùng lược làm nên về đàng võ.

25) THIÊN TƯỚNG SỬU, MÃO : Tuổi Tý, Ngọ tốt nhất,

tuổi Thủy, Mộc thì chung bình, tuổi Kim thì văn võ đều giỏi.

26) TẢ PHU CÙNG VĂN XƯƠNG : tốt, và thông minh.

27) THIÊN PHỦ DẦN MÃO : Tuổi Tý, Sửu làm nên sớm, dù có bị cách cũng lại được phục sự.

28) TỌA KHÔI HƯỚNG VIỆT : Tuổi Tý, Mão, Thủy, Hỏa, gặp *Thiên khôi, Thiên việt* thì làm nên.

29) HỒNG LOAN, ĐÀO HOA CƯ TÝ : Tuổi Tý, Dần, làm nên nhưng yếu.

30) LỘC, MÃ CƯ DẦN : Tuổi Dần, Mão, Thìn, Tuất thì tốt, tuổi Hòa công danh sớm.

31) ĐÀ LA, THIÊN KHỐC CƯ QUAN LỘC : Tuổi Dần, Thân, văn, võ, kiêm toàn, công danh sớm.

32) XƯƠNG KHÚC CƯ SỬU MÙI : Tuổi Mão, Dần, Thân gặp *Xương, Khúc, Khoa, Quyền, Lộc* thì phú quý và thọ.

33) *Thiên lương* cùng *Văn khúc* ở Ngọ, hoặc *Lương* ở Ngọ, *Khúc* ở Tý thì làm nên to.

34) TAM HÓA CÙNG MỆNH : Mệnh có một *hóa*, Tài có một *hóa*, Quan có một *hóa* và Ri có một *hóa* lại gặp *tả, Hữu* thì làm nên Công Khanh.

35) VŨ KHÚC CƯ THÌN TUẤT : danh giá lừng lẫy, ở Sửu, Mùi, trung bình nhưng phải có *Tam hóa, Xương, Khúc, Tả, Hữu* mới làm nên to được.

36) VŨ KHÚC CƯ MÃO : Người tuổi Thổ hoặc Kim tốt lắm.

37) UYÊN ƯƠNG LỘC HỘI : *Lộc tồn* và *Hóa lộc* cùng ở Mệnh hoặc chiêu Mệnh tốt lắm.

38) *Thái dương* ở Dần, Ngọ, *Thái âm* ở Tý, Thân, ở giữa có *Thiên phủ*, hai bên có *Tả, Hữu* cũng làm nên to, nếu ở cung Tài hoặc Quan lộc cũng giàu lắm.

39.) *Lộc tồn* và *Thiên tượng* ở đằng sau, *Thiên mã* ở đằng trước, *Mệnh* ở giữa cũng làm nên danh giá.

40.) *Mệnh* ở *Ngọ* có *Đông* và *Dương Nhận*, làm nên danh giá, nhất là về đẳng võ.

41.) *Mệnh* có *Mã*, giáp ở bên cạnh có *Vũ*, hoặc *Tượng* cũng tốt lắm.

42.) THẠCH TRUNG ẮN NGỌC : là *Cự môn* ở *Tý*, *Ngọ*, người tuổi *Đinh*, *Quý* mà có *Khoa*, *Lộc* chiếu thì làm nên to lắm.

43.) *Mệnh* có *Hòa quyền*, *Thất sát* và *Hóa lộc* thì làm về đẳng võ giỏi lắm.

44.) *Mệnh* có *Cơ*, *Lương* thì chịu suy sét và giỏi về đẳng Võ.

45.) *Mệnh* ở *Dần*, *Thân*, *Tý*, *Ngọ* gặp *Xương*, *Khúc*, *Tả*, *Hữu*, *Khôi*, *Việt* chiếu thì làm nên to.

46.) *Mệnh* ở *Sửu*, *Mùi* gặp *Thái dương*, *Thái âm* và *Khoa*, *Quyền*, *Lộc* làm nên Công Hầu.

47.) *Cung Quan Lộc*, *Thiên ri* hoặc *Tài* có *Xương*, *Khúc* và *Hóa khoa* chiếu *Mệnh* thì đỗ sớm.

48.) *Mệnh* có *Thái dương* đặc địa, lại có *Thái âm* đặc địa chiếu mà có cả *Xương*, *Khúc* nữa thì làm nên Nhất Phẩm.

49.) *Mệnh* có *Khôi*, *Việt*, *Thiên quan*, *Thiên phúc* hoặc chiếu *Mệnh* thì làm nên và giàu.

50.) *Cung Quan* giáp *Long*. *Mã* cũng tốt lắm.

51.) *Mệnh* có *Liêm trinh* và *Thiên hình* đặc địa thì đẳng võ giỏi lắm.

52.) Người tuổi *Đinh* gặp *Thiên đồng* ở *cung Tuất* và người tuổi *Tân*, *Mệnh* ở *Thìn*, *Tuất* có *Cự môn* lại có *Khoa*, *Lộc* chiếu nữa thì làm to, giàu có, còn các tuổi khác thì xấu.

53.) Mệnh ở Sửu có Âm, Dương ở Mùi chiếu, hoặc Mệnh ở Mùi có Âm, Dương ở Sửu chiếu mà người tuổi Bính hoặc Tân thi làm nên to.

54.) Tử, Phủ, Âm, Dương ở Vượng cung thi làm đến Công hầu, là Tử vi ở Ngọ, Thiên phủ ở Tuất, Thái dương ở Mão, Thái âm ở Hợi mà có thêm Khoa, Quyền, Lộc, Xương, Khúc, Khôi, Việt, Tả, Hữu, mà không gặp phải các sao xấu như là Thiên không, Địa không, Địa kiếp, Tuần, Triệt, Thiên hình, Hóa kỵ, Kinh dương, Đà la thi làm đến Công Khanh.

(Quyền sau sẽ tiếp.)

Những cách xấu

Những cách chết non và nghèo hèn.

Âm Dương phản bội, là Thái dương từ cung Rậu đến Sửu, Thái âm từ Dần đến Thân thi nghèo hèn và yếu, duy có tuổi Thìn và Tý tuy chết non nhưng nhiều người tiêc.

Thân và Mệnh không hợp nhau lại gặp các sao xấu thi chỉ sống 25 tuổi (Như Thân ở cung Dương mà Mệnh ở cung Âm là không hợp).

Kinh dương, Đà la, Thiên không, Địa không, Địa kiếp ở Mệnh hoặc chiếu Mệnh, lại bị các sao ấy hãm thi chết non, duy có người tuổi Ngọ, Mão và Dần tuy chết non nhưng danh giá.

Mệnh không có cách gì tốt thi chỉ sống được 30 tuổi là cùng.

Mệnh có *Hỏa tinh* và *Linh tinh* hãm và gặp các sao xấu thì chết non và chết dịch.

Mệnh ở *Ngọ* gặp *Kinh dương*, *Đà la* thì chết non, Mệnh ở *Mão* hay ở *Rậu* thì còn khá hơn.

Mệnh ở *Ty*, có *Tham*, *Xương* lại thêm *Hóa kỵ* và hung tinh thì chết non, nếu ở cung *Quan lộc* thì không bền.

Thiên mã ở *Hợi* thì người ấy vất vả khổ sở và chết non, duy có người tuổi *Tbửy*, *Hỏa* lại thọ 70.

Sát, *Phá*, *Liêm*, *Tham* lại thêm *Linh*, *Hoa* mà các sao ấy đều hãm, lại thêm các sao xấu thì chỉ sống một hai tuổi thôi.

Người tuổi *Tân*, *Nhâm*, *Kỷ* có *Linh tinh*, *Kinh dương*, *Đà la*, *Vũ khúc* mà đại tiểu hạn đều gặp thì chết đuối, nếu không cũng chết đường, hoặc Mệnh có các sao ấy ở *Thìn Tuất* cũng thế.

Mệnh có *Cự Môn*, *Hỏa tinh* và *Kinh dương* mà hạn gặp ác tinh thì chết tự vẫn.

Đào hoa gặp *Kiếp*, *Không* ở Mệnh hoặc chiếu chỉ sông 30 tuổi, nếu gặp sao tốt thì sống được 49 tuổi.

Mệnh tuy có nhiều sao tốt mà không hợp với mình cũng chết non.

Thiên cơ, *Thiên lương* ở *Sửu*, *Mùi* lại thêm có *Kinh dương*, *Đà la* chỉ sống được 39 tuổi.

Mệnh có *Kinh dương*, *Đà la*, *Hỏa tinh*, *Linh tinh*, mà gặp *tử*, *phủ* cũng chết non nhưng danh giá.

Giấu có mà không giữ được, là vì *Hóa lộc* hoặc *Lộc tồn* gặp *Không*, *Kiếp*, hoặc *Hóa lộc* ở các cung *Tý*, *Ngọ*, *Thân*, *Rậu*.

Đại tiểu hạn gặp *Tham*, *Vũ*, ở Thìn Tuất lại có *Thái Tuế*, *Điếu khách*, *Tang Môn*, *Bạch Hổ Thiên không*, *Địa không*, *Kình dương*, *Địa kiếp*, *Đà la*, hoặc gặp một hai sao giữ này cũng chết đuối.

Mệnh có *Thiên không* mà mệnh ở cung Tỵ, Hợi, Tý, Ngọ lại dễ vào các giờ ấy thì chết non, nếu gặp các sao tốt cũng bình thường.

Văn xương, *Văn khúc* gặp *Phá quân*, *Hóa kỵ* thì vất vả.

Đại, *Tiểu*, *Hao* ở cùng với sao *Tuyết* hoặc ở bốn cung Tỵ, Ngọ, Mão, Dậu, mà gặp *thiên hình*, *Hóa kỵ*, lại ở vào cung Quan lộc thì người ấy ăn mày. (Người tuổi Dần, Ngọ, Tuất mệnh ở Ngọ; tuổi Tỵ, Dậu, Sửu, mệnh ở Dậu; tuổi Hợi, Mão, Mùi, mệnh ở Mão; tuổi Thân, Tý, Thìn mệnh ở Tý, thì bị phải sự không may ấy).

Tham lang đi cùng với *đại tiểu hao* ở mệnh hoặc quan lộc thì cả đời nghèo khổ gian trá.

Mệnh hoặc cung *Giải ách* có *Cư môn*, *Kình dương*, *đà la* thì người ấy có tật bệnh luôn luôn và bỏ làng đi nơi khác.

Liêm chinh, *thất sát* và *Thiên hình* ở cung Quan lộc thì người ấy hay bị tù tội.

Cung Dậu có *thái tuế*, *thiên hình* mà Mệnh ở đây cũng hay bị tù tội.

Mệnh có *thiên tướng* gặp *Liêm trinh*, *thái tuế* và *thiên Hình* cũng hay bị tù tội.

Cung Thiên Ri có *Quan phủ* lại gặp *Liêm trinh* và *thiên hình* thì ra ngoài cũng hay bị tù tội.

Thái tuế và *đà la* ở Dần, Thân mà mệnh ở đây thì nghèo hèn và yếu.

Mệnh có hai sao *thiên hình* và *thiên việt* gặp thì giờ

đánh, hoặc mệnh ở Mão, Dậu gặp *Phá quân*, *Liêm trinh* *Linh tinh* hoặc *Hỏa tinh* và *thiên hình* cũng thế, nếu có *tuần*, *triệt* thì không việc gì, nhưng cũng hay bị điện rụt.

Mệnh gặp *Địa kiếp* và *thất sát* thì hay có người ăn trộm ở cạnh mình, nếu gặp cung *Điền trạch* thì trộm hay rình ở nhà mình.

Mệnh gặp *Cự môn*, *Hóa kỵ* thì gần người lời thôi.

Mệnh ở Thìn gặp *Cự*, *Kỵ* lại có *Đà*, *Linh*, hạn đến năm *Thìn*, *Tuất* thì chết đuối.

Trẻ con mệnh ở *Tuất* mà có *Cự*, *Kỵ* thì không nên cho chơi gần ao kéo chết đuối.

Thái dương hãm mà ở mệnh lại có *Kỵ*, cung *Giải ách* có *đà* thì thông manh.

Thiên mã ngộ *Không vong* thì bỏ làng.

Phá quân gặp *Triệt* thì chết đường.

Cung *Nô Bộc* có *Phá*, *Kỵ* thì đầy tớ phản thầy.

Mệnh có *Riêu*, *đồng*, *Phá*, *triệt* thì rụng răng sớm.

Hạn *Sát*, *Phá*, *tham* mà năm ấy có nhiều sao *thổ* thì sinh bệnh *Âu thổ*, sao *kim* hoặc *thủy* thì trước rét sau thũng.

Liêm, *tham* ở *Tỵ* Hợi thì khó tránh được tù tội.

Văn xương hoặc *Văn khúc* ngộ *Hóa kỵ* thì chết non.

Người tuổi *Sửu* gặp *Văn xương* ở cung *thiên thương* cũng chết non.

Mộc dục ở *Giải ách* gặp *thanh long* và *Long tri* cũng chết đuối, (có *tuần*, *triệt* và sao *Giải* thì không sợ).

Mệnh hoặc *Điền trạch* có sao *Linh*, *Hỏa* và *tang môn*

mà không có sao *thủy* và *tuân*, *triệt* thì chết cháy hoặc bị cháy nhà.

Thiên mã ngộ *đà*, *không*, *kiếp*, *tuân* *triệt* thì ngã què.

Kinh dương *hãm*, ngộ *kiếp*, *không* và *ky* thì chết phi mạng.

Mệnh có *Khôi*, *Việt*, *Xương*, *Khúc* và *Tam hóa* mà không làm nên được là vì có *Hình* và *ky*.

Mệnh có *Bệnh phù* và *Hình* thì có bệnh phong.

Mệnh có *Thiên mã*, *Linh* hoặc *Hỏa* và *Tang môn* thì hay sinh bệnh lao.

Mệnh có *Phục binh* ngộ *Riêu*, *ky*, *kiếp*, *Hình* là người gian phi.

Mệnh có *đào hoa*, *Mã*, *Lương*, *Tuân*, *Triệt* thì đa dâm.

Mệnh có *Thiên hỷ* ngộ *đào*, *Riêu*, và *không*, *kiếp* thì chết vì chơi bời giai gái mà người ta giết.

Mệnh có *Phá toái* gặp *Hỏa*, *Hình* thì chết về ác tật.

Mệnh có *Lâm quan* gặp *Tuế*, *không* và *kiếp* thì làm lính hầu.

Mệnh có *Hỏa*, *Linh*, *Long tri*, *Mộc dục* thì hay phải bồng.

Mệnh có *Hổ*, *đà*, *Hình*, *ky*, phòng chó dại cắn.

Mệnh có *Hóa ky* *kinh* *đà* thì điếc, hoặc nói lắp

Mệnh có *Thiên cơ* ngộ *Hỏa tinh* thì hay có ma làm.

Mệnh hoặc cung *Giải ách* có *kinh dương* hoặc *đà* *la* cùng với *Hoa cái* và sao *Dưỡng* thì lên đậu.

Mệnh có *Hóa ky* và cung *Giải ách* có *Mộc dục* thì hay có bệnh tê thấp

Mệnh có *Thái tuế*, *Thiên riêu*, *Hoa cái*, *Đà la* thì nói
ngọng hoặc câm.

Mệnh có *Tham lang*, *Bạch hồ* hay hạn gặp đến năm
Tuất hay Hợi mà gặp 2 sao ấy thì bị hồ cần hoặc ác
thú cần.

Mệnh đàn ông có *Phá quân* ở Thìn hoặc Tuất thì người
ấy bất nhân.

Đàn bà Mệnh có *tham lang* hoặc *thất sát* hãm cũng
bạc tình,

Mệnh có *Bạch hồ*, *đà la*, *Thiên hình*, *Hóa kỵ*, và không
kiếp hoặc hạn gặp thì bị hồ cần hoặc ác thú cần.

Mệnh ở Dần, Thân gặp *thất sát*, *Hóa kỵ* và không *kiếp*
hay bị người ta đánh chửi.

Mệnh có *Thất sát*, *Bạch hồ*, *Quan phù*, *Thiên hình*,
hoặc hạn gặp cũng hay bị tù.

Mệnh có *Thiên phủ*, gặp *Không*, *Kiếp*, *Tuân*, *Triệt*,
thì người ấy tán tài.

Mệnh có *Đại hao*, hoặc *Tiểu hao* và *Hóa kỵ* thì vất vả.

Mệnh hoặc cung Thiên Ri có *Tham lang*, ngộ *Văn*
xương ở cung Dần, Thân hay bị tù.

Mệnh có *Tham*, *Vũ*, ở cung Sửu, Mùi gặp *Xương*,
Khúc bị chêt đuối.

Mệnh ở cung Dần có *Địa kiếp*, *Thất sát*, *Thiên*
hình, hạn gặp đến cung ấy thì ác thú cần, nếu mệnh
ở Tỵ thì rắn cần, ở Tuất gặp thêm *Đà la* thì chó
rại cần.

Mệnh có *Hồng loan*, *Tấu thư*, *Vũ khúc*, *Thiên hỉ*, *Đào*
hoa thì làm nghề xướng ca.

Mệnh có *Thiên hình*, *Tấu thư*, *Thiên cơ* và *Vũ khúc* làm thợ mộc giỏi.

Mệnh có *Tham lang* hãm địa thì làm hàng thịt.

Mệnh có *Tham*, *Vũ* gặp các sao xấu thì làm thợ rèn.

(Quyển sau sẽ tiếp)

Địa vị mỗi sao trong mỗi cung.

1. — Tử' vi ở mệnh

Sao *Tử' vi* ở Mệnh thì tốt lắm, nếu gặp các sao *Tướng*,⁽¹⁾ *Tả* ở đây thì giàu sang, nhưng gặp *Tuán*, *Triệt*, *Kiếp*, *Không* thì yếu, nếu gặp *Kình*, *Đà*, *Hỏa*, *Linh*, thì chẳng ra gì, — Mệnh ở Thìn, Tuất có *Tử' vi* thì phú nhưng không có quý, nếu Mệnh ở Mão, Dậu gặp *Tu*, *Tham* thì không tốt đều cũng như đây tứ vô nghĩa với thầy, — Mệnh có *Tử' vi* gặp *Sát*, *Kình*, *Đà*, *Linh*, *Hỏa* thì người ấy hiếm con, — nên đi tu thì hơn.

Tử' vi cùng với *Tả*, *Hữu*, *Xương*, *Khúc*, *Khôi*, *Viết*, *Khoa*, *Quyên*, *Lộc* và *Lộc* tồn, *Đào* hoa thì mới làm nên to được,

Sao *Tử' vi* thuộc về Nam và Bắc đầu và là *Dương* thổ, ở vào cung Quan lộc thì tốt nhất, nếu ở vào Mệnh hoặc Thân thì người ấy da giấy sắc tía, tính hay làm việc Phúc đức gặp các sao tốt thì làm nên to, nếu ở Mệnh đàn bà thì người ấy vượng phu ích tử.

(1) *Tướng Tả*: nghĩa là Thiên-tướng, *Tả* phủ hoặc *Hữu* bát.

Các cách thuộc về sao Tử vi

Người tuổi Đinh, Kỷ, Canh mà gặp *Tử vi* ở cung Tý thì làm nên, nhưng người tuổi Nhâm, Quý lại không bền.

Người tuổi Ất, Tân mà *Tử vi* cùng với *Tham lang* ở Mão, Dậu thì làm nên, nhưng người tuổi Giáp và Canh thì không bền.

Người tuổi Giáp, Đinh, Kỷ mà *Tử vi* ở Ngọ thì làm nên, nhưng người tuổi Bính và Mậu thì dơi tật.

Người tuổi Giáp, Canh, Đinh, Kỷ gặp *Tử vi* cùng *Thiên phủ* ở cung Dần, Thân thì làm nên.

Người tuổi Ất, Mậu, mà *Tử vi* ở cung Tỵ, Hợi cùng *Thất sát* thì làm nên.

Người tuổi Ất, Kỷ, Quý, Giáp, Canh mà *Thiên vương* ở Thìn, Tuất thì làm nên.

Người tuổi Giáp, Canh, Đinh, Kỷ, Ất, Nhâm ở cung Sửu, Mùi gặp sao *Tử vi* cùng *Phá quân* thì làm nên.

Tử vi ở Mệnh mà có *Kình*, *Đà*, *Hỏa*, *Linh*, *Không*, *Kiếp*, *Tuần*, *Triệt* thì người ấy ăn ở không đứng đắn, nếu có *Hình*, *ky* hay sinh ra đánh nhau hiểm thù nên không cũng sinh đánh nhau với vợ, nếu không cũng sinh ra ốm đau và có tật trong mình, — nếu người Mệnh Thủy và có nhiều sao xấu thì tính ương ngạnh; người tuổi Thổ và Hỏa Kim thì tốt; người Mộc thì xấu.

Vận hạn tuy gặp sao xấu, nhưng gặp *Tử vi* mà không gặp *không*, *kiếp*, *tuần*, *triệt* thì giải được hạn.

Mệnh, Tài, Thiên Ri, Quan Lộc mà giáp có *Tử*, *Phủ*, *Xương*, *khúc*, *khôi*, *Việt*, *Tả*, *Hữu*, *Thai*, *Tọa*, *Long*, *Phượng*, *Quang*, *Quý*, thì tốt lắm.

2. — Tử vi ở tử tức

Nếu *Tử vi* ở cung Con thì được 5 người con và để để gái trước, — nếu *Tử vi* ở Miếu Vương thì 3 giai 2 gái ; nếu có *kình, đà, Kiếp, Không, Linh, Hỏa, Tuân, Triệt* thì chỉ được một hai người con ; nếu cùng *Phá quân* thì 3, cùng *Thiên phủ* 4, 5 người ; nếu cùng *Xương, Khúc, Tả, Hữu* thì con danh giá ; nếu cùng các sao *Dương* mà ở *Dương* cung thì nhiều con giai ; nếu cùng sao *Âm* và ở *âm* cung thì nhiều con gái ; nếu cùng với nhiều sao tốt và sao ấy cũng đặc địa thì lại thêm lên ; nếu có nhiều sao Quý như : *Xương, Khúc, Khôi, Việt, Khoa, Quyền* thì con về sau danh giá đỗ đạt ; nếu cùng với sao Phú như là *Lộc tồn, Hóa Lộc* thì con giàu. — Như người *Mộc* thì cha khắc con và lại có thêm các sao giữ thì để nhiều nuôi ít.

Nên xem cả cung Phúc đức nữa, nếu không có sao *Có thần, Quả tú, Đầu quân* thì tuy tiền đầu bất lợi nhưng về sau cũng được 4, 5 người ; nếu Mệnh có sao *Tham lang, Liêm chinh, Phá quân, Thất sát*, và *Kình, Đà, Linh, Hỏa, Không, Kiếp*, mà cung Phúc đức lại có *Tang môn, Đại tiểu hao* thì tuyệt tự. Nên lấy vợ lẽ thì mới có 1, 2 người con.

3. — Tử vi ở Quan-lộc

Tử vi ở *Quan lộc* mà gặp người *Kim, Thổ* hoặc *Hỏa* và có *Tả, Hữu, Xương, Khúc, Khôi, Việt, Khoa, Quyền, Lộc* và *Lộc tồn* thì làm nên to lắm, nếu có *Kình, Đà, Linh, Hỏa, Không, Kiếp, Tuân, Triệt* thì kém đi nhiều, nếu cùng với *Thiên phủ* thì danh giá, giàu có, cùng với *Thiên tướng* thì làm nên và thẳng, cùng với *Phá quân*

thì nên buôn bán ở chỗ đông người. thì cũng phong lưu cùng với *Tham lang* và *Thất sát* cũng làm nên đẳng võ. nếu *Tử vi* hãm địa thì chỉ làm Lại thôi. (làm Lại, như Giáo Học, Thư Ký, Thừa Phái).

4. — **Tử vi ở Tài bạch**

Người Mộc thì khác tài, có của nhưng không bền, nếu có *Không*, *Kiếp*, *Tuần*, *Triệt*, *Đại*, *tiểu hao* thì có cũng hết, cùng với *Phá quân* trước nghèo sau giàu, cùng với *Phủ* cả đời giàu có, cùng với *Tả*, *Hữu* thì làm nên mà giàu có, cùng với *Thất sát* thì tự nhiên giàu, người Kim thì giàu to, người Thổ cũng tốt, người Thủy thì ít tài, nếu có của lại bị hại về của, người Hỏa thì tốt tài, nhưng khó nhọc mới có. — *Tử vi* cùng với *Lộc tồn* và *Hóa lộc* thì giàu lắm, nếu cùng *Tả*, *Hữu*, *Xương*, *Khúc*, *Khôi*, *Việt*, *Khoa*, *Quyền* thì làm nên và giàu, nếu cùng với *Tham lang* mà sao ấy cũng hợp với *Mệnh* thì chơi bởi lâu lộng mà phong lưu nếu sao *tham lang* khắc *Mệnh* thì đánh bạc thua hết của, nếu cùng với sao *Đào*, *Hồng*, *Riêu*, *Hỷ*, mà các sao ấy hợp *Mệnh* thì gái hoặc vợ đem của về cho mình làm giàu, nếu các sao ấy khắc *Mệnh* thì vợ hoặc gái phá hết của. Nếu cùng *Phá quân* thì làm quân lính hoặc quan Võ mà có của, nếu sao *Phá quân* khắc *Mệnh* thì hay bị trộm cướp lấy mất của, nếu có *Phục binh* thì lúc nào cũng có đũa trộm cắp dính lấy của mình, cùng *Thiên phủ* hoặc *Thiên tướng*, thì tự nhiên giàu.

5. — **Tử vi ở giải ách**

Phải nên xem *Mệnh* có tốt hay xấu rồi mới xem đến *Giải ách*, có *tử vi* ở cung *Giải ách* thì ít ốm đau và ít vận hạn, nếu cùng với *thiên phủ* thì tốt, cùng *thiên tướng*

hay có bệnh ngoài da, cùng *Phá quân* khí huyết kém, nếu có *kình, đà, Linh, hỏa, ky*, thì ám tật như là mắt mờ, cùng *không, kiếp* thì có bệnh Tâm khí.

Người Kim thì khí huyết tốt, người Thủy mà có *kình, đà, Hình, ky, Linh, Hỏa, không, kiếp* và *Bệnh phù* thì có nhiều tật bệnh, người Mộc cũng xấu, người Thổ thì tốt, người Hỏa thì tốt lắm, vì *tử vi* là Âm thổ cho nên Đại tiểu hạn gặp sao giữ thì hay đau bụng, tuy rằng ở cung Miếu, Vượng nhưng khác Mệnh (không hợp với Mệnh) thì sinh ra bệnh *Đầy trướng*, nếu ở cung Hãm thì sinh *phế hư* và *Triết' tả*, hoặc *Đau bụng* và *Ứng trệ*, hoặc sinh *đờm chũng*, nếu có thêm sao Thủy và *Hình ky* và *Bệnh phù* thì sinh chứng Âm hư, nếu có *đà, Riêu, Linh, Hỏa* thì sinh *Tà ma* và *Điên cuồng* nếu có *tuần, triết, đại, tiểu hao* thì tốt lắm, giải được bớt xấu và bớt ốm đau.

6. — *Tử vi ở diên trạch*

Tử vi cùng *Xương, khúc, tả, Hữu*, thì có nhiều cửa nhà và ruộng, cùng *kình, đà, Linh, Hỏa, không, kiếp* đều có cửa nhà và ruộng cũng bán hết rồi lại có, cùng với *Phá quan* thì bỏ làng đi nơi khác, nhưng cũng có nhà và ruộng cùng với *thiên trượng* thì tậu được nhiều. *Tử vi* mà hợp Mệnh và gặp các sao cũng khác hợp thì có nhiều nhà nhiều ruộng. Người Hỏa gặp *tử vi* miếu vượng đi cùng *Phượng các, thiên hỷ*, và *Hỷ thần* thì tậu được nhiều, nếu ở cung Miếu vượng mà không hợp Mệnh lại có các sao xấu đi cùng, tuy có cũng bán hết như ở cung Miếu vượng và hợp Mệnh lại cùng với 5 sao tốt thì tậu được 15 mẫu ruộng giờ lên, nếu hãm địa thì chỉ có 5 mẫu hoặc 5 sào, nếu mệnh có

nhiều sao Tài như là *Lộc tồn* và *Hóa lộc* thì lại có nhiều thêm lên nếu có *Hỷ thần*, *Thiên hỷ*, *Tấu thư*, *Xương*, *Khúc*, lại cùng với *Không*, *Kiếp* thì tổ nghiệp để lại cho bao nhiêu cũng bán hết nhưng lại tậu được đủ số bán đi. — Như Mệnh có *Thiên không*, cung *Điền trạch* có *tử vi* gặp *tuần*, *triệt* là người ấy bỏ làng đã hai đời rồi, nếu Mệnh có sao xấu và *Đại tiểu hao* thì người ấy làm nhà nhờ đất của người ta, nhưng về sau cũng có nhà và đất, nếu cùng với *Tham lang* thì tay mình làm nên 2, 3 lần mới thành được cơ nghiệp, *Tử vi* ở *Điền* dù hãm và gặp sao xấu cũng có cửa nhà.

7. — *Tử vi* ở phúc đức

Tử vi ở *Phúc đức* thì người ấy sung sướng suốt đời và thọ 93, nhưng phải hợp với Mệnh mới được, nếu có *Trường Sinh*, *Đế vượng*, *tả*, *Hữu*, *Xương*, *Khúc*, *Khôi*, *Việt*, *khoa*, *Quyển*, *Lộc* và *Lộc tồn* thì làm nên và họ hàng đều thịnh vượng, nếu khắc Mệnh và hãm địa lại gặp *Tuần*, *Triệt* thì khó nhọc vất vả, nếu có thịnh vượng cũng không bền, nếu có *Không*, *Kiếp*, *Kình*, *Đà*, *Linh*, *Hỏa*, không những mình và họ hàng không được thịnh vượng và có người dễ trộm cắp ở gần mộ tổ xa đời, hoặc mất má, con trường bại, con thứ làm nên. Tuy *tử vi* có *Đắc địa* và hợp Mệnh nhưng có *Tuần*, *triệt*, thì còn phát nhưng không bằng trước, nếu có *tang môn*, *Đại tiểu hao* thì làm ăn không được vượng, như người Mộc mà gặp *Quan phủ*, *Phục binh*, *Hóa kỵ*, *thiên hình*, thì họ hàng không hòa thuận với mình, hay sinh kiện tụng và đánh nhau.

Người Thủy gặp *kình*, *Đà*, *Linh Hỏa*, *không*, *kiếp*, *tuần*, *triệt*, *Hình*, *kỵ* thì không thể ở nhà của tổ nghiệp để cho được, phải đi ở làng khác, nếu không thì sinh ra ốm đau,

như *tử vi* đặc địa và hợp Mệnh nhưng lại gặp sao xấu thì họ hàng còn thịnh vượng, nhưng có nhiều người bị bệnh tật, nếu đi cùng *thất sát*, *Phá quân* thì phát võ, nếu hãm địa mà gặp các sao *Sát*, *Phá* thì sinh ra hung nghịch trộm cắp, nếu có *Phục binh*, *tướng quân* ngộ *tử* (là sao *Tử*) thì họ hàng có người đi lính chết trận, nếu gặp một hai Văn tinh thì phát văn học nếu có sao xấu khắc sao Văn tinh ấy thì tuy có văn học nhưng không đỗ cao được, như *tử vi* ở Phúc đức thì được 5 đời thịnh vượng, đặc địa thì là mả tổ, hãm thì xa đời, ví dụ sao ấy là Thổ thì sinh Kim, nếu gặp *Văn xương* là Kim thì lại càng vượng lắm, nếu lại cùng *Phá*. *Cự tức* là Thủy thì tốt thêm mãi ra, cùng Phúc đức có nhiều sao Văn mà Mệnh có nhiều sao Vũ cũng kém nhiều, Mệnh có hung tinh mà Phúc đức có nhiều Phúc tinh cũng xấu. Nói tóm lại, cùng Phúc đức tuy có *tử vi*, đặc địa và hợp Mệnh, nhưng gặp *không*, *kiếp*, *kình* *đà*, *Linh*, *Hỏa*, *tuần*, *triệt*, *dại*, *tiểu hao*, *tang môn*, *Phục binh*, *Hình kỵ*, *tử*, *tuyệt* là giảm mất nhiều.

8. — *Tử vi* ở thiên ri

Người Mệnh Kim mà gặp *tử vi* miếu vượng thì ra ngoài làm ăn thịnh vượng và làm nên, gặp Phúc tinh, ra ngoài được Phúc, gặp Quý tinh ra ngoài làm nên, gặp Tài tinh ra ngoài làm giàu, người Thổ và Hỏa cũng hợp, chỉ có người Mộc và Thủy thì không hợp, nếu gặp nhiều sao xấu ra ngoài chả ra gì, nếu cùng với *tả*, *Hữu*, *Quyền*, *khoa*, *Lộc*, *Lộc tôn*, *Quốc ấn*, *Phong cáo* ra ngoài làm nên to, cùng với *thất sát* chỉ nên ở ngoài thì tốt, cùng với *tham* *Lang* ra ngoài nên ở chỗ đông người như là ở thành phố thì tốt, cùng với *Phủ* hoặc *tướng* ra ngoài cũng tốt, cùng với *Phá Quân* ra ngoài khó nhọc nhưng cũng tốt, nếu cùng với

Đào hóa, Thiên riêu ra ngoài chỉ *riêu* chẻ *giai* gái, cùng *đại tiểu hao* ra ngoài tán tài, như *tử vi* ở một mình lại *hãm địa* tức là *cô quân* mà gặp các sao giữ thì *chả* ra gì.

(Quyển sau sẽ tiếp)

1. — Thiên phủ ở mệnh

Thiên phủ là Nam đầu dương thổ là sao lạnh, chủ về *Tài bạch*, ở *Mệnh* người nào thì người ấy sắc chẳng mất *vuông*, tính ngay thẳng, nếu *đắc địa* thì tính khoan hòa, có tài giỏi, nếu *hãm địa* thì *biền lận* *giảo trá*, như người *Kim*, hoặc *Thổ* thì tốt nhất, người *Mộc* hoặc *Hỏa* thì bình thường, duy người *Thủy* thì xấu, nên *thiên phủ* ở cung *Tý* và *Ngọ* cùng *vũ khúc*, *tả*, *hữu*, *lộc tồn* và *hóa lộc* thì phú quý, nên có *xương*, *khúc* *khôi*, *việt*, *khoa*, *quyển* thì làm quan văn, nên *hãm địa* lại gặp tuổi *Thủy* hoặc *Mộc* và có *kình*, *đà*, *linh*, *hỏa*, *không*, *kiếp*, *tuần*, *triệt* thì *giảo trá*, phải *bôn tẩu* khó nhọc mà cũng chỉ làm *soàng* *thôi*, cùng với *tử vi* ở *Dần*, *Thân* và các sao tốt thì làm nên to lắm, nên ở *Sửu*, *Mùi* mà cùng với *không*, *kiếp*, *tuần*, *triệt*, thì *chả* ra gì, chỉ làm nghề *dung thân*.

Thiên phủ ở *Dần*, *Ngọ*, *Tuất*, *Hợi*, *Mão*, mà gặp các sao tốt mà người tuổi *Kỷ* thì làm nên to, người *Tị*, *Rậu*, *Sửu*, *Mậu*, *Bính*, *Tân* thì văn võ toàn tài và làm nên, — người *Giáp*, *Canh* ở *Hợi*, *Mão*, *Mùi* thì trước làm nên, sau kém dần đi và không có tinh thật thà.

Thiên phủ, *Vũ khúc*, ở *Tý*, *Ngọ*, người *Đinh*, *Kỷ*, *Quý*

thì làm nên to, ở Mão, Rậu, người Ất, Bính, Tân thì làm nên, ở Dần, Thân, người Đinh, Kỷ thì làm nên to, ở Thìn, Tuất, người Giáp Canh, Nhâm thì làm nên, ở Sửu, Mùi có gặp nhiều sao tốt cũng làm nên, ở Tị, Hợi, người At, Bính, Mậu, Tân thì làm nên, *thiên phủ* gặp *thiên tướng*, *thiên lương* chiếu thì tốt lắm, ở Ngọ, Tuất gặp người tuổi Giáp làm đến Công hầu, *Thiên tướng* ở Dần, Thân, mà có *thiên phủ* ở cung Quan hoặc Tài bạch chiếu lại tức là cả nhà ăn lộc, nghĩa là cả nhà được nhờ người ấy, còn ở các cung khác mà có *Phủ*, *tướng* ở Mệnh hoặc chiếu thì tốt vừa.

Thiên phủ, *xương*, *khúc*, *lộc* tồn ở Mệnh thì giàu có hàng vạn.

Thiên phủ, *Vũ khúc* ở Tài bạch hoặc Điền trạch lại có *Lộc tồn*, *tả*. *Hữu* thì đại phú.

Cung Mệnh, Thân, Phúc đức, Điền Tài, Thiên Ri có giáp *tử*, *Phủ*, cũng tốt. hoặc Mệnh và các cung ấy có *thiên phủ* giáp Âm, Dương, *tả*, *Hữu*, *khôi*, *Việt*, *xương*, *khúc*, *Ân quang*, *thiên quý*, *tam thai*, *Bát tọa*, *Long tri*, *Phương* các đều tốt cả.

2. — Thiên phủ ở cung huynh đệ

Thiên phủ ở cung huynh đệ mà hợp Mệnh lại ở cung Miêu vượng lại gặp sao tốt thì được 5 anh em cứ thêm một sao tốt là đoán thêm được một người, như là cùng với *tràng sinh* thì thêm một người, *đế vượng* cũng thêm một người, *thiên phủ* là Dương cho nên nhiều anh em giai, nếu ở cung Dương lại thêm có sao *Dương* thì lại càng nhiều anh em giai, ở cung Âm lại gặp nhiều sao Âm thì nhiều chị em gái, nếu có *Vũ*, *tướng*, *Lộc tồn*, *Hóa*

lộc thì anh em giàu, nếu có *khôi, việt, khoa, quyền, tả, hữu, xương, khúc*, thì anh em làm nên và đỗ, có *thiên phủ* ở huynh đệ thì bao giờ anh em cũng yêu mến nhau, nếu có *kình, đà, linh, hỏa, không, kiếp, tuấn, triết* thì anh em ít đi và không làm nên được, cùng *đại tiểu hao*, thì nghèo, cùng *tang môn, bạch hổ, thiên khốc* thì có người chết, không nuôi được cả, cùng *Có thần* thì anh em giai hiem con, cùng *Quả tú* thì chị em gái hiem con, cùng *thái tuê, quan phù, phục binh, thiên hình, hóa kỵ* thì ghét nhau và hay đánh nhau và kiện nhau.

3. — Thiên phủ ở cung phu hoặc thê

Thiên phủ ở cung Miếu vượng lại hợp Mệnh và đi cùng các sao tốt thì lấy vợ chồng sớm, người con nhà danh giá và đứng đắn, nếu không giàu rồi lấy nhau cũng làm nên giàu có, thành vợ chồng yêu mến nhau, nếu người Mộc, Thủy lại ở cung hãm địa và cùng các sao xấu như là *kình, đà, linh, hỏa, không, kiếp, tuấn, triết, hình, kỵ* thì sung khắc hoặc bỏ nhau gặp *tang môn, thiên khốc, bạch hổ*, thì sát, gặp *hình, kỵ, thiên mã* và *tuấn, triết* thì đánh nhau rồi bỏ mà trốn đi, gặp *Lộc tồn, Hóa lộc*, và *Hồng loan* thì có của đem về làm giàu, có *thiên phủ* ở vào cung Phu thì chồng có quyền hơn vợ, nếu ở cung Thê thì vợ có quyền hơn chồng.

Nói tóm lại *thiên phủ* cùng *lộc tồn, khoa, quyền, lộc, khôi, việt, tả, hữu*, thì vợ chồng danh giá và giàu, nếu có *thiên khôi* thì nên lấy con trưởng, *thiên việt* thì con thứ, gặp *đào hoa, ngộ thai* thì nhận tình trước rồi lấy nhau sau hoặc vợ chữa hoang, nếu có *thai, phục binh*,

hoặc *tương quân* thì vợ chồng đã có con riêng rồi mới
lây nhau, có *Đà-la* ngộ *Mã* thì vợ chồng có tật, tùy liệu
các sao đi cùng mà đoán.

4. — **Thiên phủ ở nô bộc**

Thiên phủ ở hãm địa nhưng hợp Mệnh lại có nhiều sao
xấu thì đầy tớ tốt, nếu đắc địa lại không hợp Mệnh và
cùng các sao tốt thì đầy tớ xấu.

Như người nhà giàu, làm quan, làm thầy giáo hoặc người
cho vay nợ mà gặp *Thiên phủ* ở Nô thì đầy tớ danh giá
giúp đỡ mình.

Thiên phủ cùng với các sao *Kinh*, *Đà*, *Không*, *Kiếp*,
Hình, *Kỵ*, *Khốc Hư* thì đầy tớ tốt.

5. — **Thiên phủ ở phụ mẫu**

Thiên phủ ở cung Bô mẹ mà ở cung Miếu vợ, người
tuổi Kim, Thổ hoặc Hỏa thì bố mẹ danh giá và thọ. — Gặp
Vũ khúc, *Lộc tồn*, *Hóa lộc* thì bố mẹ giàu. Gặp *Tả*,
Hữu, *Xương*, *Khúc*, *Khôi*, *Việt*, *Khoa*, *Quyền* thì làm
nên danh giá lắm và hòa thuận, như bãm địa mà người
Thủy, Mộc lại gặp *Kinh*, *Đà*, *Hỏa*, *Linh*, *Không*, *Kiếp*,
Tuần, *Triệt* thì bố mẹ không song toàn và trước thịnh
sau suy. Gặp *Bạch hổ*, *Thiên khốc* thì chết sớm, nếu gặp
Thiên hư, *tang môn*, *Cô*, *Quả* thì hay sâu thẳm, gặp
Bệnh Phù, *Hình*, *Kỵ* hay đau ốm, nếu *Thiên phủ* ở cung
Dương thì mẹ chết trước, nếu ở cung Âm thì bố chết trước,
nên tùy theo các sao xấu tốt mà đoán.

(Quyển sau sẽ tiếp)

1. — Vũ khúc ở mệnh

Vũ khúc là sao Bắc đẩu thuộc Âm Kim, nếu ở cung Miêu vượng hoặc đắc địa mà Mệnh Kim, Thủy hoặc Thổ thì người ấy mình giải, mặt vuông tiếng nói to và có nốt ruồi ở chỗ kín và mạnh bạo, quả quyết, tài rỏi, nếu hãm địa lại gặp người Hỏa. Mộc, thì bé nhỏ, thấp và hơi đen lại có nhiều ngân vết, tóc rậm và xấu, tính bủn xỉn, ương ngạnh, nếu hợp Mệnh lại gặp sao tốt thì làm nên quan võ to lắm, cùng với *Tham lang* ở Sửu, Mùi và có *Lộc tồn* hoặc *Hóa lộc* và không có *Kinh*, *Đà*, *Không*, *Kiếp*, *Tuần*, *Triệt* thì làm nên và giàu to, có cửa dễ kín, nếu khắc Mệnh lại có các sao xấu thì nghèo hèn, du đãng, người Kim gặp *Vũ* và *Thiên phủ* ở Tý, Ngọ thì giàu to, hoặc làm chức giữ kho tiền, như *Vũ* ở Mão, Dậu cùng *Hỏa tinh* thì làm quan võ, nếu người Mộc chỉ gặp *vũ* không có *Hỏa* thì cô độc, hiếm con, chỉ làm nghề dung thân, như là thợ rèn, người Kim, Thủy gặp *Phá quân* ở Tị, Hợi thì bình thường, nếu có làm nên cũng không đứng đắn, ở Dần, Thân cùng với *Thiên tướng* thì làm nên, người Mộc gặp *vũ* ở Thìn, Tuất cùng với *Văn xương*, *Linh tinh* thì hay trăm mình, nếu có *Tuần*, *Triệt* thì giải đi được, nếu có *Tả*, *Hữu* thì có người vớt lên không chết, *vũ khúc* cùng *Hình*, *Kỳ* không những hiếm con lại tàng tật nữa. Người nào gặp *Tham vũ* thì ngoài 30 tuổi mới gặp sự hay, nếu có *vũ* cùng *Sát*, *Phá*, *Tham* thì làm võ, nếu gặp *Kinh*, *Đà*, *Không*, *Kiếp* thì làm nên soạng thôi nhưng hiếm con.

Người Giáp, hoặc Kỷ gặp *Vũ*, *Xương*, *Tham*, *Hỏa* thì làm võ giỏi lắm.

Người Bính, Đinh, Canh, Tân, Nhâm, Quý thì bình thường, nếu *Vũ* cùng *Thiên tướng*, *Lộc tồn*, *Hóa lộc* và *Mã* thì giàu lắm.

Người Đinh, Canh có Vũ ở Tý, Ngọ cùng Phủ thì làm nên.

Người Ất, Tân cùng Thất sát ở Mão, Dậu làm nên.

Người Đinh, Kỷ, Giáp, Canh cùng Tướng ở Dần, Thân làm nên.

Người Nhâm, Mậu gặp Phá ở Tý, Hợi làm nên.

Người Ất, Giáp ở Thìn, Tuất thì làm nên.

Người Mậu, Tân gặp Tham ở Sửu, Mùi làm nên, Vũ cùng Khôi, Việt cũng làm nên, Vũ ở Thiên ri là người buôn bán to và giàu, Tham, Vũ ở Tài hoặc Điền làm giàu tự nhiên, Tham, Vũ cùng các sao Sát và Kỵ chỉ làm nghề dung thân, Vũ, Phá, Trinh ở Mão, Dậu cây gậy đê hoặc sét đánh, có Tuần, Triệt không việc gì, Vũ, Phá cùng Kinh dương hoặc Đà la thì của bị hại

2. — Vũ khúc ở Tài bạch.

Vũ ở Tài mà hợp Mệnh và Đắc địa lại gặp sao tốt như là Trạng sinh, Đế vượng, Phủ, Lộc và Lộc tồn thì giàu lắm, nếu khắc Mệnh và hãm địa lại gặp Không, Kiếp, Tuần, Triệt, Đại tiểu hao cả đời không giữ được bền, nhất là người Kim, Thổ, Thủy gặp Phủ, Lộc và Lộc tồn thì giàu lắm, nhờ buôn bán mà nên giàu cùng Tham ở Sửu, Mùi và cùng với Linh, Hỏa, Hình, Kỵ thì có của chôn. Nếu có Tuần, Triệt, Không, Kiếp thì không có, vì vũ là sao Tài thì thế nào cũng có của, nhưng không giữ được bền là vì có nhiều sao xấu và khắc Mệnh, chỉ nên làm nghề thợ sắt hoặc buôn bán nghề kim khí thì tốt lắm.

Vũ khúc cùng với Hòa, Linh, Hình, Ky, Cô, Quả thì tự nhiên làm giàu và giữ được bền, gặp Lộc tồn, Hóa Lộc, Ân quang, tang môn có người không có con ăn thừa tự để của lại cho mình, nếu hãm địa lại gặp Đại, tiểu, hao, Tuần, Triệt thì chỉ ở thành phố mà làm thợ sắt mới phát tài, nếu ngộ Phục binh thì trộm lấy của, gặp Thái tuế, Tử phù, Quan phủ, hay sinh kiện tụng mà hết tiền, nói tóm lại vũ gặp Tham hay Phá thì trước nghèo sau giàu.

3. — Vũ khúc ở quan lộc

Tuổi Thổ, Thủy, Kim gặp vũ ở cung Đắc địa lại gặp sao tốt thì làm võ oai vệ lắm nhưng phải luồn lọt mới làm được, nên xem cả Mệnh có sao xấu tốt mà đoán, nếu hãm địa lại khác Mệnh và gặp sao xấu chỉ làm lính thì được, như người Kim, Thủy mà Mệnh có Phá, Sát mà vũ đi cùng tá, Hưu, khôi, việt thì làm võ to và lừng lẫy danh giá lắm, nếu Mệnh có sao hóa lộc, thiên phù, lộc tồn mà cung Quan, có vũ và khúc, Xương, thì văn võ đều làm được và giàu, người Hỏa, Mộc gặp Sát, Phá, Tham, vũ, chỉ làm lính mà người ấy hung ngược, gian xảo, nếu có Đà, Không, Kiếp, Tuần, Triệt chỉ làm người dân mà thôi, nếu có Kinh, Linh, Hỏa, thì hách, ai cũng sợ.

4. — Vũ khúc ở thiên ri

Người Thủy, Thổ, Kim mà gặp vũ đắc địa lại cùng các sao tốt đi ra ngoài làm giàu chóng lắm, nên ở thành-phố buôn bán thì giàu. — Nếu hãm địa và khác Mệnh lại gặp sao xấu thì chả ra gì, chỉ buôn bán nhỏ hoặc làm nghề dung thân, và vất vả lặn lội. Nếu hợp Mệnh lại gặp Thiên phủ, Lộc tồn và Hóa Lộc ra ngoài giàu lắm, có chức tước danh giá, hãm địa gặp Hình, Ky ra ngoài hay đánh nhau

nêu gặp *tuân, triệt, Không, Kiếp*, đi không về rồi, chứ chẳng ra gì. Nếu ngộ *Thái tuế, Bệnh phù, Quan phù, Tử phù, Quan phù*, ra ngoài sinh ốm đau và kiện tụng, gặp *Đại, tiểu hao* ra ngoài tán tài. Người Mộc gặp *vũ, Xương, Linh*, mà không có *Tuân, Triệt*, thì thế nào cũng trầm mình, (ở cung Thìn, Tuất mới bị như thế). *vũ, Phá*, ở Tị, Hợi chỉ nay đây mai đó mà buôn bán mới có Tài, nếu ở cung Tý cùng *Thiên phủ* chỉ đi buôn ở thuyền mới phát tài, ở Ngọ thì buôn ở chỗ đông người mới phát tài, ở Mão, Dậu cùng *Sát*, ra ngoài có danh tiếng ai cũng sợ, nếu hãm địa và khắc Mệnh nên phòng trộm cướp, nếu gặp *Phục, Bình thiên hình và Tử*, (sao Tử) ra ngoài nên phòng người thù đánh mình hoặc chết ở ngoài, nên xem cả Mệnh nữa mới biết được tốt xấu.

5. — Vũ khúc ở giải ách

Nếu hợp Mệnh lại đắc địa thì khí huyết tốt, mạnh khỏe luôn luôn, nếu hãm địa lại khắc Mệnh thì hay có bệnh Phong hoặc Trĩ, người Kim, Thủy gặp sao tốt, như là *Phủ, Lộc tôn, tả, Hữu, thiên quan, thiên phúc, Giải thân, thiên giải, Đại tiểu hao* thì phối và hạ bộ đều tốt không hay có bệnh tật, nếu người Mộc, Hỏa, lại hãm địa và gặp *kinh, Đà, khốc, Hư, Linh, Hỏa, kị* thì phối kém hay sinh ra bệnh đờm xuyên hoặc bệnh Trĩ ở Hạ bộ. Nếu khắc Mệnh và đắc địa lại gặp các sao tốt thì Hạ bộ cũng có tật, nên tùy theo sao tốt xấu cùng với *vũ khúc* mà đoán.

1. — Thiên cơ ở mệnh

Thiên cơ là Bắc đẩu Âm Mộc, ở về cung Huỳnh đệ thì tốt nhất, nếu người Mộc, Hỏa và Thủy gặp *Cơ* đắc địa

lại cùng sao tốt thì mình giải, mặt đẹp, tính nết phép tắc, lanh lợi và khéo lắm, rồi về cách ăn nói, nhanh trí khôn, cùng với *xương, khúc, khôi, việt, lộc tồn, khoa, quyền, lộc* thì làm nên và giàu. Người Thìn cùng *Cự*, người Thổ cùng *Lương* thì tốt, nếu *Cơ* một mình thì soàng thôi nếu hãm địa gặp *tuần, triết* là cây khô, thì yếu gặp *Kinh, Đà, Không, Kiếp, Linh, Hỏa, Hình, Kỵ*, thì chân tay có tật, hoặc nhiều bệnh tật, và nghèo hèn, nếu có thêm *Khôi, Việt, Xương, Khúc* thì làm nên soàng thôi, nếu gặp sao xấu thì người ấy nói khéo và không được thật thà.

Ở Thìn, Tuất gặp *Lương* thì hay thích làm võ, ở về Đông Bắc, (Đông là Dần, Mão, Thìn, Bắc là Hợi, Tý, Sửu) là cây có rễ, ở Tây Nam (Tây là Thân, Dậu, Tuất, Nam là Tị, Ngọ, Mùi) là cây không rễ.

Người Ất, Bính, Đinh gặp *Cơ* cùng *Xương, Khúc, Tả, Hữu, Khoa, Quyền, Lộc Âm*, mà ở cung Tý, Dậu, Sửu, Hợi, Mão, Mùi đại phú quý, nếu gặp *Kinh, Đà, Cự, Linh, Hỏa, Kỵ* ở Tý, Dậu, Sửu, Hợi thì hèn hạ, nếu có làm nên cũng không bền, hoặc phải cách, người đàn bà gặp *Cơ* thì tốt cho chồng, ích cho con, nhưng tính ương ngạnh, nếu gặp *Cự, Lương, Kinh, Đà, Kỵ, Linh, Hỏa*, thì sát chồng và hiếm con.

Người Đinh, Kỵ, Giáp, Canh, Nhân, Quý gặp *Cơ* ở Tý, Ngọ thì làm nên.

Người Đinh, Kỵ, Giáp, Canh, Quý gặp *Cơ* ở Dần, Thân cùng *Âm* cũng làm nên.

Người Ất, Mậu, Canh, Quý cùng *Cơ* ở Mão, Dậu cũng làm nên.

« *Cơ, Nguyệt, Đồng, Lương* tác Lại nhân » nghĩa là làm về đảng lại, như là Thư Ký, Thừa Phái, vân vân...

2. — Thiên cơ ở Tài bạch.

Thiên cơ đặc địa lại gặp người tuổi Hòa, Mộc hoặc Thủy và cùng với các sao tốt như là *lộc tồn*, *hóa lộc*, *tràng sinh*, để vượng thì giàu, như người Thổ hoặc Kim mà gặp *Thiên cơ* hãm địa lại gặp *không*, *kiếp*, *tuần*, *triệt*, *đại*, *tiểu hao* thì nghèo, sao *thiên cơ* không tụ tài, nên cùng *Cự môn* thì làm việc bằng nhờ nói mà có tài, hoặc làm nghề cấy cấy mà có tài, *thiên cơ* cùng với *Long trì*, *Phượng các* làm thợ Vẽ có tài, nếu có *hình*, *việt* chỉ làm thợ làm tượng gỗ mà có tài, nên cùng *xương*, *khúc* thì làm việc bằng chữ mà có tài, nếu hãm địa lại gặp sao xấu thì phải chạy ngược chạy xuôi mới có tiền mà cũng không giữ được bền.

3. — Thiên cơ ở điền Trạch

Người tuổi Mộc, Thủy, Hòa mà gặp sao *thiên cơ* đặc địa lại có *lộc tồn*, *hóa lộc*, *thái âm*, *hóa kỵ* thì có nhiều ruộng và nhà, ở Mão cùng *Cự* thì giàu có cửa nhà to như lâu đài, nên theo số ba mà đoán, nghĩa là có từ 3 mẫu ruộng hoặc 3 cái nhà giờ lên, cứ thêm một sao tốt lại thêm lên nhiều nhà và ruộng, gặp *tấu thư*, *phượng các* thì mới tậu được nhà và ruộng, nếu cùng *long trì*, *mộc dục* thì nhiều ao và ruộng sâu, cùng *thiên lương*, *hóa lộc* thì hoa quả ở vườn ruộng được tươi tốt. Cùng *đào hoa*, *hồng loan*, *xương*, *khúc* cũng tậu được nhà và ruộng nếu người Kim, Thổ gặp *cơ* cùng *không*, *kiếp*, thì hoa quả xấu và bán hết ruộng nhà Cùng *quan phủ*, *quan phủ* hoặc *thái tuế* thì vì mua ruộng nhà sinh ra kiện tụng mà hết. Nên có *thiên hình* ngộ *phục bình*, địa *kiếp* thì kẻ trộm lấy mất hoa lợi ở ruộng vườn và cây

ở vườn ruộng sinh ra khô héo cả. Cùng *tang môn*, *hỏa*, *linh* thì cháy nhà. Cùng *khốc*, *hư*, *đà*, thì nhà sinh ra môi sông mục nát cả — Có *tuần*, *triệt* thì bán hết cửa nhà và ruộng của ông cha để lại và bỏ nhà đi nơi khác đã 2 đời rồi.

Thiên cơ ở Tý, Hợi là cung Thủy mà gặp *lộc* *tôn* cùng *thái âm*, *long trì*, *mộc* *dục* thì tậu nhiều ruộng xâu và ao mới tốt, — nói tóm lại *thiên cơ* ở *Điền* rất kỳ *không*, *kiếp*, *linh*, *Hỏa* và sao Kim như là *kinh*, *đà*, *bạch hổ*, *hình* và *việt* nếu gặp các sao ấy dù có cũng không giữ được bền.

4. — *Thiên cơ ở quan*

Thiên cơ đắc địa lại hợp Mệnh và cùng sao tốt như là *xương*, *khúc*, *khôi*, *việt*, *lộc* *tôn*, *khoa*, *quyền*, *hóa* *lộc* thì làm nên lúc còn trẻ tuổi, nếu đắc địa nhưng không hợp mệnh mà cùng các sao tốt, có làm nên cũng phải chật vật, hoặc chỉ làm xã *tuần*, hoặc nho ở huyện thì được, ở *Mão*, *Rậu* cùng *Cự* trẻ tuổi đã làm nên. Ở *Thìn*, *Tuất* cùng *lương* thì đứng tuổi mới làm nên. Gặp *khôi* *việt*, *khoa* thì làm quan văn, cùng *Âm*, *Lương* thì làm lại. Cùng *thiên* *đông* cũng làm lại, nếu ngộ *tuần*, *triệt* thì không bền, ngoài 30 tuổi hãy làm thì đỡ được cái xâu ấy, nếu có *thiên* *hình*, *quan* *phủ*, *quan* *phù*, *tang* *môn* thì có làm nên cũng bị tù và cách chức, hoặc bị tội về giả mạo quan tước, nếu gặp *tuần*, *triệt*, *không*, *kiếp*, *đại*, *tiểu* *hao*, chỉ làm Nho ở *Phủ*, *Huyện*, làm thầy số, thầy học, thầy cúng hoặc làm thợ mộc mà dung thân.

5. — Thiên cơ ở giải ách

Nếu hợp Mệnh và đắc địa ít tật bệnh, nếu khắc Mệnh lại bãm địa và gặp *kình, đà, linh, Hỏa, không, kiếp, Bệnh phù* thì nhiều bệnh tật, gặp *thiên hình, Bệnh phù* và sao *Bệnh* thì có bệnh phong, gặp *thái âm* và *Hóa kỵ* thì có tàng tật hoặc hay đau mắt và kém mắt, nếu gặp *đại tiểu hao, tuần, triệt, Phá toái* thì ít bệnh tật, chân tay mạnh, huyết tốt, lông mày đậm, nếu bãm địa lại gặp sao xấu không những nhiều bệnh tật, chân tay không được toàn, thể nào cũng có tật, và hay rứt xương, hoặc bị chúng phong, nhất là gặp nhiều sao Kim thì rứt xương lắm, nếu gặp *tang môn* thì cây gãy đẽ phải mình hoặc nhà đổ đẽ phải mình, vì Thiên cơ là cái cây thì gió hay lung lay cho nên không được khỏe mạnh lắm, hay yếu đau luôn luôn.

1. — Thái dương ở mệnh

Thái dương là Dương hỏa. Nam dẫu ở vào cung quan thì tốt nhất, sao này ở Mệnh mà đắc địa lại hợp và đi cùng các sao tốt và gặp người đẻ ban ngày thì tốt lắm, người Hỏa, Thổ và Mộc là hợp, người Thủy và Kim là khắc.

Nếu hợp Mệnh và đắc địa thì người ấy mặt mũi khôi ngô và đẹp, gặp *khôi, việt, Xương, khúc, lộc tồn, khoa, Quyển, lộc* thì làm nên to, nếu khắc Mệnh lại đẽ ban đêm và cùng các sao *kình, đà, tuần, triệt, không, kiếp, Hình, kỵ* thì không làm nên được và có tàng tật. Người đẽ ban ngày Mệnh ở Dần cùng *Cự* thì làm nên nhưng tính hay đối trí, nếu thêm một sao Thủy nữa thì kém bớt tốt, cùng *thiên lương* ở Mão thì người ấy ngay thẳng và làm nên to, nếu ở Thìn thì không thể làm to được, nếu ở Tý thì tính nóng, nhưng cũng làm nên, nếu cùng các sao Mộc ở dấy thì làm nên to lắm.

Ngọ cùng với sao Mộc thì tốt nhất, tất làm nên to lắm, nếu không có sao Mộc thì tuy có làm nên nhưng không được bền. — Nếu ở Sửu, Mùi thì phải cùng *Thiên-không*, *Địa-không*, *Tuần*, *Triệt*, thì mới tốt, nếu không có các sao ấy thì là mặt giới lân mặt giảng át người ấy dốt, — Ở Thân cùng *Cự* cũng tốt, nếu có *tứ Không* là mặt giới có thêm ánh sáng thì lại sáng ra nhiều thì cũng tốt, nếu không có *tứ Không* thì xấu, nếu ở Dậu thì tất gặp *Thiên-lương* cũng tốt vừa thôi, nếu có *tứ Không* ở đấy hoặc chiếu thì tốt thêm lên, ở Tuất, Hợi, Tý, Sửu cũng thế, cũng phải cùng *tứ Không* mới tốt (*Tứ Không* là *Thiên-không*, *Địa-không*, *Tuần* và *Triệt*).

Thái-dương hãm địa lại cùng *Kinh*, *Đà*, *Hình*, *Ky*, thì mặt và đầu có tật, nếu ở cung Hợi, Tý, gặp *Long-tri*, *Mộc-dục* thì phòng chết đuối, nếu có *Tuần*, *Triệt* thì không việc gì.

Thái-dương ở Mão, tuổi Giáp thì tốt nhất, tuổi Nhâm thì nhì, nếu ở Hợi mà tuổi Giáp thì bình thường và yếu, tuy có làm nên nhưng không bền, nếu gặp *tứ không* thì lại bền, nếu có các sao xấu thì bần tiện, — tuổi Canh, Tân, Ty, Kỷ, Đinh ở Ngọ thì làm nên to, tuổi Nhâm, Bình, Mậu thì bình thường, ở Mão, Dậu mà gặp tuổi Ất, Tân thì tốt, tuổi Giáp, Canh, bình thường.

Thái-dương cùng *Xương*, *Khúc* ở Quan-lộc làm nên công khanh, đàn bà gặp *Thái-dương* đặc địa thì đứng đắn.

2. — *Thái-dương* ở Tài bạch

Nếu hợp Mệnh lại đặc địa và gặp người đẻ ban ngày thì nhiều tài, nếu cùng *Xương*, *Khúc*, *Khôi*, *Việt*, *Lộc-tồn*, *Khoa*, *Quyển*, *Lộc* thì làm nên và giàu có, nếu cùng

Lộc-tồn, Hóa-lộc, Thiên-quý, Ân-quang thì rõ làm giàu, nghĩa là có người danh giá đúp tiền cho mình mà làm nên giàu, — nếu có *Đại-tiểu hao*, tuy có nhưng không bền, nếu có *Kiếp, Không, Tuân, Triệt* và các sao xấu, dù có làm Quan cũng vẫn nghèo.

3. — Thái-dương ở Phụ mẫu

Thái-dương hợp Mệnh, đắc địa và đề ban ngày lại cùng các sao tốt thì bố mẹ giàu có, thọ và hòa thuận, nếu hãm địa, không hợp Mệnh lại đề ban đêm và gặp *Không, Kiếp, Tuân, Triệt, Kinh, Đà, Hình, Kỵ* thì bố mẹ nghèo và không song toàn, thế nào bố cũng chết trước, hoặc gặp *Đại, tiểu hao, Tang-môn* thì bố mẹ nghèo khổ, nếu có sao tốt mà gặp *Tuân, Triệt* thì bố mẹ trước nghèo sau giàu và trước bố mẹ đã bất hòa rồi sau lại hòa thuận với nhau.

4. — Thái-dương ở Quan lộc

Nếu hợp Mệnh lại đắc địa, đề ban ngày, lại cùng các sao tốt, như là *Khoa, Quyền, Lộc, Xương, Khúc, Khôi, Việt, Lộc-tồn* thì làm đến công khanh ; nếu hãm địa, khắc Mệnh, đề ban đêm mà gặp *Không, Kiếp, Tuân, Triệt, Kinh, Đà, Hình, Kỵ* thì xấu, nếu có làm nên cũng không bền và yếu, lại tàng tạt nữa, hoặc chỉ làm thầy giầy học, thầy cúng, thầy số, hoặc làm nghề mà trở nên danh giá, có phẩm hàm. Nói tóm lại *Thái-dương* ở *Quan Lộc* dù có hãm địa và gặp người đề ban đêm thì làm soàng thôi, nhưng cũng danh giá hơn người là vì sao này chủ về cung *Quan lộc*.

(Quyền sau sẽ tiếp)

1. — Nói về Thái-âm ở Mệnh

Thái âm là Âm thủy, Bắc đẩu, ở cung Điền trạch thì tốt nhất. Từ cung Rậu đến Sửu là tốt mà lại gặp người đẻ ban đêm mà tuổi Thìn, Mộc, Kim lại gặp *Khoa, Quyền, Lộc, Xương, Khúc, Khôi, Việt, Lộc-tồn* thì làm quan văn; nếu hãm địa là ở từ cung Dần đến cung Thân, gặp người tuổi Thìn và Hỏa và đẻ ban ngày lại gặp các sao xấu như là *Kình, Đà, Kiếp, Hình, Kỵ* thì nghèo, yếu và có tật, chỉ làm nhỏ ở các Phủ, Huyện, hoặc làm thầy số, thầy cúng, thầy đồ mà dung thân, nhưng cũng nổi tiếng là người giỏi, — Nói tóm lại *Thái-âm* cứ theo như *Thái-dương* mà đoán, nếu ở hãm địa mà gặp *Thiên-không, Địa-không, Tuân, Triệt, Hỏa, Linh* thì lại sáng ra, nghĩa là lại tốt lên.

2. — Thái-âm ở điền trạch

Nếu đắc địa lại hợp Mệnh mà người ấy đẻ ban đêm mà gặp các sao tốt như là *Tấu-thư, Xương, Khúc, Thiên-đồng, Long-trì, Phượng-các*, thì tay mình tậu được nhiều nhà, ruộng và ao, đều có *Lộc-tồn, Hóa-lộc* thì bố mẹ đẻ lại cho, nếu có *Hình, Kỵ, Cô, Quả, Tang* thì nhân được của bố mẹ cho mà làm nên giàu có, nếu có *Không Kiếp, Kình, Đà, đại, tiểu-hao* thì bán hết rồi bỏ làng; — nếu có *Tràng sinh* và *Đế vương* thì vì ở nhà ấy mà được đất rồi phát giàu sang, — nếu cùng với sao *Tuân, Triệt* thì trước giàu sau suy dần đi, — nếu có *Hỏa, Linh, Tang-môn, Thiên-không, Địa-không* thì nhà bị cháy, — nếu có *Tang-môn* và *Ân-quang* thì có người vô tự đẻ của cho, nếu có sao *Tử* hoặc sao *Tuyệt* thì nhà ở ngõ hẻm, có *Khốc, Hư* và *Hồ* thì có cốt khí ở dưới đất chỗ nhà ở,

có *Không*, *Kiếp*, *Mộc-dục* và *Long-tri* thì nhà ấy có nước tù, nếu có *Bệnh-phù*, *Hóa-ky* thì ở nhà ấy hay sinh bệnh tật, nhưng nếu gặp *Thái-dương* đồng cung thì giàu.

3. — Thái-âm ở giải-ách

Nếu đắc địa lại hợp Mệnh và cùng với *Lộc-tồn*, *Hóa-lộc*, *Thiên-giải*, *Giải-thần*, *Đại*, *tiểu-hao*, *Phá-toái* và *Tuấn*, *Triệt* thì mạnh khỏe luôn, nếu hãm địa, khắc Mệnh mà gặp *Kình*, *Đà*, *Hình*, *Ky*, *Không*, *Kiếp* thì có tật và hay ốm đau. có khi đau mắt đến mù.

Thái-âm ở mặt là mặt, ở hạ bộ là chỗ kín, ở ngũ tạng là thận thủy, nếu ngộ *Long-tri*, *Tham-lang*, *Hóa-ky* thì hay có bệnh triệt tả hoặc phù thũng, — ngộ *Đào*, *Hống*, *Riêu*, *Thiên-hỷ* thì vì chơi bời mà mắc bệnh hoa liễu, hoặc ri tinh, mộng tinh; nếu thêm có *Linh*, *Hỏa*, *Khốc*, *Hư* thì vì chơi bời quá độ mà chỗ kín có tật, — dù *Thái-âm* có đắc địa ở Giải ách cũng khi huyệt không được tốt, nếu hãm địa thì vì âm hư mà sinh lắm tật bệnh.

4. — Thái-âm ở tử-tức

Sao *Thái-âm* đắc địa lại gặp tuổi *Mộc*, *Thủy* và *Kim* lại đẻ ban ngày thì được 6 người con, phần nhiều con gái, nếu có *Trường-sinh*, *Đế-vượng* thì thêm lên; nếu khắc Mệnh lại hãm địa thì con nhiều người có bệnh tật, nếu có *Linh Hỏa* thì đẻ nhiều, nuôi ít; có sao *Thai*, *Trương-quân* hoặc *Phục-binh* thì vợ chồng có con riêng rồi mới lấy nhau, nếu có *Địa-kiếp*, *Địa-không*, *Thiên-không*, *Hình*, *Ky* thì con chẳng ra người hay có tật và đẻ nhiều nuôi ít, — nếu có *Tuấn*, *Triệt* tuy chết nhiều nhưng cũng còn lại 2, 3 người, nếu có sao *Thai* thì phải cầu tự mới có con,

nếu có thêm *Bạch-hổ* thì hay tiểu sản (đẻ non), nếu có *Thanh-long*, *Mộc-dục* thì con hay chết đuối. — có *Đào-hoa* ngộ *Thai* thì chữa hoang. — Nếu *Thái-âm* cùng *Đào*, *Riêu*, *Hỷ*, *Thai*, về sau con gái đa dâm và lẳng lơ.

1. — Thiên-đồng ở mệnh

Thiên đồng là Bắc-dầu, âm thủy, ở cung Phúc-đức thì tốt nhất, đặc địa thì người ấy phúc hậu, hòa nhã, mặt mũi vuông vắn, hãm địa thì ngu xuẩn, ám muội, người Kim, Thủy, Mộc thì tốt, người nào Mệnh không có sao chính tinh mà có *Thiên-đồng* chiếu cũng thọ, ở cung Tý cùng *Thái-âm* thì người ấy phúc hậu và thọ; nếu ở Sửu, Mùi cùng *Cự* thì người ấy điên đảo và chua ngoa lại hay ngờ vực; ở Dần, Thân cùng *Thiên-lương* thì tốt nhất; ở Mão, Dậu thì người ấy chỉ làm Lại thôi; ở Thìn, Tuất, Tị, Ngọ thì xấu, tuy ở Thìn, Tuất xấu nhưng người tuổi Tân thì lại tốt, nếu đặc địa lại cùng *Xương*, *Khúc*, *Khôi*, *Việt*, *Tả*, *Hữu*, *Khoa*, *Quyền*, *Lộc* và *Lộc-tồn* thì làm nên to được và thọ; nếu gặp *Không*, *Kiếp*, *Kình*, *Đà*, *Linh*, *Hỏa* thì đời tật và hèn hạ, — nếu *Thiên-đồng* hãm địa thì người ấy béo và đen, tính chậm chạp và nghèo nhưng thọ.

Thiên-đồng cùng với *Lương*, *Tả*, *Hữu* mà tuổi Bính, Mệnh ở Tị, Dậu, Hợi làm nên và giàu sang, ở Mùi là thứ nhì, ở Ngọ thì tuổi Đinh cũng làm nên và giàu, ở Hợi mà tuổi Canh thì nghèo hèn, nếu cùng *kình*, *đà*, *ky*, thì hiêm con, nếu có *Tướng*, *Phá* chiếu thì có tật ở mắt.

Người đàn bà mà Mệnh gặp *Thiên-đồng* ở Tị Hợi tuy tốt nhưng đa dâm.

Mệnh ở Tý, Ngọ mà tuổi Kỷ, Đinh, Quý, Tân, thì làm nên danh giá.

Tuổi Ất, Bính, Tân, ở Mão, Rậu cũng làm nên, người tuổi Nhâm, Bính, Mậu ở Tý, Hợi thì làm nên, người Ất, Giáp, Đinh gặp *Lương* thì phúc hậu và thọ. Tuổi Bính, Đinh, và Tân ở Thìn, Tuất thì làm soảng thôi, nhưng tuổi Canh, Quý, tuy thọ nhưng không bền. Tuổi Ất, Nhâm Giáp, Tân, Canh cùng *Cự* ở Sửu cũng làm soảng thôi.

Thiên-đồng ở Mệnh gặp *Hóa-kỵ* mà ở cung Tuất, người tuổi Đinh thì tốt lắm.

Đông, *Lương* cùng sao *Sát* tức là các sao giũ, chỉ làm nghề lật vật mà dung thân.

Kinh, *Đà* cùng *Đông* hoặc *Tham* ở Ngọ thì làm đàng võ to lắm, (tức là Mã Đẩu đời Kiêm cách)

Đàn bà gặp *Thiên-đồng* thì hiền lành và thọ, như tuổi Tý, Mệnh lập ở Dần, tuổi Tân, Mệnh ở Mão, tuổi Đinh, Mệnh ở Tuất thì hợp cách, tuổi Bính, Tân, Mệnh ở Thân cũng tốt, nhưng ở Tý, Hợi tuy tốt nhưng đa dâm.

2. — *Thiên-đồng* ở *Phúc-đức*

Thiên-đông đắc địa lại hợp Mệnh và cùng các sao tốt, thì thọ và cả đời phú quý, nên hãm địa lại khắc Mệnh và cùng các sao xấu thì nghèo hèn, nên cùng *Thiên-lương*, *Thiên-thọ*, *Tràng-sinh*, *Đế-vượng* thì họ hàng đều sung túc và thọ, nên khắc Mệnh lại hãm địa và cùng *Kinh*, *Đà*, *Không*, *Kiếp*, *Linh*, *Hỏa*, *Hình*, *Kỵ*, *Đại*, *tiêu-hao* thì họ hàng nghèo hèn, tuy có gặp sao tốt mà cùng với *Tuần*, *Triệt*, *Đại*, *tiêu-hao* thì trước tốt sau suy dần đi, nếu *Thiên-đồng* cùng với các sao Âm thì con gái tốt,

nếu có cả sao Dương thì đàn ông trong họ hoặc mình lấy được vợ phúc hậu, nếu gặp *Tang-môn*, *Cô-thần*, *Quả-tú*, *Hóa-ky* thì mình và họ hàng hiem con, con gái mà gặp *Cô-thần* ở Phúc đức thì hiem, con gái gặp *Quả-tú* cũng thế.

(Quyển sau sẽ tiếp)

1. — **Liêm-trình ở Mệnh**

Liêm-trình là sao Nam đầu, Dương hòa là sao Phú tinh hóa ra sao Tú tinh lại là sao *Đào-hoa* thứ nhì, ở cung Quan lộc thì tốt nhất. Tuổi Hỏa, Thổ, Mộc thì hợp, tuổi Thủy, Kim thì khắc, nếu hãm địa và khắc Mệnh thì người đen và xấu, mặt gầy, lộ hầu, tinh ương ngạnh, nếu đắc địa thì người ấy đứng đắn và sáng sủa đẹp đẽ, mình mẫn tài giỏi, quả quyết. — nếu gặp các sao tốt như là *Xương*, *Khúc*, *Khôi*, *Việt*, *Khoa*, *Quyền*, *Lộc* thì anh hùng và làm nên về đàng võ, tiếng tăm lừng lẫy, ai cũng phải sợ; nếu cùng *Tướng-quân* thì tài giỏi lắm; cùng với *Thất-sát* ở Sửu, Mùi thì chết đường. nếu có *Tuần*, *Triệt*, không, kiếp thì chỉ đi lông bông suốt đời, chả ra gì; cùng *Phá-quân* ở Mão, Dậu lại có *Hỏa*, *Linh* và *Thiên-hình* mà không có *Tuần*, *Triệt* thì giới đánh, hoặc chết về điện; cùng *Thiên-hình* ở Ngọ mà không có *Tuần*, *Triệt* thì hay bị tù tội; cùng với *Tham* ở Hợi hoặc Tý thì làm gì cũng có tình giao trá, cũng hay bị tù, — gặp *Thiên-phủ* ở Thìn, Tuất thì giải được xâu, — nếu gặp *Bạch-hổ* thì chết về tù tội, nếu Mệnh có *Liêm-Trình* mà cùng Quan lộc có *Tham*, *Việt*, *Thiên-quan*, *Thiên-phúc*, *Thiên-đức*, *Nguyệt-đức* thì làm nên và bền, nếu không có các sao ấy, tuy làm nên chóng, nhưng không bền.

Như *Liêm-trinh*, *Thiên-phủ*, *Tả*, *Hữu*, *Khoa*, *Quyền*, *Lộc* và *Lộc-lồn* thì làm đấng võ mà giàu, cùng *Xương*, *Khúc* và *Thất-sát* cũng làm về đấng võ danh giá, nếu có *Kinh-dương* thì hay có miệng tiếng, nhất là tuổi Giáp ở Dần, Thân thì tốt nhất, người Đinh, Kỷ thứ nhì, người Bính ở Tý, Ngọ, Mão, Dậu, chóng làm nên lại chóng xuống, — tuổi Giáp ở Thìn, Tuất, Sửu, Mùi cũng tốt, và làm nên, nhưng tuổi Bính, Mậu hay bị tai tiếng, lúc lên lúc xuống, nếu ở Tý, Hợi gặp *Xương*, *Khúc*, *Kỵ* thì hay gặp sự tai biên, — tuổi Mùi, Thân ở cung Mùi gặp *Hóa-lộc* thì giàu sang, ở các cung khác lại gặp *Kinh*, *Đà*, *Hỏa*, *Linh*, *Kỵ* thì hay có bệnh tật và phá hết cơ nghiệp.

(*Quyền sau sẽ tiếp*)

Thiên-lương ở mệnh

Thiên-lương là Nam đầu, và Mộc, Âm tinh chủ quý, ở cung Phúc-đức thì tốt nhất, nếu đắc địa thì tính ôn hòa từ lương, phúc hậu và thọ, — tuổi Hỏa. Mộc, Thủy thì hợp, — tuổi Thổ, Kim thì khắc, nếu cùng với các sao tốt như là *Khoa*, *Quyên*, *Lộc*, *Khôi*, *Việt*, *Xương*, *Khúc* thì văn học thành danh, nếu hãm địa ngộ *Đà*, *Kỵ*, *Riêu*, *Mã* thì yếu.

Thiên-lương ở Ngọ mà người tuổi Đinh, Tý, Quý, thì làm nên. Đàn bà gặp *Lương* ở Tý, Hợi, Âm ở Dần, Thân thì đa dâm. Đàn bà gặp *Thiên-lương* và *Thái-âm* thì đa dâm, — *Thiên-lương* gặp sao tốt ở Thiên Ri thì là người buôn bán to.

Thiên-lương cùng *Cơ*, *Tả*, *Hữu*, *Xương*, *Khúc* mà đắc địa thì làm quan võ to lắm và giàu, nhưng phải tuổi

Nhâm mà Mệnh ở Hợi, Mão. Mùi, mới được. — Con gái gặp *Thiên-lương* thì người ấy có trí như con giai và giàu sang, nếu hãm địa lại gặp *Kinh*, *Đà*, *Kiếp*, *Không*, *Tuân*, *Triệt*, *Linh*, *Hòa* thì không lợi cho chồng con ; — Tuổi Đinh, Kỷ, Quý ở Tý, Ngọ thì làm nên danh giá và thọ ; — Tuổi Đinh, Nhâm, Thân ở Mão, Rậu cùng *Thái-dương* thì làm nên to ; — Tuổi Đinh, Kỷ, Canh, Giáp ở Dần, Thân thì làm nên ; — Tuổi Đinh, Kỷ, Nhâm, Canh ở Thìn, Tuất thì làm nên ; — Tuổi Ất, Nhâm ở Sửu, Mùi thì làm nên ; — Tuổi Mậu thì làm nên to lắm. — Ở Dần, Thân, Tỵ, Hợi gặp *Thiên-cơ*, *Văn-xương*, *Văn-khúc*, *Tả*, *Hữu* làm đến Công Hầu, — đàn bà mà gặp *Thiên-lương* cùng *Linh*, *Hỏa*, *Kiếp*, *Không* thì sát chồng, khắc con.

Tham-Lang ở Mệnh

Sao *Tham-lang* là Bắc-Đẩu và Mộc, chủ hoạn tài, — sao này vừa là sao Sát vừa là sao Đào-hoa thứ nhì, cùng với *Linh*, *Hỏa*, mà tuổi Mậu, hoặc Kỷ thì làm nên, — người tuổi Quý thì không tốt. — Đàn bà gặp *Tham-lang* thì xấu lắm, và không đứng đắn. Ở Tý Ngọ, người tuổi Đinh, Kỷ thì làm nên, — tuổi Bính, Mậu, Canh ở Dần, Thân thì hèn hạ. — ở Mão, Rậu cùng *Tử-vi*, *Hỏa-tinh* thì làm nên, — ở Sửu, Mùi cùng *Vũ*, *Hỏa*, *Linh* mà tuổi Mậu, Kỷ, Canh thì làm nên. — Ở Thìn, Tuất mà tuổi Mậu, Kỷ thì làm nên. — Ở Tỵ, Hợi mà tuổi Bính, Mậu, Nhâm, hưởng phúc không được bền. — Nói tóm lại *Tham-lang* cùng *Vũ-khúc*, *Sát*, *Phá*, *Khoa*, *Quyền*, *Lộc* thì làm nên, — nếu cùng với *Riêu*, *Ky*, *Kinh*, *Đà* hay sinh ốm đau hoặc điên và yếu. — *Tham-lang* ở Thìn, Tuất, Sửu, Mùi gặp *Linh*, *Hỏa* thì làm nên to lắm. — *Tham-lang* cùng sao *Sát* thì làm dở

tê, — *Tham-lang* ở Mệnh mà gặp người tuổi Dần, Ngọ, Tuất, *Hỏa* ở cung Dần, Thân thì thọ, — *Tham*, *Vũ* thì 30 năm về sau mới giàu to được. — *Tham-lang* thủ mệnh thì người thanh tú, nhưng có tính tham, hợp nhất là tuổi Mậu và Kỷ.

Cự-Môn ở Mệnh

Sao *Cự-môn* là Bắc-Đẩu là Thủy, tính chua ngoa, hay sinh miệng tiếng, — nếu gặp tuổi Thủy, Mộc, Kim cùng các sao tốt như là *Khoa*, *Quyền*, *Khôi*, *Việt* thì thi đỗ và làm nên, — nếu hãm địa lại gặp *Kinh*, *Đà*, *Riêu*, *Kỵ*, *Thái-tuế*, thì không làm việc gì thành ngay được và hay sinh kiện tụng lời thối, — tuổi Quý, Thân ở Tý hoặc Mão lại cùng *Lộc-tồn*, *Tả*, *Hữu*, thì làm nên và giàu, — Tuổi Canh, Đinh, Mệnh ở Thìn, Tuất thì chả ra gì, nhưng tuổi Thân thì lại tốt, — ở Tý, Ngọ mà người tuổi Đinh, Kỷ, Quý, Thân thì làm nên, nhưng tuổi Bính, Mậu chả ra gì. — Ở Mão, Dậu gặp tuổi Ất, Tân cũng làm nên to; người Đinh, Mậu không nên, — ở Dần, Thân cùng *Dương* mà gặp tuổi Canh, Quý, Tân thì làm nên to.

Tuổi Quý, Tân, Bính, Mệnh ở Sửu, Mùi thì làm nên; tuổi Quý, Tân ở Tý, Hợi cũng làm nên.

Cự, *Cơ* ở Mão mà tuổi Ất, Tân, Kỷ Bính lại gặp *Khoa*, *Quyền*, *Lộc* hoặc *Lộc-tồn* thì làm đến Công Khanh, nếu tuổi Giáp gặp *Kinh*, *Đà* thì không làm gì được, nhưng nếu phú quý thì yếu, — gặp *Cự*, *Hỏa*, *Kinh*, *Đà* và sao giữ thì chết đuối, — *Cự*, *Hỏa*, *Linh*, ở hãm địa lại gặp thêm sao xấu thì chết đường. — Đản bá mệnh ở Mão, Rậu tuy giàu sang nhưng đa dâm.

Thất-Sát ở Mệnh

Thất-sát là Nam-đầu, Hỏa-kim, là sao Tướng-tinh. gặp *Tử-vi* thì tốt, tính lúc vui, lúc sầu không nhất định, đặc địa thì có mưu trí, tính nóng và anh hùng, người gầy, — nếu đặc địa lại cùng *Tử-vi*, *Tả*, *Hữu*, *Khôi*, *Việt*, *Xương*, *Khúc*, *Khoa*, *Quyên*, *Lộc* thì văn võ đều giỏi và làm nên to, — nếu gặp *Tuần*, *Triệt*, *Không*, *Kiếp* thì bình thường, — nếu gặp hung tinh và hãm địa thì làm hàng thọt, — tuổi Đinh, Kỷ ở Dần, Thân, Tý, Ngọ thì làm nên, — ở Thìn thì tuổi Canh cũng tốt, — ở Mão, Rậu gặp tuổi Ất, Tân thì làm nên và phúc hậu, — tuổi Bính, Mậu, Nhâm, gặp *Tử-vi* ở Tị, Hợi cũng phúc hậu và làm nên to — ở Thìn, Tuất cùng các sao tốt và hợp Mệnh cũng làm nên. — ở Sửu, Mùi gặp *Liêm-chinh* cùng sao tốt và hợp Mệnh cũng làm nên, nhưng chêt đường hoặc chêt ở nơi xa quê quán mình, — nếu có *Tử-vi*, *Lộc-tồn*, *Thiên tướng* thì giải được xấu ấy đi, — *Thất-sát* hãm địa gặp *Đà-la*, *Kinh-dương* thì chêt non.

Hạn có *Thất-sát* chiêu, lại có *Kinh*, *Đà* mà tuổi Ngọ, Mệnh ở Mão, Rậu thì nguy lắm, các cung khác gặp hạn *Thất-sát*, lại *Kinh* *Đà* chiêu, cũng xấu lắm (nếu gặp phải thì sinh ra ốm đau, tang-thương và tán tài).

Phá-quân ở Mệnh

Phá-quân là Bắc-đầu, Thủy và là sao Háo-tán, tính nóng nảy, nếu đặc địa và hợp Mệnh lại cùng *Tả*, *Hữu*, *Khoa*, *Quyên*, *lộc* thì làm nên về đặng võ to lắm, gặp *Tử-vi* thì có uy quyền, nếu gặp *Văn-xương* thì là người có văn học nhưng nghèo, — tuổi Bính, Mậu gặp *Tử-vi* ở Sửu, Mùi thì làm nên to, nếu gặp *Kinh*, *Đả*, *Linh*, *Hỏa*, *Liêm-trinh* mà hãm địa thì ương ngạnh và có tật, — tuổi Quý hoặc Giáp ở Tý, Ngọ làm nên to lắm, — nếu tuổi Bính Mậu,

Dần, Thân thì cô độc, có tật, nếu có làm nên cũng không bền và chết non, — tuổi Đinh, Kỷ, Quý ở Tý, Ngọ thì phúc hậu, — ở Mão, Dậu mà tuổi Ất, Tân, Quý thì làm nhỏ thôi, nhưng tuổi Giáp, Canh, Bính không trường cửu, — người Giáp hoặc Quý ở Thìn, Tuất thì có phúc, và người Canh, Đinh, Kỷ và Giáp thì làm nên, người Mậu ở Tý, Hợi cũng làm nên. — *Phá-quân* và *Tham lang* cùng *Thiên-Mã*, con gái thì chơi bời, du đãng, con gái bất chính.

Sát, Phá, Liêm, Tham cách: Tuổi Thìn, Tuất, Sửu. Mùi thì làm nên đặng vô to; người tuổi Kim, Mộc cũng thế, còn các tuổi khác thì không tốt và cả đời hay bị oán trách. — Sao *Phá-quân* ở Thìn, Tuất thì người ấy bất nhân, bạc ác, — *Phá-quân* ở Mệnh, nên ra ngoài thì tốt, *Phá-quân* cùng *Tuần, Triệt* thì chết đường.

Thiên-tướng ở Mệnh

Thiên-tướng là cái Ấn và là sao Nam đẩu và Thủy, ở cung Quan thì tốt nhất, nếu ở Mệnh thì người ấy đứng đắn và trung trực, nếu đắc địa và hợp Mệnh lại cùng *Tả, Hữu, Xương, Khúc, Khoa, Quyền, Lộc* thì làm nên về đặng Văn to lắm, — nếu hãm địa cùng với *Kinh, Đà, Linh, Hỏa, Không, Kiếp, Tuần, Triệt* thì nghèo hèn, — sao *Thiên-tướng* có thể giải được ác của sao *Liêm-trinh*, nếu ở Tý, Ngọ mà tuổi Đinh, Kỷ, Quý, Giáp thì làm nên, — ở Mão, Dậu gặp tuổi Ất, Tân thì làm nên, nhưng tuổi Canh, Giáp thì xấu, gặp *Tử-vi* ở Thìn, Tuất thì tốt, nếu ở Sửu, Mùi, thêm sao tốt cũng làm nên, — nếu ở Dần, Thân thì tuổi Đinh, Giáp, Canh làm nên, — tuổi Bính, Mậu, Nhâm ở Tý, Hợi thì phúc thọ, — Đản bà gặp *Thiên-tướng* ở Mệnh thì giàu, vượng phu, ích tử. — nếu có các sao sát và *Kinh, Đà, Linh, Hỏa* thì bố mẹ mất sớm và mình thì cô độc nghèo hèn. —

Tuổi Tỵ ở cung Tý, tuổi Giáp ở Ngọ, tuổi Canh ở Thìn, thì phú quý, — Tuổi Quý ở Tý cùng với *Tả, Hữu*, tuổi Quý và Tị ở Dần, tuổi Canh, Giáp và Quý ở Thân đều phú quý cả, nếu ở cung Sửu, Mùi, Hợi thì bình thường và ở Tý, Ngọ, Mão, Dậu thì kém thọ cả.

Văn-xương ở mệnh

Văn-xương là Kim, vừa là Nam và Bắc-Đầu, là sao Văn-Khôi, ở Mệnh thì thông minh tuấn tú, cùng *Lộc-tồn, Thái-dương, Thiên-lương* thì làm nên và giàu có — nếu cùng *Kình, Đà, Không, Kiếp, Linh, Hỏa, Ky, Tuân, Triệt* thì đời tật và chỉ đi làm nghề xướng ca.

Tuổi Đinh, Kỷ, Giáp, Canh ở Dần, Ngọ, Tuất thì đỗ và làm nên, — Tuổi Quý, Canh, ở Thân, Tý, Thìn, cũng làm nên, — Tuổi Ất, Mậu, Tân ở Tị, Dậu, Sửu cũng làm nên, — Tuổi Ất, Mậu, ở Hợi, Mão, Mùi, thì làm nên.

Văn-xương cùng *Vũ-khúc* học giỏi và làm nên, (Mệnh ở Thìn, Tuất, Sửu, Mùi và Mão, Dậu, Tị, Hợi cùng *Khoa, Quyền, Lộc* thì hợp cách).

Văn-khúc, vũ-khúc chiếu Mệnh lại cùng *Tả, Hữu* thì tài giỏi lắm (*Văn-khúc* ở Tý, Ngọ, Dậu, *Vũ-khúc* ở Thìn, Tuất, Sửu, Mùi thì tốt lắm).

Văn-xương, Văn-khúc đắc địa thì danh giá lừng lẫy.

Văn-xương, Văn khúc ở cung Sửu hoặc Ngọ gặp *Tham-lang* phòng chết đuối.

Xương, Khúc cùng *Thiên-thương* thì chết non

(Như tuổi Sửu mà Mệnh ở cung Dần và gặp *Văn-xương* ở cung Mùi mà năm ấy hạn gặp *Thất-sát* và *Kình, Đà* thì chết).

Tuổi Tân, Kỷ, Nhâm gặp *Xương, Khúc*, hạn đèn cung Thìn, Tuất cũng chết đuối.

Xương, Khúc cùng *Liêm, Tham* ở Tị, Hợi khó mà tránh được tù tội.

Sao Văn-khúc ở Mệnh

Sao *Văn-khúc* là Bắc-đẩu và Thủy cùng với *Văn-xương, Khôi, Việt, Khoa, Quyền, Lộc* và hợp Mệnh lại đặc-địa thì người ấy văn học mà làm nên to, — hễ ở một mình lại có sao xấu và hãm địa thì có học nhưng không làm nên được. — (các sao xấu như là *Không, Kiếp, Kinh, Đà, Kỵ, Linh, Hỏa, Tuần, Triệt*.)

Tuổi Giáp mà có *Văn-khúc* ở Tý, Dậu, Sửu thì làm đến Công-hầu, nếu cùng với *Tham, Linh*, hoặc *Hỏa* thì làm đấng võ to và lừng lẫy lắm.

Nếu cùng *Liêm-trinh, Sát, Phá, Kinh, Đà*, mà ở hãm địa thì chết non và chẳng ra gì, nếu cùng *Lương* hoặc *Vũ* thì thông minh quả quyết.

Tuổi Giáp, Canh ở Dần, Tuất thì làm nên.

Tuổi Đinh, Quý, Tân, Canh ở Thân, Tý, Thìn thì phúc hậu

Tuổi Tân cùng *Tử-vi* ở Tị, Dậu, Sửu thì làm nên to, tuổi Tân, Bính, Nhâm, Mậu ở Hợi, Mão, Mùi cũng làm nên.

Tả-phù và Hữu-bật ở Mệnh

Sao *Tả-phù* và *Hữu-bật* đều là Nam-đẩu và Thổ và là sao lành, cùng với *Tử-vi, Tướng, Cơ, Xương, Khúc, Vũ*, và *Hữu-bật* thì phú-quý, nếu gặp *Kinh, Đà, Không, Kiếp, Linh, Hỏa, Kỵ* và *Sát* thì bình thường, nếu có giàu sang cũng có tật. — Sao *Hữu-bật* là Thủy cũng giống như sao *Tả-phù*.

Tả-phi *Hữu-bật* cùng *Xương*, *Khúc* thì làm nên, *Tả*, *Hữu* giáp *Mệnh* cũng tốt lắm (*Mệnh* lập tại *Sửu* *Tả*, *Hữu* ở *Tý* và *Dần*).

Tả Hữu đồng cung thì cả đời phúc hậu, — *Tả*, hoặc *Hữu* ở *Mệnh* thì người ấy phải ly hương, — *Tả*, *Hữu* *Trinh*, *Kinh*, *Đà* ở *Mệnh* thì người ấy có tính gian phi hay bị tù tội, hoặc bị ám tật, — *Tả*, *Hữu*, ở *Tài-bạch* hoặc giáp thì người ấy y lộc phong túc (phong lưu lắm). — *Tả*, *Hữ*, *Khôi*, *Việt* ở *Mệnh* thì người phúc thọ.

Thiên-việt và Thiên-khôi ở Mệnh

Thiên-khôi, *Thiên-việt* đều là Nam-đẩu và là Hòa, 2 sao này là sao quý, nếu cùng *Xương*, *Khúc*, *Khoa*, *Quyền*, *Lộc* thì đỗ và làm nên, nếu gặp *Thiên-mã* thì công danh hiển đạt và lừng lẫy, — nếu gặp *Không*, *Kiếp*, *Tuần*, *Triệt*, *Kinh* *Đà* tuy có văn học nhưng không làm to được.

Hóa-quyền ở Mệnh

Hóa-quyền là Thủy, nếu đắc địa lại gặp *Khoa*, *Lộc*, *Xương*, *Khúc*, *Khôi*, *Việt* thì đỗ và làm đến đại-thần, — nếu gặp *Kinh*, *Đà*, *Không*, *Kiếp*, *Đại*, *Tiểu-hao* thì bình thường, chỉ có 3 cung *Thân*, *Tý*, *Thìn* là bãm, còn các cung khác thì tốt cả.

Hóa-quyền cùng với *Cự-môn* hoặc *Vũ* *khúc* thì làm nên và quyền hành.

Hóa-quyên và *Hóa-lộc* cùng nhau thì phú quý vinh hoa, — *Khoa*, *Quyên* hoặc *Lộc* giáp *Mệnh* cũng làm nên, — *Quyên*, *Lộc* ở *Tài-bạch*, *Phúc-đức* suốt đời sung sướng. — *Quyên*, *Lộc* và sao tốt ở cung *Nô-bộc*, nếu có làm nên cũng khó nhọc vất vả.

Hóa-lộc ở Mệnh

Sao *Hóa-lộc* là Thổ, là sao Phúc-tinh, ở Mệnh và Tài-bạch hoặc Quan-lộc thì tốt nhất, — cùng *Hóa-khoa* và *Quyền* thì làm đến đại-thần; có 4 cung là Tý, Ngọ, Thân, Tuất là hãm, còn thì đặc địa cả, — Nếu cùng với *Lộc-tồn* và *Thiên-mã* thì làm nên và giàu tự nhiên, — Nếu hãm địa lại cùng *Tuân*, *Triệt*, *Không*, *Kiếp*, tuy giàu nhưng không bền, — Hạn xấu gặp *Hóa-lộc* cũng giải dỡ được cái xấu ấy đi.

Hóa-khoa ở Mệnh

Hóa-khoa là Thủy, chỉ ở cung Rậu là hãm địa, còn thì đặc địa cả, — Nếu cùng với *Khôi*, *Việt* thì đỗ cao và làm nên, — cùng *Xương*, *Khúc*, *Âm*, *Dương*, *Quyền*, *Lộc* thì giỏi mọi nghề, — Nếu gặp *Tuân*, *Triệt*, *Kinh*, *Đà*, *Không*, *Kiếp*, *Ky*, thì bình thường và làm gì thành rồi lại hỏng, — Giáp *Khoa*, *Quyền*, *Lộc* : là Mệnh ở giữa, 2 bên có *Khoa*, *Quyền*, *Lộc* thì cũng làm nên danh giá.

Tuy có học giỏi mà không đỗ là vì *Hóa-khoa* hãm địa lại cùng *Kinh*, *Đà*, *Không*, *Kiếp*, *Tuân* và *Triệt*.

Hóa-ky ở Mệnh

Sao *Hóa-ky* là Thủy, và là ác tinh chỉ ở cung Rậu, Tuất là đặc địa, còn thì hãm địa cả, duy còn ở cung Sửu thì cũng dỡ xấu; Chỉ ở cung Điền hoặc Tài thì tốt, Còn ở cung nào cũng xấu, — Ở Mệnh thì hay đau bụng và ai cũng ghét, — Ở cung Quan thì khó mà làm nên được, — Nếu cùng *Không*, *Kiếp*, *Cơ*, *Lương* làm gì cũng không nên, — Nếu đàn bà có *Hóa-ky* cùng với *Kinh*, *Đà*, *Riêu* thì hay bị huyết hư, hoặc huyết đen và đa dâm, — Đàn

ông thì hay có người oán ghét và mình cũng hay gây sự với người ta, — Âm, Dương hãm địa ngũ *Kỵ* thì kém mắt hoặc mù, — nếu có *Tuần, Triệt* thì không việc gì, — *Thiên-đồng* ở *Tuất* ngũ *Kỵ* người tuổi *Đinh* thì tốt, — *Cự-môn* ở *Thìn* ngũ *Kỵ* người tuổi *Tân* thì tốt.

Lộc-tồn ở Mệnh

Sao này thuộc *Thổ*, chỉ có 4 cung *Sửu, Mùi, Thìn, Tuất* là hãm, còn thì đắc địa cả, — nếu hợp *Mệnh* lại đắc địa cùng với *Xương, Khúc, Khôi, Việt, Khoa, Quyền, Lộc* thì tốt nhất, người thông minh, có thể làm nên danh giá được, — nếu cùng *Không, Kiếp, Tuất, Triệt, Kinh, Đà* thì không thể phát đạt được, nhưng cũng phong lưu.

Kinh-dương ở Mệnh

Kinh-dương là *Hỏa, Kim, Bắc-đầu* và là sao *Hình*, nếu đắc địa mà gặp tuổi *Hợi, Tý, Sửu* thì tính quả quyết, mạnh bạo, có mưu trí, — nếu ở *Thìn, Tuất, Sửu, Mùi* là nhập miếu, — ở *Tý, Thân, Rậu, Hợi* là vượng, ở *Mão, Ty, Ngọ* là hãm, nếu gặp tuổi *Thìn, Tuất, Sửu, Mùi* thì hoạnh phát công danh, — cùng *Âm, Dương* thì giai khắc vợ, gái khắc chồng, — cùng *Xương, Khúc, Tả, Hữu* thì sinh ám tật, — nếu ở cung *Mão, Rậu* thì có tật ở mắt, — nếu tuổi *Giáp, Mậu, Dần, Thân* thì cô độc và không giữ được của tô nghiệp để cho, — nếu cùng *Liêm, Cự, Hỏa, Kỵ* thì có tật ở chân tay và hay bị tù tội.

Nói tóm lại, nếu *Kinh dương* ở *Mệnh* mà đắc địa và hợp *Mệnh* lại cùng *Khoa, Quyền, Lộc, Tham, Vũ* thì làm nên rõ ràng, — nếu hãm địa mà gặp *Đà, Kỵ, Không, Kiếp* thì chết phi mạng.

Đà-la ở Mệnh

Đà-la là Hỏa, Kim và Bắc-đẩu lại là sao Phù-tinh, nếu đắc địa thì tính quả quyết, — hãm địa thì tính ương ngạnh gàn giở, nói thì áp ứng không ra nhời, gặp sao này tuy hoạnh phát nhưng lại hoạnh phá chứ không bền, — nếu gặp *Khoa, Quyền, Lộc, Tham, Vũ* thì làm nên to, — nếu hãm địa lại gặp *Kỵ, Riêu, Linh, Hỏa, Hình* và *Mã* thì có tật và chơi bời phá hết của tổ nghiệp để cho, — Ở 4 cung Thìn, Tuất, Sửu, Mùi mà gặp tuổi Thìn, Tuất, Sửu, Mùi thì làm nên, nhưng ăn ở hữu thủy vô chung và không bền, — nếu gặp *Âm, Dương* và *Kỵ* thì hay đau mắt và giai khắc vợ, gái khắc chồng, — nếu cùng *Xương, Khúc, Tả, Hữu* thì có tật. — Nói tóm lại cứ theo như sao *Kinh-dương* mà xem vị tính 2 sao giống nhau : ở Tý, Ngọ, Mão, Dậu là Bình ; ở Dần, Thân, Tị, Hợi là hãm địa.

Thiên-không, Địa-kiếp, Địa-không ở Mệnh

3 sao này đều là Hỏa cả, tính hung ác và gian tà, chẳng từ tế với ai cả, nhưng ở vào 4 cung Dần, Thân, Tị, Hợi thì hoạnh phát, nhất là cung Tị, Hợi cùng *Khoa, Quyền, Lộc* thì làm nên dễ dàng lắm.

Kiếp, Không ở Tài hoặc Phúc thì nghèo hèn, ăn ở bán tiện. — Giáp *Kiếp, Không* thì người ấy lang thang nay đây mai đó, — nếu gặp hạn *Thái-tuế*, thì giữ lắm.

Đào-hoa ngộ *Địa-kiếp* thì đắm thuyên, — *Hồng-loan* ngộ *Kiếp, Không* thì chết non. — Mệnh vô *Chinh-riệu* (là không có các sao thuộc vào hàng *Tử-vi, Thiên-phủ*) mà người Hỏa hoặc Kim lại gặp *Tiên-không, Địa-không, Tuần, Triệt* thì rất tốt, làm giàu tự nhiên.

Thiên-hình ở Mệnh

Thiên-hình thuộc Hỏa, ở Dần, Mão, Rậu, Tuất là đặc địa thì hóa là sao *Hỷ-thần* lại tốt lắm, — nếu cùng *Xương*, *Khúc* thì học giỏi lắm, — nếu hãm địa đi cùng các sao xấu thì cô độc, bần tiện và hay bị quan tụng, — nếu cùng *Liêm-trinh* ở Hợi và Tị thì hay phải tù tội, — nếu ở Ngọ cùng *Thất-sát* và *Kinh-dương* cũng hay phải tù tội.

Thiên-y ở Mệnh

Thiên-y ở Mệnh thì ít ốm đau, làm thấy thuộc thi giỏi, — ở Mão, Rậu, Tuất thì tốt lắm, trước nghèo sau giàu và nhiều đày tớ.

Thiên-riêu ở Mệnh

Thiên-riêu thuộc Thủy là sao yêu quái, tính độc ác và đa nghi, — nếu Mệnh ở cung Mão, Rậu, Tuất cùng với *Tướng*, *Đông*, *Quyển*, *Khoa*, *Lộc* thì người đẹp dễ tươi tỉnh, thông minh và làm nên to, — nếu hãm địa lại khắc Mệnh thì chơi bời giai gái, rượu chè, cờ bạc, — nếu gặp *Kỵ*, *Đà*, *Cự*, *Linh*, *Hỏa*, *Kinh*, *Không*, *Kiếp* thì hay trảm mình, — nếu ngộ *Thái-tuế*. *Thất-sát* ở cung Thổ thì khéo nói, văn võ đều giỏi, — nếu ở cung Thủy thì hay ốm đau, — *Thiên-riêu* ở Hợi cùng *Xương*, *Khúc*, *Khôi*, *Việt*, *Khoa*, *Quyển*, *Lộc* thì thi đỗ và làm nên.

Hỏa-tinh ở Mệnh

Hỏa-tinh thuộc Nam-dầu và là Hỏa, ở cung Dần, Ngọ, Tuất là nhập miếu, — ở Tị, Rậu, Sửu là đặc địa, — nếu cùng *Tham-lang* thì làm nên to, — tuổi Thân, Rậu, Tuất, Hợi, Tý, Sửu thì tốt, còn các tuổi khác không tốt, — tuổi

Dần, Mão, Tị, Ngọ, cũng khá, — nếu cùng *Kinh* thì người ấy hay có tai ách và hèn hạ, — nếu cùng *Khoa, Quyền* thì văn võ đều giỏi, — nếu ngộ *Liêm, Phá, Hình, Kinh* ở Mão, Rậu mà không có *Tuần, Triệt* thì sét đánh, — nếu ngộ *Thái-tuế, Thiên-hình* thì ngã gãy chân tay.

Linh-tinh ở Mệnh

Linh - tinh là Nam-dầu và là Hòa, ở Dần, Mão, Ngọ, Tuất là miếu, — ở Thìn, Tị, Mùi, Thân là đặc địa, — tuổi Dần, Ngọ, Tuất thì làm nên, — tuổi Mão, Thìn, Tỵ, Mùi thì tốt, — nếu cùng *Tử, Phủ, Tả, Hữu, Xương, Khúc* chẳng giầu cũng làm nên to, — gặp *Vũ* thì giầu có, — gặp *Không, Kiếp, Tuần, Triệt* thì hèn hạ, — nếu sao *Linh-tinh* hãm địa thì yếu, — nếu đặc địa lại gặp *Trương* hoặc *Phá* thì thọ.

Linh và *Hòa* cùng gặp nhau một cung thì làm nên to lắm, — *Linh, Hòa* giáp *Mệnh* thì nghèo hèn, — *Tham-lang* gặp *Linh* hoặc *Hòa* cũng làm nên to lắm.

Thiên-mã ở Mệnh

Thiên-mã là Hòa, cùng *Lộc-tồn* hoặc *Hóa-lộc* thì tốt, — nếu gặp *Không, Kiếp, Tuần, Triệt* thì xấu lắm, — như *Mệnh* ở Thìn, Tuất, Sửu, Mùi gặp *Mã* mà cung *Phu* hoặc *Thê* thêm có sao tốt thì giầu sang, — nếu gặp sao sát thì xấu, — nếu có *Quyền, Lộc* và *Âm, Dương* chiếu về *Mệnh* thì làm nên to.

Thiên-mã gặp *Thái-tuế* thì chết non, — gặp *Đà, Kị* thì què, — *Lộc, Mã*, ở cung *Thê* thì vợ giầu ; — *Tiền Cối*,

hậu *Mã*, *Mệnh* ở giữa cũng tốt lắm, — *Mã* gặp *Long*, *Phương*, *Xương*, *Khúc* thì văn giỏi, — nếu cùng *Vũ*, *Tương*, *Sát*, *Phá*, *Tham* thì võ giỏi; — *Trường sinh* ngộ *Thiên-mã* thì làm nên; *Mã* ngộ *Tuân*, *Triệt*, *Kinh*, *Đá* ở *Hợi* là ngựa què, thì người ấy có tật.

Thiên-khốc, Thiên-hư ở Mệnh

Hai sao này đều thuộc Thủy và là sao ưu phiền, — ở *Tý*, *Ngọ* là miêu — ở *Sửu*, *Mùi*, *Thân*, *Mão* là đặc địa, — nếu cùng *Lộc-tồn* hoặc *Hóa-lộc* mà tuổi *Dần*, *Thân* thì hiền vinh, và trước nghèo sau giàu, — *Mệnh* có 2 sao này thì người ấy mồm nói giữ trọn nhưng bụng tốt, — *Thiên-mã* ngộ *Khốc* và *Điều-khách* cũng tốt lắm; — *Thiên-khốc* gặp *Khoa*, *Quyền*, *Xương*, *Khúc*, *Khôi*, *Việt* cũng làm nên to.

Thiên-khốc gặp *Đại*, *tiểu-nao*, *Tang-môn*, *Bạch-hồ*, *Kinh-dương*, *Đà-la* thì có tật và cả đời lo phiền.

Thiên-hư cùng *Khoa*, *Đông*, *Quyền*, *Lương*, *Lộc*, *Tham*, *Vũ* làm nên rề lắm, — nếu gặp *Đà*, *Kỵ*, *Riêu*, *Thái-tuế* cả đời vất vả và hay bị kiện tụng, miệng tiếng.

Long-Trì ở Mệnh

Sao này là Âm-Thủy và là sao Văn-Tinh, — gặp *Âm*, *Dương*, *Khoa*, *Quyền*, thì đỗ và làm nên — nếu ngộ *Không*, *Kiếp*, *Riêu*, *Kỵ* thì chết đuối, *Giáp Long*, *Phương* thì danh giá.

Phương-Các ở Mệnh

Sao này thuộc Âm-thổ và là sao Quyên-quý, nếu gặp *Xương*, *Khúc*, *Khôi*, *Việt*, *Khoa*, *Quyền*, thì đỗ và làm nên — nếu gặp *Riêu*, *Kỵ*, *Không*, *Kiếp* thì vất vả.

Tam-Thai ở Mệnh

Tam-thai là Hỏa, đại các-tinh, — nếu ở Thìn, Tuất, Sửu, Mùi lại gặp sao *Mộ*, và *Tả*, *Hữu* thì làm nên to lắm, — nếu gặp *Tuần*, *Triệt Không*, *kiếp* thì kém bớt đi — nếu cùng *Bát-tọa* thì cũng tốt.

Bát-Tọa ở Mệnh

Bát-tọa là Mộc và là sao Văn-tinh, ở 4 cung Thìn, Tuất, Sửu, Mùi cùng *Quyển*, *Lộc*, *Khoa*, *Xương*, *Khúc*, *Khôi*, *Việt* thì đỗ và làm nên to lắm, — nếu cùng *Tuần*, *Triệt*, *Không*, *Kiếp*, thì bình thường, — Mệnh *Giáp Thai*, *Tọa* thì ít tuổi đã làm nên.

Ân-Quang ở Mệnh

Ân-quang là Mộc gặp *Âm*, *Dương*, *Khoa*, *Quyển* thì chung thân phúc thiện, — nếu gặp *Đà*, *Kỵ*, *Cự*, *Thái-tuê* làm ơn nên oán, — Mệnh *Giáp Ân-quang*, *Thiên-quý* cũng danh giá, — ở 2 cung Sửu Mùi, thì tốt nhất, còn các cung khác thì bình thường — nếu gặp *Không*, *Kiếp*, *Kinh*, *Đà* thì xấu lắm.

Thiên-Quý ở Mệnh

Thiên-quý là Thổ, ở 2 cung Sửu, Mùi thì tốt nhất, — nếu gặp *Âm*, *Dương*, *Xương*, *Khúc*, *Quyển*, *Lộc* thì đỗ và làm nên to, — nếu ở các cung khác mà cùng với *Không*, *Kiếp*, *Dương*, *Đà*, *Linh*, *Hỏa* thì chả ra gì và hay bị người ta chế bác.

Thai-Phụ ở Mệnh

Thai-phụ là Thổ gặp *Xương*, *Khúc*, *Âm*, *Dương*, thì làm nên to, — nếu gặp *Không*, *Kiếp* *Kinh*, *Đà*, *Linh*, *Hỏa* chung thân vạt vả.

Phong-Cáo ở Mệnh

Phong-cáo là Thổ, gặp *Khoa, Quyền, Lộc, Khôi, Việt, Thiên-tướng* thì làm đến *Tề-tướng*, gặp *Sát, Phá, Tham, Vũ*, làm quan võ to lắm, — nếu gặp *Không, Kiếp, Đà, Kỵ* thì hèn hạ nhưng thọ.

Bác-Sĩ ở Mệnh

Bác-sĩ là Thủy, nếu gặp *Âm, Dương, Xương, Khúc* thì làm nên, — nếu gặp *Không, Kiếp, Riêu, Kỵ* thì yếu.

Tướng-Quân ở Mệnh

Tướng-quân là Mộc, gặp *Khoa, Quyền, Khôi, Việt, Xương, Khúc*, thì làm quan văn. — gặp *Sát, Phá, Liêm, Tham*, thì làm quan võ, — nếu gặp *Tuần, Triệt*, thì tan cửa nát nhà và chết ở thiên hạ.

Tấu-thư ở mệnh

Tấu-thư là Kim, nếu ở Mệnh thì người ấy hay thích làm đơn từ và thích kiện tụng, — cùng *Thiên-quan, Thiên-phúc, Khoa, Quyền, Khôi, Việt*, thì làm nên to lắm, — cùng *Thái-tể, Kỵ, Đà* và sao *Thai* thì làm thấy kiện nhưng nghèo, — cùng *Tham, Vũ*, chỉ làm Nhỏ ở Phủ, Huyện mà dung thân.

Lực-sỹ ở Mệnh

Sao này là Hỏa, và có quyền hành về đảng võ, nếu gặp *Thiên-mã* thì làm nên lưng lầy, — nếu gặp *Không, Kiếp, Tuần, Triệt* thì làm công nghệ để dung thân.

Thanh-long ở Mệnh

Thanh-long là Thủy, ở Mệnh thì người vui vẻ, nếu đại tiểu hạn gặp thì hay có sự mừng vui, — nếu cùng *Khôi, Việt, Hồng-loan, Thiên-hỷ*, thì đỗ, — nếu gặp *Đà, Kỵ, Không, Kiếp, Khốc, Hư*, thì hèn rất và yếu, — nếu gặp *Lực-sĩ*, thì có uy quyền.

Tiểu-hao ở Mệnh

Sao này là Hòa, ở cung Mão, Rượu thì hoạnh phát nhưng hoạnh phá, — nếu đại, tiểu hạn gặp thì tán tài — ở Mệnh thì người ấy khó giữ bền được của tổ nghiệp và của mình, — nhưng ở cung Giải-ách bớt sự ốm đau thì lại tốt.

Đại-hao ở Mệnh

Đại-hao là Hòa, ở cung Mão, Rượu thì hoạnh phát lại hoạnh phá, nếu đại tiểu hạn gặp thì tán tài, — ở mệnh thì người ấy phải bỏ làng đi nơi khác, — ở Giải-ách thì tốt.

Quốc-ấn ở Mệnh

Sao này ở Mệnh thì người ấy được làm chính chức, — nếu gặp *Khoa, Quyền, Lộc, Xương, Khúc, Khôi, Việt* thì làm nên to lắm, — nếu gặp *Tuân, Triệt, Không, Kiếp* và các sao xấu thì vất vả.

Phi-liêm ở Mệnh

Phi-liêm là Hòa, tính cô độc, nếu cùng *Thiên-không, Địa-không, Tuân, Triệt* thì học giỏi và ngạo ngược, — nếu cùng *Phá, Liêm* và *Riêu* thì cả đời vất vả.

Hỉ-thần ở Mệnh

Hỉ-thần là sao Hòa, tính vui vẻ, gặp đại, tiểu hạn thì hay có sự mừng vui, — nếu cùng *Tang-môn* thì hay có tang, — cùng với sao *Dương* ở *Tử-tức* thì đẻ con quý tử — cùng *Khoa, Quyền, Lộc, Mã*, thì làm nên, — cùng *Riêu, Ky, Linh, Hỏa, Kinh, Đà, Không, Kiếp, Tuân, Triệt*, thì hiềm con.

Bệnh-phù ở Mệnh

Bệnh-phù là sao Thổ, ở mệnh thì hay có bệnh tật, gặp *Thiên-hình* thì có bệnh phong. — nếu cùng *Tham, Vũ, Khoa, Quyền*, thì làm nên, — nếu cùng *Đà, Ky, Riêu*, thì què.

Phục-binh ở Mệnh

Phục-binh là Hòa, ở Mệnh thì tính gian tà. — nếu đại, tiểu hạn gặp thì cẩn thận kẻo có người lập tâm làm hại mình hoặc bị mật trộm cắp, — nên cùng *Khoa, Quyền, Tuân, Triệt* thì uy hùng và làm gì cũng hay chóng chán, — nếu ngộ *Kiếp, Hình, Ky, Riêu* thì gian phi.

Quan-phủ ở Mệnh

Quan-phủ là Hòa, ở Mệnh mà cùng với *Thái-tuế* thì xấu lắm, hay bị kiện tụng lời thối, — nếu *Đại, tiểu-hạn* gặp hay bị quao tụng, — cùng *Thiên-ri* có *Thiên-hình* hoặc *Liêm-trình* giáp *Quan-phủ*, *Quan-phủ* ra ngoài hay bị kiện tụng.

Tràng-sinh ở Mệnh

Tràng-sinh là sao Thủy, ở Mệnh thì người ấy danh giá, — nếu cùng *Thiên-mã* và *Khoa, Quyền, Lộc* thì thi đỗ, và làm nên, — nếu gặp *Không, Kiếp, Tuân, Triệt* thì bình thường.

Đế-vượng ở Mệnh

Đế-vượng là Thủy, ở Mệnh là Thượng-cách, nếu gặp *Xương, Khúc, Khoa, Quyền*, thì làm nên, — nếu gặp *Kinh, Đà, Tuân, Triệt* cả đời chỉ bị trốn tránh.

Mộc-dục ở Mệnh

Sao này là Thủy, nếu gặp *Đông, Lương, Xương*, thì phong-lưu lắm, — nếu gặp *Hoa-cái, Đà, Kỵ* thì dâm dục, và hay rượu chè, giai gái, phóng dăng.

Quan-đới ở Mệnh

Sao này là Kim, nếu gặp *Khoa, Quyền, Xương, Khúc, Khôi, Việt* thì đỗ và làm nên, — nếu gặp *Tham, Vũ, Đông, Lương* thì làm Lại, — nếu gặp *Không, Kiếp, Tuân, Triệt* thì bình thường.

Sao Suy ở Mệnh

Sao này là Thủy, gặp *Không, Kiếp, Cơ* thì khá — nếu gặp *Đà, Kỵ, Linh, Hỏa* hay bị ác bệnh và tù tội.

Sao Bệnh ở Mệnh

Sao *Bệnh* là Hỏa, cùng *Sát, Phá, Tham, Vũ* cả đời ít bệnh tật, — nếu gặp *Kinh, Đà, Riêu, Kỵ*, hay ốm đau.

Sao Tử ở Mệnh

Sao này là Hỏa, ở cung Tài thì giữ được của, — nếu cùng *Tham, Vũ, Kỵ* có của chôn. — nếu cùng *Đà, Riêu, Linh, Hỏa, Kinh* thì có tật và yểu.

Sao Mộ ở Mệnh

Sao này là Thủy, nếu cùng *Tham*, *Vũ*, *Quyền* thì giàu có, nếu cùng *Không* *Kiếp*, *Riêu*, *Âm*, *Dương*, *Xương*, *Khúc* thì bán tiện, ngu dốt, — con gái gặp *Mộ* hay phải theo chồng đi xa.

Sao Tuyệt ở Mệnh

Sao này là Thổ ở cung Kim thì thông minh, — nếu cùng *Thiên-không*, *Địa không*, *Tuân*, *Triệt* thì học một biết mười, — nếu gặp *Riêu*, *Kỵ* thì chết đuối.

Sao Dương ở Mệnh

Sao *Dương* là Mộc, ở Mệnh thì người ấy lanh lợi, — nếu gặp *Thiên-quan*, *Thiên-phúc*, *Tả*, *Hữu*, người soàng thì hay gặp người trên giúp đỡ, — người trên thì ai ai cũng kính trọng.

Sao Thai ở Mệnh

Sao *Thai* là Thổ, Mệnh có *Thai* thì người ấy đa dâm, — gặp *Hồng-loan*, *Khôi*, *Việt*, là người văn chương, — gặp *Kinh*, *Đà*, *Linh*, *Hỏa* thì ngu dốt, — đàn bà có *Đào-hoa* ngộ *Thai* thì chữa hoang, hoặc theo giai, — cung *Thê* có *Đào-hoa* ngộ *Thai* thì vợ chữa hoang, hoặc lây nhau không phải cưới, — *Đại*, *tiểu-hạn* gặp *Thai* và *Thanh-long*, *Thiên-hỷ* thì vợ đẻ con quý tử, — nếu gặp *Phong-cáo* thì được thăng chức, — đàn bà có *Đào-hoa* và *Riêu* thì lẳng lơ. — nếu gặp *Tử*, *Phủ* thì đứng đắn nhưng đa dâm.

Sao Thiên-phúc ở Mệnh

Sao này là Thổ, nếu gặp *Khôi*, *Việt*, *Khoa*, *Quyền*, *Hồng*, *Đào*, *Thiên-hỷ*, làm quan cận thân, — gặp *Không*, *Kiếp*, *Đà*, *Riêu*, *Xương*, làm nghề khéo.

Thiên-quan ở Mệnh

Sao này là Hòa, nếu gặp *Xương, Khúc, Khoa, Quyền, Tử, Phủ*, thì làm nên, — gặp *Đà, Kỵ, Không, Kiếp*, thì làm nghề khéo.

Nguyệt-đức và Thiên-đức ở Mệnh

Hai sao này đều là sao Hòa, chủ về giải hạn, nếu hạn xấu mà gặp hai sao này thì giải được, — nếu ở Mệnh thì tính nết tốt, hay làm việc phúc đức, — nếu cùng *Khoa, Quyền, Lộc, Khôi, Việt, Xương, Khúc* thì đỗ và làm nên, — nếu gặp *Không, Kiếp, Kinh, Đà*, thì bình thường.

Thiên-hỷ ở Mệnh

Thiên-hỷ là Thủy, nếu cùng *Âm, Dương, Khoa, Quyền, Long, Phụng*, thì đỗ và trẻ tuổi đã làm nên, — nếu cùng *Đà, Kỵ, Hình, Không, Kiếp*, thì chơi bời dâm dăng, bị người ta đánh chết, — sao này ở Mệnh thì tính người vui vẻ, — đại tiểu hạn gặp thì hay có sự vui mừng.

Đào-hoa ở Mệnh

Sao này thuộc Mộc, ở Mệnh thì tính người vui vẻ hay chơi bời giai gái, — ở cung Tý cùng với *Xương, Khúc, Khoa, Quyền, Lộc* và *Tử-vi* thì đỗ sớm và làm nên, — ở cung Quan cũng làm nên sớm, — nếu cùng *Địa-kiếp* thì phòng đấm thuyên. — Đản bà có *Đào-hoa* ngộ *Riêu* thì lẳng lơ, chả ra gì, nếu cùng sao *Thai* thì chữa hoang, hoặc theo giai, — cùng với *Tử, Phủ, Tả, Hữu* thì làm nên to lắm, — cùng *Thiên-không, Tuần, Triệt, Lương, Mã* thì đa dâm, — đại, tiểu hạn gặp thì có tin mừng.

Hồng-loan ở Mệnh

Sao này thuộc Thủy cùng Khoa, Quyền, Xương, Khúc, Khôi, Việt thì đỗ sớm và làm nên, — nếu cùng Không, Kiếp, Đà, Kinh thì yếu, — đại tiểu hạn gặp thì có tin mừng. — đàn bà có Hồng-loan ở Mệnh thì hai đời chồng; Hồng-loan ngộ Kị, ở cung Phu thì sát chồng, — Hồng, Tâu, Vũ, Hỷ, Đào, thì làm con hát, — Hồng, Cơ, Tấu, Vũ thì làm thợ may khéo, — Hồng, Đào ở Thiên-ri thì người ấy đi nơi khác làm ăn.

Hoa-cái ở Mệnh

Hoa-cái là sao Kim, nếu cùng Xương, Khúc, Khoa, Quyền, Khôi, Việt, thì làm quan võ to lắm, — nếu cùng Kinh, Đà, Không, Kiếp, Phá, Tham, thì phá hết của bố mẹ, — Mệnh có Hoa-cái, hoặc cung Thiên-ri có sao ấy thì ra ngoài nhiều người yêu.

Phá-toái ở Mệnh

Sao này là Hỏa và là sao phá tán và ương ngạnh, — ở Điền, Tài và Mệnh thì tán tài, — ở cung Giải-ách thì ít ốm đau, — nếu cùng Khoa, Quyền thì tốt. — nếu cùng Kinh, Đà, Phá, Kỵ có tật, — nếu cùng Hỏa, Linh, Hình, chết về ác tật.

Thiên-thương, Thiên-sứ

Hai sao này là hai sao hung ác đều là Thủy, chủ về việc làm hao tổn, ốm đau tức là sao Sứ là sai đi làm việc xấu cho người ta, — như Thân ở Thiên-ri gặp Thương Sứ, hạn đến đầy gặp Không, Kiếp, Kinh, Đà, Linh, Hỏa và Thái-tuế, thì nguy lắm, khó lòng khỏi chết được.

Thái-tuế ở Mệnh

Sao này là Hòa, và là sao chủ về việc quan tọng, — ở Mệnh thì người ấy ưa tính ghét náo, — nhưng giỏi về khoa kiện tọng, — nếu cùng sao *Tử, Phủ, Tả, Hữu, Khôi, Việt, Xương, Khúc, Khoa, Quyền, Lộc* mà ở vào *Quan-lộc, Thiên-ri, Tài-bạch* thì làm nên, và *lý-sự*, — nếu đại, tiểu hạn gặp thì hay sinh ra quan tọng, khầu thiết, — Mệnh ở *Dần* hoặc *Rậu* mà gặp *Tuế, Hình* thì hay bị tù tội.

Thiếu-dương ở Mệnh

Là sao Hòa và là sao tốt, nếu gặp *Khoa, Quyền, Xương, Khúc, Khôi, Việt* thì đỗ sớm và làm nên — gặp *Không, Kiếp, Kinh, Đà* thì nghèo hèn.

Tang-môn ở Mệnh

Là sao Mộc, chủ về tang thương, đại, tiểu hạn gặp thì có tang thương, — nếu cùng *Thiên-mã* thì có súc vật chết, — nếu Mệnh có *Tang, Hỏa, Linh* và *Mã* thì hay bị bệnh lao hoặc bị bỏng hay chết cháy, nhưng có *Tuân, Triệt* thì không việc gì, — cùng *Điện-trạch* có *Tang, Hỏa, Linh* thì nhà cửa bị cháy.

Thiếu-âm ở Mệnh

Là sao Thủy và sao tốt, nếu cùng các sao tốt như là *Tử, Phủ, Khoa, Quyền, Tả, Hữu* thì làm nên to, — cùng *Không, Kiếp, Kinh, Đà* thì nghèo hèn.

Quan-phù ở mệnh

Quan-phù là Hỏa, chủ về quan tọng, nếu đại, tiểu hạn gặp cũng hay sinh ra cãi nhau và kiện tọng.

Tử-phù ở Mệnh

Tử-phù là Thủy cũng là sao xấu, nhưng không can hệ gì, gặp sao tốt thì tốt, gặp sao xấu thì xấu.

Tuê-phá ở Mệnh

Tuê-phá là Hỏa, cũng là sao xấu, nhưng gặp sao tốt thì tốt, gặp sao xấu thì xấu.

Long-đức ở Mệnh

Long-đức là Thủy, ở Mệnh thì tính nết vui vẻ, gặp sao tốt thì tốt thêm lên, gặp sao xấu thì xấu.

Bạch-hổ ở Mệnh

Sao này là sao *Kim* ở Mệnh mà ở cung *Rậu* thì tốt lắm, — nếu ở các cung khác thì hay có chứng yếu đau vặt; đại, tiểu hạn gặp thì hay ốm đau, — nếu hạn gặp *Riêu* và *Hổ* phòng ác thú nó cắn, — nếu gặp *Hổ*, *Đà*, *Kinh*, *Kỵ* thì chó đại cắn, — nếu Mệnh ở *Dần*, *Ngọ* có *Bạch-hổ* lại gặp sao xấu như là *Không*, *Kiếp*, *Sát*, *Hình* hãm địa mà đại, tiểu hạn gặp thì hồ cắn chết, — nếu *ngộ* *Tuần*, *Triệt* thì giải được, — Mệnh ở *Tỵ* mà gặp các sao ấy thì rắn cắn, — ở cung *Tuất* thì chó cắn, — nếu ở *Điền*, *Tài* mà ở *Tuất* thì lại tốt. tức là chó trắng giữ nhà và cửa, — nếu *Bạch-hổ* lạc hãm *ngộ* *Thái-dương*, *Không*, *Kiếp*, *Kinh*, *Đà* ở dưới đất chỗ nhà mình ở có hòn đá chôn thành tinh, hoặc có cốt người chết chôn ở đây.

Phúc-đức ở Mệnh

Sao này là *Thổ* và là sao tốt, gặp các sao tốt thì tốt thêm lên, gặp sao xấu thì xấu.

Điều-khách ở Mệnh

Sao này là Hòa và là sao xấu, ở Mệnh thì người ấy hay nói, — nếu ở Dần cùng Mã thì tốt lắm, đại, tiền hạn gặp Tang-môn chiếu thì hay có tang, — nếu gặp Quan-phù thì hay sinh ra đánh bạc, chơi bời mà tán tài.

Trực-phù ở Mệnh

Sao này là sao Kim, bình thường, trẻ con Mệnh đã xấu lại gặp Tử-phù, Trực-phù và Quan-phù thì khó nuôi.

Thiên-giải và Giải-thần ở Mệnh

Đều là sao lạnh cả, chủ về giải các sự không may xảy ra, ở Mệnh thì người ấy tính vui vẻ hiền hậu, phúc đức.

Đấu-quân ở Mệnh

Sao này là Hỏa, ở Mệnh thì người ấy thích ở rảnh một mình, ở Tử-tức thì hiếm con, ở Điền-trạch thì có nhiều ruộng.

Cô-thần, Quả-tú ở Mệnh

2 sao này đều là Thổ cả, tính cô độc, — ở Mệnh thì không hợp với ai cả và hiếm con, — đàn ông kỵ Cô-thần, đàn bà kỵ Quả-tú, ở cung Tử-tức thì hiếm con, ở Điền-tài thì giữ được của và ruộng nhà.

Kiếp-sát ở Mệnh

Sao này là Hỏa, ở Mệnh thì tính nóng, hay làm sự bất chính, — nếu gặp sao tốt thì giảm mất tốt đi, — gặp sao xấu thì xấu lắm, ở Mệnh thì yếu và nghèo hèn.

Tuần-không và Triệt-không ở Mệnh

2 sao này ở Mão, Rậu là đặc địa thì hoạnh phát và thông minh phát phúc, ở Ngọ thì tính rộng rãi, — nếu Mệnh không có sao Chính-tinh mà gặp 2 sao này cùng *Thiên-không* hoặc *Địa-không* thì làm giàu rất dễ, — nói tóm lại 2 sao này mà gặp nhiều sao tốt thì bớt mất tốt đi, nhưng gặp vận hạn xấu thì đỡ được xấu.

Phá-quân bùng *Triệt* thì chết đường, — nếu *Tuần*, *Triệt* đặc địa thì không việc gì, *Tuần*, *Triệt* đương đầu lúc còn ít tuổi vất vả, — *Thiên-mã* ngộ *Tuần*, *Triệt* thì người ấy bỏ làng, — *Tuần*, *Triệt* đồng cung thì người ấy hoang lăm, — *Thiên-tướng* ngộ *Tuần*, *Triệt* ở cung Quan thì làm việc quan thế nào cũng bị cách, — Mệnh có *Riêu*, *Đông*, *Phá*, *Triệt* thì dụng răng sớm, — *Tuần*, *Triệt* ở cung Phúc-đức thì mồ mả bị đoạn thương long mạch, — *Thiên-mã* ngộ *Tuần*, *Triệt* ở cung Thê thì vợ bỏ chồng chôn đi.

Lưu-niên-Văn-tinh ở Mệnh

Sao này chủ về học hành, ở Mệnh thì người ấy học giỏi, nếu đại, tiểu hạn gặp *Khoa*, *Quyền*, thì đi thi đỗ.

Đường-phù ở Mệnh

Sao này gặp nhiều sao tốt thì tốt thêm, gặp nhiều sao xấu thì càng xấu lăm.

Nói về cung Nô-bộ

Nói tóm lại cứ sao nào ở cung Nô-bộ mà đắc địa, hoặc miếu, vượng thì đầy tớ hơn thầy, tức là xấu, — nếu gặp sao tốt mà hãm địa thì đầy tớ tốt, còn các cung khác tuy nói vắn tắt là đắc địa, nghĩa là nói gộp cả, miếu, vượng hoặc đắc địa và khắc Mệnh thì xấu, nếu đắc địa lại hợp Mệnh thì tốt, cứ suy như thế mà xem các sao.

Cung Tài thì rất kỵ *Không, Kiếp, Đại, tiểu-hao* và *Phá-toái*,
Cung Điền-trạch rất kỵ *Linh, Hỏa* và *Tang-môn* thì xấu.

Cung Giải-ách lại có *Tuần, Triệt, Đại, tiểu-hao* và *Phá-toái* thì tốt.

Cung Phúc-đức cứ xem sao thuộc Âm thì là được mà đàn bà và sao thuộc Dương là được mà đàn ông, rất kỵ *Không, Kiếp, Phục-binh, Tướng-quân, Tử, Tuyệt, Bệnh-phù, Thiên-hình, Khốc, Hư* thì xấu lắm.

Cung Quan rất kỵ *Đại, tiểu-hao, Không, Kiếp, Tuần, Triệt* khó mà làm nên được. — Cung Thê, Tử, Bào rất kỵ *Tuần, Triệt, Không, Kiếp, Khốc Hư, Tang-môn, Bạch-hồ, Kinh, Đà, Linh, Hỏa* thì xấu lắm.

Nói tóm tắt về các sao ở Nô-bộ

Tử-vi ở cung Nô-bộ tức là đầy tớ, bạn bè hoặc vợ lẽ, thì các người ấy làm vượng cho mình, — có *Kinh, Đà, Hỏa, Linh* thì kém đi, cùng *Phá* thì trước xấu sau tốt, — cùng *Thiên-tướng* thì giúp mình, — cùng *Không, Kiếp* hay oán mình.

Thiên-cơ thì vừa ý mình, cùng *Lương* thì về sau mới tốt, — cùng Âm, *Cự* cũng hay oán, — cùng *Kinh, Đà, Linh, Hỏa, Không, Kiếp* thì xấu lắm.

Thái-dương thì làm vượng cho chủ, - cùng *Kinh*, *Đà*, *Linh*, *Hỏa* vô ơn chủ.

Vũ-khúc thì nhiều đày tớ tốt, - cùng *Phủ* nhiều đày tớ, cùng *Phá* hay oán chủ, cùng *Tướng* thì được việc cho chủ, cùng *Sát* vô ơn, cùng *Tham* cũng không tốt mây.

Thiên-đồng được việc cho chủ, làm vượng cho chủ, cùng *Cự* trước xấu, sau tốt, cùng *Âm* được việc, cùng *Lương* giúp được nhiều việc tốt, cùng *Kinh*, *Đà*, *Linh*, *Hỏa* vô ơn chủ, cùng *Không*, *Kiếp* oán chủ.

Liêm-trinh nhiều đày tớ. cùng *Kinh*, *Đà*, *Linh*, *Hỏa* thì lại càng xấu lắm và không có đày tớ. cùng *Tham* cũng xấu, cùng *Sát* vô ơn chủ.

Thái-âm đày tớ tốt. cùng *Dương* nhiều đày tớ, nhưng oán chủ, cùng *Cơ* thì xấu, cùng *Đông* thì tốt, cùng *Kinh*, *Đà*, *Linh*, *Hỏa*, *Không*, *Kiếp* thì xấu lắm. *Thiên-phủ* thì nhiều đày tớ tốt, cùng *Vũ* nhiều đày tớ, cùng *Kinh*, *Đà*, *Linh*, *Hỏa*. *Kiếp*, *Không* thì chẳng ra gì.

Tham-lang ít đày tớ và hại chủ, cùng *Liêm* cũng chẳng ra gì, cùng *Tử-vi* nhiều đày tớ tốt, cùng *Kinh*, *Đà*, *Linh*, *Hỏa*, *Không*, *Kiếp* thì đày tớ chẳng ra gì và không ở lâu, nhưng về sau cũng khá.

Thiên-tướng về sau mới tốt, cùng *Tử-vi* nhiều đày tớ, cùng *Vũ* thì oán chủ, cùng *Liêm* lúc tốt lúc xấu, nhưng về sau thì tốt, cùng *Kinh*, *Đà*, *Linh*, *Hỏa*, *Không*, *Kiếp* thì xấu và không ở lâu với chủ.

Thiên-lương nhiều đày tớ làm tốt cho chủ, cùng *Đông* có nhiều đày tớ và giúp chủ, cùng *Cơ* ăn ở hai lòng.

Thất-sát đày tớ bạo ngược hay dối chủ, cùng *Vũ* vô ơn chủ, cùng *Liêm* cũng xấu, cùng *Kinh*, *Đà*, *Linh*, *Hỏa*, *Không*, *Kiếp* không có đày tớ hoặc có ít nhưng chẳng ra gì.

Phá-quân đặc lực, làm việc cũng được vừa ý, cùng *Vũ* vô ơn chủ, cùng *Tử-vi* được việc cho chủ, cùng *Liêm* kém bớt tốt đi, cùng *Kình*, *Đà*, *Linh*, *Hỏa*, *Không*, *Kiếp* thì không có đay tớ dù có cũng chẳng ra gì.

Văn-xương, *Văn-khúc* có đay tớ biết chữ và tử tế với chủ, gặp nhiều sao xấu thì xấu, người nào có *Văn-xương* ở *Nô-bộc* tức là *Văn-xương* gặp *Thiên-thương* thì yếu.

Tả, *Hữu* thì giúp chủ, được việc cho chủ.

Lộc-tồn thì giúp chủ, nếu gặp sao xấu thì kém bớt tốt, nhưng người nào có *Lộc-tồn* ở *Nô-bộc* mà *Mệnh* xấu thì vất vả lận đận cả đời.

Các sao ở Quan-lộc

Tử-vi ở cung *Miếu*, *Vượng* và đặc địa lại cùng *Tả*, *Hữu*, *Xương*, *Khúc*, *Khôi*, *Việt* thì làm quan to lắm, — cùng *Kình*, *Đà*, *Linh*, *Hỏa* thì làm soàng thôi, — cùng *Không*, *Kiếp* thì bình thường, — cùng *Phủ* thì giàu sang, — cùng *Tướng* cũng tốt lắm và thẳng, — cùng *Phá* ở chỗ đông người mà buồn bán làm ăn bình thường

Thiên-cơ đặc địa thì làm nên, cùng *Văn-khúc* cũng làm nên, — cùng *Cự* cũng tốt, — cùng *Kình*, *Đà*, *Linh*, *Hỏa* xấu lắm, — cùng *Lương* thì làm nên.

Thái-âm đặc địa thì làm to, nếu gặp các sao xấu thì kém nhiều.

Thái-dương đặc địa, văn vũ đều làm được cả, gặp *Kình*, *Đà*, *Linh*, *Hỏa*, *Không*, *Kiếp* thì kém nhiều, — cùng với

Âm cũng làm nên, — cùng *Tả, Hữu, Xương, Khúc, Khôi, Việt, Khoa, Quyền, Lộc* thì làm nên to.

Vũ-khúc đặc địa lại cùng *Tả, Hữu, Xương, Khúc*, thì Văn, Vũ kiêm toàn lừng lẫy lắm, — gặp *Khoa, Quyền, Lộc* làm nên và giàu, — cùng *Tham* thì làm nên nhưng tham tang, — cùng *Phá* vì có công về đảng võ mà làm nên, — cùng *Thất-sát* làm nên rất rể, nêu hãm địa lại cùng *Kinh, Đà, Không, Kiếp*, thì kém nhiều.

Thiên-đông đặc địa văn võ đều, giỏi, — cùng *Kinh, Đà, Không, Kiếp*, chẳng ra gì, — cùng *Cự* trước làm nhỏ sau to, — cùng *Âm*, hãm không làm nên, — cùng *Khoa, Quyền, Lộc, Xương, Khúc*, làm nên to

Liêm-trinh đặc địa làm đảng võ to lắm, nhưng không bền, — cùng *Tham*, ở chỗ đông người làm ăn danh giá nhưng không có chức tước gì cả, — cùng *Phủ*, thì làm quan Văn, — cùng *Thất-sát* đi lính làm nên, — cùng *Thiên-tướng* làm nên và giàu, cùng *Kinh, Đà, Linh, Hỏa, Không, Kiếp*, thì chẳng ra gì.

Thiên-phủ đặc địa thì văn võ kiêm toàn, — cùng *Kinh, Đà, Không, Kiếp, Linh, Hỏa* và *Đại, tiểu hao* chẳng ra gì, và không bền, — cùng *Tử-vi* làm nên, — cùng *Liêm* hoặc *Vũ* cũng danh giá

Tham-lang đặc địa cùng *Linh, Hỏa* làm võ to lắm, — cùng *Tử-vi* văn võ đều tốt, nếu hãm địa thì làm quan hay tham tang, — cùng *Kinh, Đà, Không, Kiếp*, thì bình thường.

Cự-môn đặc địa làm nên về đảng võ tốt hơn văn, — cùng *Dương*, hãm địa tuy làm nên nhưng hay lúc lên, lúc xuống, — cùng các sao xấu thì chẳng ra gì.

Thiên-tướng đặc địa làm nên được lâu bền, — cùng *Tử-vi*, *Tả*, *Hữu*, *Xương*, *Khúc*, làm nên to, — cùng *Vũ* thi làm nên nhưng phải đi xa, — nếu cùng *Tuân*, *Triệt*, *Không*, *Kiếp*, *Kinh*, *Đà Linh*, *Hỏa* và *Hóa ky*, *Đại*, *tiểu hao* có khi phải giáng chức.

Thiên-lương đặc địa, nhất là ở *Ngọ* lại cùng *Tả*, *Hữu*, *Khôi*, *Việt*, và *Khoa*, *Quyền Lộc* văn võ đều giỏi, — cùng *Đông* làm to, cùng *Cơ* khó nhọc mới có thể làm nên được, cùng các sao xấu thi bình thường.

Thất-sát đặc địa tuy làm võ to nhưng nay đây mai đó, làm văn thi xấu, — cùng *Vũ* cũng tốt lắm, cùng *Liêm* làm đẳng võ tốt lắm, cùng các sao xấu thi bình thường.

Phá quân đặc địa làm võ to, — cùng *Liêm* thi làm *Lại*, — nếu cùng *Vũ*, *Tử-vi*, *Xương*, *Khúc*, *Khoa*, *Quyền*, *Lộc*, thi làm nên to, — cùng *Kinh*, *Đà*, *Linh*, *Hỏa*, *Không*, *kiếp* thi bình thường.

Lộc-tồn cùng các sao tốt thi làm nên, cùng các sao xấu thi bình thường.

Cách làm Quan to

Tả-phù, *Hữu-bật* ở cung *Quan* cùng *Tử*, *Phủ*, thi làm nên đến *Nhất-Phẩm*, — cùng sao xấu chỉ được vinh hàm chứ không được chính chức.

Văn-xương *Vũ-khúc* cùng các sao tốt thi được phong hầu, — cùng các sao xấu thi chỉ được *Phẩm-hàm* chứ không làm quan được.

Cách làm Quan-văn

Xương, *Khúc*, cùng *Tử* *Tướng* *Quyền*, *Lộc* làm đến *Thủ-tướng*.

Tương-quân cùng *Vũ-khúc* làm võ đến cực phẩm, nếu có *Tả*, *Hữu* chiêu thì làm quan cận thân.

Cách làm Lại

Thái-dương ở cung *Dương*, *Thái-âm* ở cung *Âm* lại gặp *Tả*, *Hữu*, làm *Lại* rồi lên to.

Các sao ở *Điện-trạch*

Từ-vi đặc địa, ruộng nhà đều có, cùng *Kinh*, *Đà*, *Linh*, *Hỏa*, *Không*, *Kiếp*, *Tuần*, *Triệt* tuy có nhưng bán hết, cùng *Phá* thì bỏ làng đi nơi khác mới có, — cùng *Tương* cũng tậu được nhiều, có thêm *Tả*, *Hữu*, *Xương*, *Khúc*, *Lộc-tồn*, *Hỏa-lộc*, *Hóa ky*, thì tậu được nhiều lắm.

Thiên cơ, bố mẹ để cho cũng bán rồi lại tậu được nhiều, — cùng *Cự* ở *Mão* có nhiều, ở *Rậu* tuy có sau lại bán đi nhưng cũng còn, cùng *Lương* hậu vận mới có, — cùng *Âm* tự mình tậu được.

Thái-dương, đặc địa thì có nhiều ruộng nhà, cùng *Cự* cũng có nhiều, nếu ở từ cung *Thân* đến *Sửu* lại gặp sao xấu tuy có cũng bán hết, nếu cùng các sao *Không*, *Kiếp*, *Tuần*, *Triệt* thì không có.

Vũ-khúc đặc địa, tổ-nghiệp để cho nhiều, nếu hãm địa bán hết lại tậu được, — cùng *Phá* hoặc *Đại*, *tiểu-hao* chơi bởi bán hết, — cùng *Tương* bán đi lại có — cùng *Thất-sát* có ít, — cùng *Phủ* giữ được của cha mẹ để cho, chứ khó tậu được thêm, — cùng *Tham* muợn mới có, — cùng *Linh*, *Hỏa*, *Không*, *Kiếp*, bán đi lại tậu được.

Thiên-Đồng chính mình làm ra mà có, cùng *Cự* có ít, cùng *Âm* đặc địa có nhiều, nếu hãm địa cùng các sao xấu kém nhiều.

Thiên-lương đặc địa trước không có sau mới có, cùng các sao xấu thì có ít.

Liêm-trinh đặc địa thì đi nơi khác mới có, cùng *Tham* chậm mới có, cùng *Sát* hoặc cùng *Phủ* tay mình làm ra, cùng *Tướng* trước không có, sau có.

Thái-âm đặc địa có nhiều, cùng *Cơ* tự mình tậu được, cùng *Đồng* cũng thế, cùng *Tả*, *Hữu*, *Quyền*, *Lộc* và *Lộc-tồn* có nhiều lắm, — cùng các sao xấu thì bán gần hết.

Tham-lang đặc địa ra ngoài mới có ít, — cùng *Liêm* không có, — cùng *Vũ* chậm mới có, — cùng các sao xấu thì có cũng bán đi, nhưng cũng còn ít.

Cự-môn. đặc địa tự nhiên có nhiều, hãm địa tuy có nhưng hay sinh ra lời thôi về nhà và ruộng đất, — cùng *Dương* có nhiều, cùng các sao xấu khó giữ được.

Thiên-tướng đặc địa có nhiều, cùng *Tử-vi* tự tay mình tậu, cùng *Vũ*, *Trinh* và các sao xấu bán hết tổ nghiệp, sau có tý chút, — cùng *Điền* trạch tời kỹ sao *Linh*, *Hỏa* và *Tang môn* nên gặp 3 sao ấy hay cháy nhà, nhưng gặp *Tuần*, *Triệt* lại giải được.

Phu, Thê

Tử-Vi ở cung *Phu*, *Thê* tuy muộn mới thành vợ chồng, nhưng ở với nhau bền và tính người chồng bạo giạn, — cùng *Phủ* ở được lâu giải, cùng *Tướng* lấy nhau lúc còn ít tuổi, cùng *Phá* sung khắc, cùng *Tham* cũng khắc, cùng *Kinh*, *Đà*, *Không*, *Kiếp Tuần*, *Triệt*, *Tang môn*, *Bạch-hồ*, *Thiên-khốc*, và *Linh*, *Hỏa*, thì sát.

Thiên-cơ nên lấy lúc trẻ, người vợ hoặc chồng tính ương, đàn bà nên lấy chồng con chường, cùng *Âm* thì vợ đẹp, cùng *Lương* nên lấy muộn mới tốt, cùng các sao xấu thì sinh ra bỏ nhau hoặc sát.

Thái-dương đắc địa muộn hầy lầy, và nhờ được vợ mà danh giá, lấy sớm sung khắc, — cùng *Lương*, *Âm*, *Tả*, *Hữu* vợ giỏi và đảm đang, — cùng *Cự* cũng tốt, — ngộ *Đại*, *tiểu-hao* không phải cưới, — cùng các sao xấu thì chẳng ra gì.

Vũ-khúc sung khắc, lấy người bằng tuổi và muộn thì tốt, nếu có *Lộc-tồn*, *Hóa-lộc*, *Thiên-phủ* nhờ của vợ đem về làm giàu, — nếu ngộ *Thiên-Mã* và *Tuần*, *Triệt* thì vợ bỏ chốn đi, cùng *Tham* nên lấy muộn cho đỡ sung khắc, — cùng *Sát* thì phải lầy hai ba lần mới thành, — nếu thêm các sao xấu thì sát mấy lần vợ.

Thiên-đồng muộn mới bền, chồng nhiều tuổi hơn vợ, cùng *Cự* sung khắc, thêm các sao xấu thì bỏ nhau, hoặc sát, cùng *Âm* thì vợ đẹp, — cùng *Lương* lấy vợ cũng một họ thì tốt (ví như người họ *Đỗ* lại lấy người khác cũng họ *Đỗ*)

Liêm-trinh ba lần mới thành, — cùng *Tham* lại càng xấu lắm, — cùng *Sát*, *Phá* cũng thế, — cùng *Phủ* lấy người danh giá thì không khắc, — cùng các sao xấu thì bỏ nhau đến mấy lần, nên không cũng sát

Thiên-lương vợ đẹp, cùng *Đông* hoặc *Cơ* cũng đẹp, và hòa thuận, nếu có các sao xấu thì không hòa thuận.

Thiên-tướng nên lấy người nhiều tuổi hơn thì tốt, và vợ chồng nhờ của bố mẹ làm nên giàu có, danh giá, — cùng *Tử-vi* thì được lâu giải, cùng *Vũ* thì khiếm hòa, cùng *Liêm* cũng không tốt, nên có các sao xấu thì hay cãi nhau và bỏ nhau.

Phúc-đức

Tử-vi đắc địa là mà tổ được, hãm là mà tổ xa đời, nếu ở cung *Phúc-đức* có *Tử-vi* thì người ấy được sung sướng và thọ 93 tuổi, mộ ấy ở núi hoặc gò cao có linh khí, nên gặp *Đại*, *tiểu hao*, *Không*, *Kiếp*, *Tuần*, *Triệt* thì

không phát nữa, con trường thi bại, con thứ vẫn làm nên, nên cùng *Tướng* xuất đời phong lưu, cùng *Phá* khó nhọc không được yên tâm

Thiên-cơ ở cung Phúc-đức mà đặc địa là mã tổ sáu đời, người ấy trước vất vả sau nhàn, thọ 63 tuổi, — nên gặp sao *Thai*, *Dương*, *Hoa-cái*, *Hồng loan* thì còn phát, gặp *Riêu*, *Đà* thì không phát nữa, — cùng *Cự* cũng khó nhọc, cùng *Lương* thọ và thanh nhàn, — cùng *Âm* xuất đời sung sướng, cùng *Không*, *Kiếp*, *Kinh*, *Đà*, *Linh*, *Hỏa*, *Tuần*, *Triệt* thì ít phúc, — nói tóm lại, *Cơ* ở Phúc-đức thì được hưởng phúc trọn đời.

Thái-dương bố còn là mã ông, ông còn là mã cụ, bố chết rồi thì là mã bố, nên đặc địa thì thọ 70 tuổi, cùng *Xương*, *Khúc* hoặc *Lương* thì phát và họ hàng đông nhiều, — nên cùng *Kinh*, *Đà*, *Linh*, *Kỵ* thì dốt nát, tàng tật, — cùng *Cự* ít khi được nhàn thân, — cùng *Lương* thì có nhiều phúc và được hưởng, cùng *Âm* cũng thế, cùng *Kinh*, *Đà*, *Linh*, *Hỏa*, *Không*, *Kiếp* ít khi được yên thân.

Thái-âm là mã mẹ, nên mẹ còn là bà, nếu bà còn là cụ, ở đất ây cao, hình con ngựa — nên cùng *Khoa*, *Quyển* thì tốt lắm, — nên cùng Phúc-đức có nhiều sao Thủy hoặc Mộc thì đỗ cao lắm, nếu có *Khốc*, *Hư*, *Đà*, *Kỵ*, *Tuần*, *Triệt* tuy mã trông đẹp nhưng không kết, — nên cùng *Dương* thì tốt lắm, — cùng *Cơ* hay phải lo nghĩ, — cùng *Đông* thì yên thân, — cùng *Kinh*, *Đà*, *Không*, *Kiếp*, *Linh*, *Hỏa*, lúc lo lúc mừng, không được yên thân.

Tham-lang ở đất đất đen, hình con chó nằm, — cùng *Vũ*, *Khoa*, *Quyển* thì kết, văn võ đều hay, sống lâu, là mã tổ năm đời, nên có *Không*, *Kiếp*, *Tuần*, *Triệt* thì mạch cách đứt, chỗ cao chỗ thấp nhưng cũng yên, — cùng với *Liêm* chà ra gi, cùng *Vũ* thì tốt, cùng *Tử-vi* cũng tốt.

Vũ-khúc đặc địa thi hường được phúc lâu giải, ở đây đất bình như hòn ngọc, — cùng với *Tham* thi phát võ và phải đi xa, — nếu có *Kình, Đà, Ky, Linh, Khốc, Hư* thi đất hồng, không kết, — nếu có *Triệt, Tuần* và *Phá* thi phát làm thợ khéo, — cùng *Thiên-tướng* thi lúc già được nhàn, và là mã năm đời, thọ ngoài 60 tuổi.

Thiên-dồng đặc địa là mã bốn đời, thọ 93 tuổi, người ấy sung sướng suốt đời, — cùng *Cự* hay phải lo nghĩ, cùng *Âm* hoặc *Lương* cũng sung sướng suốt đời, — cùng các sao xấu lại kém nhiều.

Liêm-trình là mã tổ 7 hoặc 8 đời, chỉ có một mình thi tốt, nếu gặp *Thiên-tướng, Lộc-tôn* thi đất tốt, — nếu cùng *Tham* chà ra gì, cùng *Phá* hoặc *Sát* cũng thế, cùng *Phủ* thi tốt.

Thiên-phủ đặc địa thọ 84, là mã tổ và đất ấy ở gần đền chùa và phát to, — cùng *Tử-vi* thi tốt lắm, — cùng *Liêm* tuy sung sướng nhưng phải lo nghĩ, cùng *Vũ* thi cũng được sung sướng, — cùng *Tuần, Triệt, Không, Kiếp*, thi nghèo hèn.

Cự-môn là mã 7 đời, hình như cái chiếu ngọc, ở dưới đất sắc vàng, thọ được ngót 60 tuổi, — cùng *Thái-dương* lúc vui lúc buồn, — cùng *Đông* thi tốt, — cùng *Cự* hay phải lo nghĩ, — cùng các sao xấu chà ra gì.

Thiên-tướng đặc địa là mã 5 đời, thọ ngoài 70, cùng *Khoa, Quyền, Khôi, Việt* thi làm nên to, — cùng *Không, Kiếp, Tuần, Triệt* thi mã bị triệt, có làm nên cũng bị cách và nghèo hèn, — cùng *Vũ* thi về sau tốt, — cùng *Tử-vi* càng tốt lắm.

Thiên-lương đặc địa là mã 8 đời, đất bình con rắn giải, cùng *Xương, Khúc, Khoa, Quyền* thi làm nên, người ấy

thọ ngoài 80, — cùng *Mã, Kỵ* và *Tuân* họ hàng và mình hay chơi bởi phá tán cơ nghiệp, — cùng *Dương* thì sung sướng danh giá, — cùng *Cơ* thì khó nhọc lo nghĩ, — cùng các sao xấu chẳng ra gì.

Thất-sát đặc địa thì thọ ngoài 50 và là mả tồ xa đời — cùng *Tử-vi, Khoa, Quyền*, thì đất có long, hồ chiếu về, phát võ anh hùng lắm, nên ngộ *Kiếp, Không, Đà, Riêu, Tuế* chỉ có tay Long thôi, ít đình và nghèo hèn, — *Đàn bà* cùng *Phúc-đức* có *Thất-Sát* chỉ làm con hát hoặc vợ lẽ, nếu cùng *Liêm* hoặc *Vũ* chẳng ra gì.

Phá-quân đặc địa thì thọ, nên hãm thì yếu, cùng *Vũ, Khoa, Quyền, Khôi, Việt* phát văn võ đều to, — nếu gặp *Liêm, Hình, Hóa* hay chết tự nhiên, nếu cùng các sao xấu nữa thì nghèo hèn và yếu.

Lộc-tồn là hình cái kho, nếu cùng *Cự, Cơ, Khoa, Quyền, Lộc, Xương, Khúc, Khôi, Việt* thì làm nên to và giàu.

Phụ - Mẫu

Phàm xem cha mẹ thì lấy *Thái-dương* là bố, *Thái-âm* là mẹ, sao nào đặc địa lại gặp các sao tốt và mình hợp sao ấy lại đề vào giờ cũng hợp với sao ấy, (như đề đêm thì hợp *Thái-âm*, đề ngày hợp *Thái-dương*) ví như hợp *Dương* thì bố thọ, hợp *Âm* thì mẹ thọ, — có *Tử-vi* hoặc *Thiên-phủ* thì song toàn, cùng *Tướng* hoặc *Tham* cũng tốt, cùng *Phá* không song toàn, cùng *Kinh, Đà, Linh, Hỏa, Không, Kiếp, Tuân, Triệt* thì chết sớm và sung khác bố mẹ.

Thiên-cơ đặc địa cũng tốt, nên hãm lại cùng các sao xấu thì nên đi làm con nuôi thì bố mẹ mới thọ.

Thái-dương đặc địa thì cha thọ, cùng với *Âm* cũng tốt lắm, cùng các sao xấu thì bố chết sớm.

Vũ-khúc thì sung khắc, nếu ở xa bố mẹ thì đỡ được xấu, — cùng với *Cự* thì sung khắc.

Liêm-trinh thì chết sớm, cùng *Tham* cũng thế, cùng *Sát* bố chết trước hoặc mẹ trước, nghĩa là một người chết trước cùng các sao xấu cha mẹ nghèo hèn và chết non, cùng với *Phủ* thì song toàn.

Thiên-đông bố mẹ thọ, cùng *Lương* cha mẹ đi xa và thọ, cùng *Cự* ít khi hòa thuận, cùng *âm* cha mẹ sung sướng nếu có sao xấu tuy thọ nhưng nghèo hèn.

Thiên-lương cũng thọ, nếu cùng các sao xấu nên đi làm con nuôi thì bố mẹ song toàn, — cùng *Dương*, *Cơ* tốt lắm.

Thất-sát bố mẹ chết sớm, hoặc không song toàn, cùng *Liêm* hoặc *Phá* cũng xấu lắm, cùng *Tử-vi* thì tốt.

Phá-quân bố mẹ chết sớm, đi làm con nuôi thì đỡ được, — cùng *Liêm*, *Vũ* cũng thế, — cùng *Tử-vi* thì tốt, nếu cùng các sao xấu thì cha mẹ chết sớm lắm.

Huỳnh-đệ (Anh em)

Phàm xem anh em thì lấy cung *Dương* là lẽ, cung *Âm* là chẵn mà hợp với cung *Huỳnh-đệ* mà xem, *Huỳnh-đệ* là anh em ruột, đôi cung *Huỳnh-đệ* là cùng bố khác mẹ. — nếu có nhiều sao *Dương* thì nhiều anh em giai, nhiều sao *Âm* thì nhiều chị em gái.

Tử-vi đặc địa có nhiều anh em, cùng *Phủ* 3, 4 người, cùng *Phá* 3 người hoặc cùng bố khác mẹ, — cùng *Thất-sát* hoặc *Tham-lang* cũng thế, cùng *Không*, *Kiếp*, *Kinh*, *Đà*, *Linh*, *Hỏa*, *Tuân*, *Triệt* thì bớt đi và không hòa thuận.

Thiên-cơ, đặc địa có 2 người, cùng *Cự* cũng 2, nên hãm thì không hay hòa thuận, cùng *Lương* 2 người, cùng *Âm* cũng 2, 3 người, nếu có *Linh*, *Hỏa*, *Kinh*, *Đà*, thì chết nhiều, có sống cả cũng hay cãi nhau.

Thái-dương đặc địa có 3 người, cùng *Cự* 3 người, cùng *âm* 5 người, nếu có các sao xấu thì bớt nửa và hay cãi nhau.

Vũ-khúc đặc địa có 2 người, nhưng không hòa thuận, cùng *Sát*, *Phá*. *Tham* 1 người, nếu thêm *Tả*, *Hữu*, *Xương*, *Khúc*, thì 3 người, nếu có các sao xấu chỉ có một mình.

Thiên-đồng đặc địa có 4, 5 người, cùng *Lương* 2, 3 người, cùng *Cự* 3 người, cùng *Âm* 4, 5 người. nếu có các sao xấu thì giảm nửa và bất hòa.

Liêm-trinh đặc địa có 2 người, cùng *Tham* 1, 2 người, và bất hòa, cùng *Sát*, *Phá* 1 người, cùng *Phủ*, *Tả*, *Hữu*, *Xương*, *Khúc* thì 3 người, nếu cùng các sao xấu thì giảm nửa và bất hòa.

Thiên phủ đặc địa có 5 người, cùng *Tử-vi*, *Tả*, *Hữu*, *Xương*, *Khúc*, 5, 6 người, cùng *Liêm* 3 người, cùng các sao xấu thì 2 người.

Thái-âm đặc địa thì 5 người, thêm *Dương* 5, 6 người, cùng với *Cơ* 2 người, cùng *Khoa*, *Quyên* 4, 5 người, cùng các sao xấu thì giảm nửa và không hòa thuận.

Tham lang đặc địa 2 người, mà cùng cha khác mẹ, cùng *Liêm* thì bất hòa, cùng *Tử-vi* 3 người, cùng các sao xấu thì chỉ có một mình.

Cự-môn đặc địa có 2 người, nếu cùng *Tả*, *Hữu*, *Xương*, *Khúc* 3 người, cùng *Cơ* 2 người, mà không hòa thuận — cùng *Đông* 2, 3 người, — cùng các sao xấu thì có một mình.

Thiên-tướng đặc địa có 3 người, cùng *Vũ* 2 người, cùng *Tử-vi* 3, 4 người, cùng *Liêm* 2 người, cùng các sao xấu chỉ có một mình.

Thiên-lương đặc địa có 2 người và hòa thuận, nếu có

nhieu thi cùng cha khác mẹ, cùng *Đông* 3 người, cùng *Thiên-cơ* 2 người, cùng các sao xấu chỉ có một mình.

Thất-sát đặc địa có 3 người nhưng không hòa thuận, nếu cùng *Tử-vi*, *Tả*, *Hữu*, *Xương*, *Khúc*, thì hòa thuận, nếu cùng các sao xấu chỉ có một mình.

Phá-quân đặc địa thì 3 người nhưng không hòa thuận, cùng *Sát* có một, cùng *Vũ* 2 người, cùng *Liêm* 1 người, cùng *Tử vi*, *Tả*, *Hữu* thì 3 người, nếu cùng các sao xấu chỉ có một mình.

Lộc-tôn gọi là chủ cô là có một mình, nhưng hợp Mệnh lại cùng sao tốt thì có nhiều.

Tử-tức (con)

Nếu trong cung *Tử-tức* có sao *Nam-dầu* thì đẻ con gái trước, nếu có *Bắc-dầu* thì đẻ con gái trước, nếu ở vào cung *Dương* thì đẻ, cung *Âm* thì chẵn.

<i>Tử-vi</i> 3 gái, 4 gái	<i>Thiên-cơ</i> 1 gái, 1 gái	<i>Thiên-tướng</i> 3 gái, 1 gái	<i>Tham-lang</i> 2 con
<i>Thái-âm</i> 3 gái, 2 gái	<i>Liêm-trinh</i> 1 con	<i>Cự-môn</i> 2 gái, 1 gái	<i>Thiên-phủ</i> 5 con
<i>Thất sát</i> 3 gái	<i>Vũ-khúc</i> 2 gái	<i>Thái-dương</i> 3 gái, 2 gái	<i>Thiên-đồng</i> 4 con
<i>Văn-xương</i> 5 con	<i>Văn-khúc</i> 5 con	<i>Đà-la</i> 1 con	<i>Kinh-dương</i> 1 con
<i>Địa-kiếp</i> 1 con	<i>Thiên-không</i> 1 con	<i>Phá-quân</i> 3 con	

Đây nói vắn tắt, phải xem các sao có đặc địa, và cùng các sao tốt xấu thế nào mà đoán mới đúng.

Tài-bạch

Tử-vi thì phong túc, cùng *Kinh*, *Đà*, *Linh*, *Hỏa*, *Không*, *Kiếp*, *Tuân*, *Triệt*, tuy có nhưng tán tài lắm, — cùng *Phá* trước nghèo sau giàu, cùng *Phủ*, *Tả*, *Hữu*, *Quyền*, *Lộc* và *Lộc-tồn* thì làm quan mà giàu, cùng *Sát* tự nhiên giàu, không bao giờ làm sự gì trái phép mà lấy tiền.

Thiên-cơ thì cò tiền luôn luôn nhưng phải khó nhọc nghĩ ngợi mới có, — cùng *Cự* phải ở chỗ đông người mà buôn bán thì có tài, — cùng *Lương* làm nghề khéo có tài, cùng *Âm* cũng nhiều tài, cùng các sao xấu, lúc có lúc không.

Thái dương đắc địa thì nhiều tiền, cùng *Âm*, *Tả*, *Hữu*, và *Lộc-tồn*, *Hóa-lộc* thì giàu lắm, cùng *Cự* tuy giàu sớm sau lại kém.

Vũ-khúc thì giàu có, cùng *Phá* có rồi lại hết, hết rồi lại có, — cùng *Tương* nhiều tài, — cùng *Thất-sát* tay trắng làm giàu, — cùng *Tham* thì ngoài 30 tuổi mới giàu, — cùng các sao xấu có tài nhưng tán nhiều.

Thiên-đông tay trắng làm nên giàu, cùng *Cự* lúc có lúc không, cùng *Lương* thì giàu, cùng các sao xấu tuy có rồi lại tán.

Liêm-trinh thì ở chỗ đông người mới có tài, — cùng *Tham* chóng có chóng hết, — cùng *Sát*, *Phá* lúc có lúc không, — nếu cùng các sao *Không*, *Kiếp*, hay sinh kiện tụng mà hết của.

Thiên-phủ hoặc *Tử-vi* thì giàu to, cùng *Vũ*, *Liêm-trinh*, *Quyền*, *Lộc* là tay trực phú, cùng các sao xấu khó lòng giữ bền, nhưng hết lại có.

Thái âm thì giàu, cùng *Dương* càng về sau càng giàu,

cùng *Cự* hay *Đông* tay trắng làm giàu, cùng *Lộc-tồn*, *Hóa-lộc* đại phú, — nếu cùng các sao xấu thì tán.

Tham-lang hoạnh phát. — cùng *Tử-vi* bao giờ thành gia thất mới giàu, cùng *Linh*, *Hỏa*, 30 năm về sau thì giàu, nếu cùng *Kinh*, *Đà*, *Không*, *Kiếp* tuy có nhưng lại hết.

Cự-môn tay trắng làm nên giàu và nên ở chỗ đông thì tốt tài, nhưng không nên ganh đua mà hết, — cùng *Cơ* phát tài, — cùng *Dương* cũng tốt, cùng *Đông* thì làm việc quan có tài.

Thiên-wương đắc địa thì giàu to, — cùng *Đông* tay trắng làm giàu, — cùng *Cơ* khó nhọc mới có, không nên nay làm việc này mai làm việc khác mà không giàu được. — Nếu cùng các sao xấu thì tán lắm.

Thiên-tướng thì giàu, — cùng *Tử-vi* cũng chóng giàu, — cùng *Vũ* và các sao xấu chỉ làm thợ mà có, — cùng *Liêm* buôn bán mà có, — cùng các sao xấu tuy làm ra nhưng tán tài. *Phá-quân* có của nhưng tán lắm, cùng *Sat* hoặc cùng *Vũ* thì tán tài, cùng *Liêm* hoặc cùng *Tử-vi* trước nghèo sau giàu, cùng các sao xấu không giữ được của.

Thất-sát chóng có chóng hết, nếu cùng *Tử-vi* thì giữ được, cùng *Lộc-tồn*, *Hóa-lộc*, *Hóa-ky*, *Cô-thần*, *Quả-tú*, *Đầu-quân* cũng giàu và giữ được bền, nếu cùng các sao xấu như là *Đại*, *tiểu hao*, *Không*, *Kiếp*, *Kinh*, *Đà*, *Tuần*, *Triệt*, *Phá-toái* thì khó lòng mà giàu được.

Giải-ách

Trước hết hãy xem Mệnh tốt xấu thế nào, nếu có *Tử-vi* thì ít vận hạn và ít ốm đau, cùng *Phủ* cũng thế, cùng *Trương* hay có bệnh ngoài gia, cùng *Phá*, khí huyết kém, cùng *Kinh*, *Đà*, *Ky*, *Linh*, *Hỏa* thì có tật hoặc mắt mờ, cùng *Không*, *Kiếp* hay có bệnh tâm khí.

Thiên-cơ lúc bé nhiều tật bệnh, nếu hãm địa, đầu và mặt hay lở, cùng *Cự* hay có bệnh huyết khí, — cùng *Lương* có bệnh ở hạ bộ, — cùng *Âm* hay có bệnh lở ghẻ, — cùng *Kinh*, *Đà*, *Linh*, *Hỏa* hay có tật ở mắt và chân tay yếu ớt. *Thái dương* hay rức đầu, cùng *Âm*, *Kinh*, *Đà*, *Kỳ* mắt có vết, nếu hãm địa thì kém mắt.

Vũ-khúc hay ốm, đầu, mặt và chân tay hay có tật, có *Kinh*, *Đà* cả đời hay ốm.

Thiên-tướng hay bị ám tật, cùng các sao xấu thì hay bị chứng huyết hư, mặt và chân tay có vết, hoặc bị bệnh trĩ hay là phong sang.

Thiên-đồng đặc địa ít ốm đau, cùng *Cự* có bệnh tâm khí, — cùng *Kinh*, *Đà*, *Linh*, *Hỏa*, có bệnh huyết hư, — cùng *Lương* ít bệnh, — cùng *Không*, *Kiếp* hay có bệnh tâm khí.

Liêm-trinh lúc còn bé lở ghẻ và chân tay hay đau, — nếu đặc địa và cùng *Việt*, *Thiên-giải*, *Giải-thần*, *Lộc-tôn*, *Hóa-lộc* ít đau ốm, — cùng *Tham* hay đau mắt, — cùng *Sát*, *Phá* hay ốm, — cùng *Phủ* ít ốm, — cùng các sao xấu thì hay yếu đau luôn luôn.

Thiên-phủ đặc địa lại cùng các sao tốt thì ít ốm đau, nếu gặp tai nạn có người cứu ngay — cùng *Tử-vi* ít ốm đau, cùng *Kinh*, *Đà*, *Linh*, *Hỏa*, *Không*, *Kiếp*, *Bệnh-phù*, *Hình* thì có bệnh phong, — cùng *Liêm* và *Kiếp-sát*, *Thiên-không*, *Địa-không*, *Địa-kiếp* bị người ta đánh ở giữa đường.

Thái-âm đặc địa không hay có bệnh tật, nếu hãm địa thì hay có chứng đau bụng và lao-thương, nếu đàn bà thì phải người ta đánh bị thương, — cùng *Dương* ít ốm, — cùng *Kinh*, *Đà*, *Linh*, *Hỏa*, *Kị*, *Hình* hay đau mắt, — cùng *Không*, *Kiếp*, có bệnh phong, — cùng *Thiên-đồng* cũng hay ốm đau.

Cự-môn còn bé hay bị chứng nung huyết, — cùng *Dương* đầu và mặt hay có mụn nhọt, — cùng *Đống* có bệnh ở hạ bộ, hoặc có chứng phong, cùng *Kinh, Hỏa* có bệnh tửu sắc, cùng *Ky* đau tai, hoặc mắt và mặt có vết hoặc có tật.

Thất-sat lúc bé hay ốm, nhón lên hay có bệnh trĩ hoặc lở ở hạ bộ, — cùng *Vũ*, và *Kinh, Đà, Linh, Hỏa*, chân tay bị thương, — cùng *Liêm* hay đau mắt hoặc đau mặt, cùng *Tử-vi* ít ốm đau. — *Phá-quân* còn bé hay lở ghẻ, cùng *Vũ* thì hay đau mắt, cùng *Tử-vi* ít ốm, cùng *Liêm* và *Linh, Hỏa, Kinh, Đà*, chân tay có thương tích.

Văn-xương, Văn-khúc ở một mình không có chính tinh thì ít ốm và ít tai nạn, — cùng *Kinh, Đà, Linh, Hỏa, Không, Kiếp* hay có tai nạn và yếu đau luôn.

Tả-phù, Hữu-bật ít tai nạn và ốm, cùng các sao xấu thì hay ốm và có tai nạn.

Lộc-tôn còn bé hay ốm, nếu cùng các sao tốt ít ốm, cùng sao xấu chân tay có tật, nhưng sống lâu.

Kinh, Đà đặc địa ở một mình không có chính tinh, có chứng lở ở đầu và chân tay yếu ớt, đầu, mặt và môi hay lở, răng sứt thì mới sống lâu được.

Linh, Hỏa ở một mình không có chính tinh mà đặc địa thì ít tai nạn và khỏe mạnh.

Đẩu-quân gặp sao tốt thì tốt, gặp sao xấu thì ốm đau luôn và hay có tai nạn.

Thiên-ri

Tử-vi đặc địa cùng *Tả, Hữu, Khôi, Việt* ra ngoài nhiều người danh giá giúp đỡ mà làm nên, — cùng *Phủ* cũng thế, cùng *Tướng* ra ngoài phát tài, — cùng *Phá* có người danh

giá yêu mên, — cùng *Kinh*, *Đà*, *Linh*, *Hỏa*, *Không*, *Kiếp*, *Tuần*, *Triệt*. *Quan-phù*, *Quan-phủ*, *Thiên-hình*, *Phục-binh*, *Đại*, *tiểu hao* ra ngoài chả ra gì, tán tài và hay sinh sự lôi thôi, đi không lại về rồi, — *Thiên-ri* giáp *Lộc-tồn*, *Hóa-lộc* ra ngoài làm giàu.

Thiên-cơ ra ngoài mới hay, nếu ở nhà hay có miệng tiếng, — cùng *Cự* có đi mới tốt, — cùng *Lương* ra ngoài được vừa ý, — cùng *Âm* làm sự bình tĩnh thì hay, — cùng *Kinh*, *Đà*, *Linh*, *Hỏa* ra ngoài không yên hay rắc rối.

Thái-dương ra ngoài phát phúc, — cùng *Âm* cứ bình tĩnh ở yên một nơi mới tốt, — cùng *Cự* khó nhọc vất vả, — cùng *Lương* thì tốt, nếu cùng các sao *Kinh*, *Đà*, *Linh*, *Hỏa*, *Không*, *Kiếp*, *Tuần*, *Triệt* không được yên thân.

Vũ-khúc ra buôn bán ở chỗ thành thị thì phát tài, — cùng *Tham* làm lái buôn và ngoài 30 thì giàu, — cùng *Sát*, *Phá* khó nhọc vất vả, — cùng *Tướng* ra ngoài tốt, — nếu cùng các sao xấu thì chả ra gì và hay bị lôi thôi.

Thiên-đông ra ngoài gặp quý nhân giúp đỡ, — cùng *Cự* phải lo nghĩ nhiều, — cùng *Âm* hoặc *Lương* cũng tốt, — nếu cùng các sao xấu không mấy khi được vừa lòng.

Liêm-trinh ra ngoài gặp người danh giá giúp đỡ, — cùng *Tham* ở chỗ đông mới tốt, — cùng *Tướng* ra ngoài phát tài, — cùng *Sát*, *Kinh*, *Đà* và các sao xấu chiêu thì chết đờng.

Thiên-phủ hoặc *Tử-Vi* ra ngoài gặp người danh giá giúp đỡ, cùng *Liêm* hoặc *Vũ* thì buôn bán ở chỗ đông người mới phát tài.

Thái-âm hoặc *Thái-dương* đặc địa ra ngoài phát tài, tốt lắm, cùng *Đông* tay trắng làm nên giàu.

Tham-lang đặc địa ra ngoài ở chỗ đông người thì tốt.

cùng *Liêm* ra ngoài cũng khá, — cùng *Vũ* thì buôn bán nhưng ngoài 30 mới giàu nếu cùng *Kinh*, *Đà*, *Không*, *Kiếp*, *Linh*, *Hỏa*, *Đại*, *tiểu hao* mà hạn đến cung ấy ra ngoài bị trộm cướp lấy hết của. — Cùng *Mã*, *Đà* ở cung *Hợi* ra ngoài bị què.

Cự-môn ra ngoài ai cũng ghét và phải lo nghĩ luôn luôn, cùng *Dương* hoặc *Cơ* thì tốt, cùng các sao xấu hay sinh lời thôi, nếu cùng *Thái-tuế*, *Quan-phù*, *Thiên-hình* có khi bị tù tội.

Thiên-tướng ra ngoài có người danh giá giúp đỡ, — cùng *Tử-vi* cũng tốt, cùng *Vũ* ra ngoài buôn bán phát tài, — cùng *Liêm* cũng khá, nếu cùng các sao xấu thì chả ra gì và hay sinh ra lời thôi.

Thiên-lương ra ngoài gặp người danh giá giúp đỡ, — cùng *Cơ* hoặc *Đông* cũng tốt nhưng nên làm thợ thì phát tài.

Thất-sát phải ở ngoài luôn thì khá, — cùng *Liêm* và các sao xấu thì chết đường, — cùng *Tử-vi* ra ngoài được vừa ý. — cùng các sao xấu thì hay sinh ra chơi bời du đàng chả ra gì.

Phá-quân ra ngoài khó nhọc vất vả, — cùng *Tuần*, *Triệt* thì chết đường, — cùng *Tử-vi* thì tốt, — cùng *Liêm* chả ra gì, cùng các sao xấu chỉ nên làm thợ thì tốt, — cùng các sao *Văn-xương*, *Văn-khúc* và *Vũ-khúc* thì hay thích đi du lịch.

Khôi, *Việt*, *Khoa*, *Quyền*, *Lộc*, *Tả*, *Hữu*, *Lộc-tồn* ra ngoài làm nên danh giá, giàu có và hay được người danh giá giúp đỡ.

Thiên-phủ ở *Thiên-ri* giáp *Âm*, *Dương* đặc địa ra ngoài làm giàu, giáp *Tả*, *Hữu* mà ở giữa có *Thiên-phủ* hoặc *Tử-vi* ra ngoài cũng làm nên danh giá và nhiều người

giúp đỡ, giáp — *Ân-quang*, *Thiên-quý* cũng hay có người làm ơn cho mình.

Gặp sao đặc địa, miếu, vượng lại hợp Mệnh thì tốt, — nếu hãm địa lại khắc Mệnh thì xấu, nên suy xét cẩn thận vì số *Tử* vi khó xem lắm, tuy rằng gặp sao hãm địa, nhưng sao cùng với sao ấy lại đặc địa và hợp thì cũng tốt.

(*Quyển sau sẽ tiếp*)

Xem số trẻ con

Trẻ con mới đẻ lấy số thì xem các sao có ở Miếu, Vượng hoặc đặc-địa không và xem có bị sao ở Mệnh bố nó có khắc sao ở mệnh nó không, nếu sao ở Mệnh bố khắc sao ở Mệnh con và sao ở Mệnh con lại xấu và cùng các sao ác sát như là *Không*, *Kiếp*, *Linh*, *Hỏa*, *Kình*, *Đà*, *Tuần*, *Triệt*, hoặc phải giờ *Kim-xà* *Thiết-tỏa*, hoặc phải giờ *Quan-sát* thì khó nuôi, nhưng tuy rằng phải giờ *Quan-sát* hoặc *Kim-xà* *Thiết-tỏa* nhưng Mệnh có *Tử*, *Phủ* và *Lộc-tồn*, *Hóa-lộc* đặc địa mà đồng hạn gặp *Thái-tuế* đi cùng các sao tốt thì chỉ hay ốm đau, nhưng nuôi được.

Trẻ con tuổi *Dần*, *Ngọ*, *Tỵ*, *Rậu* mà đẻ giờ *Thìn*, *Tuất* *Sửu*, mùi thì xấu lắm, — Tuổi *Tý*, *Thân*, *Hợi*, *Mão* thì xấu vừa, — Tuổi *Dần*, *Tỵ*, *Hợi* đẻ giờ *Ngọ*, *Thân*, *Rậu*, *Hợi* thì khắc bố, nhưng ngoài 16 tuổi thì không khắc nữa, — tuổi *Thìn*, *Tuất*, *Sửu*, *Mùi* đẻ giờ *Tý*, *Ngọ*, *Mão*, *Thân*, *Tỵ*, *Hợi* thì khắc mẹ.

Giờ Quan-Sát

Những tuổi để giờ gì thì phạm giờ *Quan-sat* :

Tháng	Giêng	để	giờ	Tị	thi	phạm	giờ	<i>Quan-sat</i> .
»	Hai	»		Thìn	»		»	
»	Ba	»		Mão	»		»	
»	Tư	»		Dần	»		»	
»	Năm	»		Sửu	»		»	
»	Sáu	»		Tý	»		»	
»	Bảy	»		Hợi	»		»	
»	Tám	»		Tuất	»		»	
»	Chín	»		Rậu	»		»	
»	Mười	»		Thân	»		»	
»	Mười một	»		Mùi	»		»	
»	Mười hai	»		Ngọ	»		»	

Tính giờ Kim-xà Thiết-tỏa

Muốn biết trẻ con mới sinh có phạm giờ kim-xà thiết-tỏa hay không thì khởi tự cung Tuất là năm Tý, tính thuận đến năm sinh, đúng vào cung nào, lại bắt đầu từ cung ấy tính là tháng giêng, tính nghịch đến tháng sinh, — Lại từ cung ấy là ngày mồng một tính thuận đến ngày sinh, đúng vào cung nào thì bắt đầu tự cung ấy là giờ Tý tính nghịch đến giờ sinh :

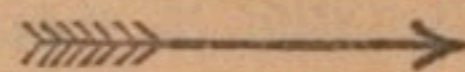
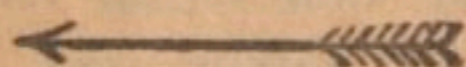
Con gái trúng vào cung *Thìn* hay *Tuất*.

Con gái trúng vào cung *Sửu* hay *Mùi*, thì phạm giờ Kim-xà Thiết-tỏa nghĩa là khó nuôi.

Tuy thế nhưng tuổi bố sinh phải giờ Kim-xà Thiết-tỏa thì con đâu phạm giờ cũng không ngại gì, chỉ hiềm đưa trẻ hay quật quẹo mà thôi.

TỶ	NGỌ	MÙI <i>con gái ky cung này</i>	THÂN
THÌN <i>con gái ky cung này</i>	Tính giờ Kim-xà Thiết-tỏa Năm tính thuận Tháng — nghịch Ngày — thuận Giờ — nghịch		RẬU <i>con gái ky cung này</i>
MÃO			TUẤT Khởi tự cung Tuất gọi là Tý
DẦN	SỬU <i>con gái ky cung này</i>	TỶ	HỢI

Thuận



Nghịch

Nam ky Thìn, Tuất. — Nữ ky Sửu, Mùi.

Ai xem sách này nếu có chỗ nào không hiểu rõ, thì cứ biên thư hỏi và dính timbre 0\$05, tôi sẽ giả nhời và cắt nghĩa cẩn thận.

SONG-AN

39, phố Haiphong — Nam-Dinh

Hình giáng tính nét người, tùy theo sao thủ mệnh

- 1) Tử-vi thủ mệnh thì người tầm thước, da dâu, chính-chực và phúc hậu.
- 2.) Thiên-cơ, người không cao, không thấp, hiền lành và khéo mọi nghề.
- 3) Thái-dương thì người đẹp, lông mi cầu vồng, tính ngay thẳng.
- 4.) Vũ khúc thì bé nhỏ có nhiều nốt ruồi và tính quả quyết.
- 5.) Thiên-đồng người phúc hậu hiền lành nhưng tính hay tranh cãi.
- 6.) Liêm-trinh thì người miệng rộng, cổ cao tính hay cạnh tranh, chỉ thích hơn người.
- 7.) Thiên-phủ thì người đen và to lớn, tính cần kiệm.
- 8.) Thái-âm thì người đẹp tính dịu dàng tử tế và rời dưng.
- 9.) Tham-lang nhập miếu thì đẹp và rời dưng, hãm địa thì bé nhỏ, tính hay cờ bạc, dâm dăng.
- 10.) Cự-môn thì người vira phải mặt hay có vết, tính chua ngoa và đảo điên
- 11.) Thiên-tướng mặt chữ điền, da đen, tính thẳng hay rườu chè, giai gái.
- 12.) Thiên-lương thì người cao, đứng đắn, phúc hậu và đẹp đẽ.
- 13.) Thất-sát người vira phải, tính cương cường, lúc mừng, lúc giận thất thường, có mưu mẹo giỏi, nhưng tính nóng,
- 14.) Phá-quân thì da đen, lông mày xanh, và tính bướng bỉnh, giáo trá.
- 15.) Tử, Phủ đồng cung thì người phúc hậu và đẹp.
- 16.) Tử, Tham thì người bé, to tiếng và tính tham lam.
- 17) Tử cùng Sát hoặc Phá thì người nham hiểm, bề ngoài ăn nói ôn hòa.

Còn nữa, quyển sau sẽ tiếp — Giá bán 0\$30



Mục - Lục

Sô trang

Lời nói đầu của soạn giả.	1
Lời duyệt bình của quan Nguyên Tri Huyện, Đô-van-Phai	11

I. — Cách lấy số Tử-Vi vẫn tắt

Người bao nhiêu tuổi là tuổi gì? Minh gì?	1
Tuổi gì là Âm, tuổi gì là Dương.	2
Tên các tháng tính theo thập nhị chi	2
Tên các cung số.	3
Ngũ hành tương sinh, tương khắc	3
Thập nhị chi hợp nhau, — sung nhau	3 et 4
Thập can hợp nhau, — phá nhau, — Tam hợp.	4
Ngũ hành, — Tháng nào, mùa nào thuộc hành gì	4
Tính tháng nhuận	5
Tim cục, — (Tuổi gì, mệnh lập ở cung nào là cục gì?)	5
Tim sao Tử-Vi	2
Cách xem giờ sinh đúng hay sai	10

II. — Phép lấy số

Kẻ ô thành các cung số.	10
Tim MỆNH đóng ở cung nào.	11
12 cung số	12
Tim THÂN đóng ở cung nào.	12
An 14 CHÍNH TINH	12
Tim TỬ-VI đóng ở cung nào	13
An các sao vòng TRĂNG SINH	15
An các sao vòng THÁI TUẾ	15
An sao Thiên-không, — Lộc-tồn	15
An Kinh-dương, — Đà-la, — Thiên-khôi, — Thiên-việt, — Tả-phụ, — Hữu-bật, — Văn-xương — Văn-khúc, — Địa-không, — Địa-kiếp.	16

	<i>Số trang</i>
An Hóa-lộc, Hóa-quyền, Hóa-khoa, Hóa-ky	17
An Thiên-mã, — Hoa-cái, — Ân-quang, — Thiên-quý, — Tam-thai, — Bát-tọa, — Long-trì, — Phượng-các	18
An Hồng-loan, — Đào-hoa, — Thiên-quan quý-nhân, — Thân phúc quý nhân	19
An Thiên-đức, Nguyệt-đức, — Thiên-tài, Thiên-thọ, — Thai-phụ, Phong-cáo, Quốc-ấn, Dường-phù, Thiên- hình, Thiên-Riêu, Thiên-y	20
An Đầu-quân, — Cô-thân, Quả-tú, — Hòa-tinh, Linh-tinh.	21
An Thiên-khốc, Thiên-hư, — Thiên-thương, — Thiên-sứ, — Kiếp-sát	22
An Giải-thần, — Thiên-giải, — Phá-toái, — Triệt, — Tuần	23
An Lưu niên văn tinh	24
Tính tiểu hạn	24
Lưu đại hạn 10 năm	25
Bản đồ lưu tiểu hạn	26
Tam hợp, Lục hợp, — Đối chiến, — Đoán số phải thế nào ?	27
Đại, tiểu hạn	28
Nói tóm tắt cách lấy số tử-vi	29

III.— Một lá số lấy làm mẫu

Số cụ Thượng Phạm-văn-Toán	30
Đoán số cụ Thượng —	31
Các cung số : Sinh, Vượng, Tuyệt, Mộ	33
Các cung Âm, cung Dương	33

IV.— Các sao

Nam-đầu, — Bắc-đầu, — Viết tắt các sao to	34
Viết tắt các sao nhỏ	35
Sao nào ở cung nào thì tốt hay xấu. (Vượng, Đắc- địa, — Bình, — Hãm)	38

V. — Cách đoán số Tử'-vi

	<i>Sô trang</i>
Chính, chiêu, giáp, — đại-tiểu-hạn — đoán số đàn bà.	40
Các sao hãm thì nghèo hèn	42
Cung nào thuộc hành gì	43
Xem đại tiểu hạn	44
Tuổi nào kỵ năm nào	46

VI. — Nói về các cách

Cách xấu, — cách tốt, — cách thọ	47
Các cách phú và quý, — Quý cách	49
Những cách xấu : Những cách chêt non và nghèo hèn	54

VII. — Địa vị mỗi sao trong mỗi cung

	<i>Sô trang</i>		<i>Sô trang</i>
Tử-vi ở Mệnh	60	Vũ-khúc ở Quan-lộc	73
Các cách thuộc về sao		Vũ-khúc ở Thiên-ri	73
Tử-vi	61	Vũ-khúc ở Giải-ách	74
Tử-vi ở Tử-túc	62	Thiên-cơ ở Mệnh	74
Tử-vi ở Tài-bạch	63	Thiên-cơ ở Tài-bạch	76
Tử-vi ở Giải-ách	63	Thiên-cơ ở Điền-trạch	76
Tử-vi ở Điền-trạch	64	Thiên-cơ ở Quan-lộc	77
Tử-vi ở Phúc-dức	65	Thiên-cơ ở Giải-ách	78
Tử-vi ở Thiên-ri	66	Thái-dương ở Mệnh	78
Thiên-phủ ở Mệnh	67	Thái-dương ở Tài-bạch	79
Thiên-phủ ở Huynh-dệ	68	Thái-dương ở Phụ mẫu	80
Thiên-phủ ở Phu Thê	69	Thái-dương ở Quan-lộc	80
Thiên-phủ ở Nô-bộc	70	Thái-âm ở Mệnh	81
Thiên-phủ ở Phụ-mẫu	70	Thái-âm ở Điền-trạch	81
Vũ-khúc ở Mệnh	71	Thái-âm ở Giải-ách	82
Vũ-khúc ở Tài-bạch	72	Thái-âm ở Tử-túc	82

<i>Số trang</i>		<i>Số trang</i>	
Thiên-dông ở Mệnh .	83	Phượng các ở Mệnh .	99
Thiên-dông ở Phúc đức.	84	Tam-thai ở Mệnh .	100
Liêm-trinh ở Mệnh .	85	Bát-tọa ở Mệnh .	100
Thiên-lương ở Mệnh .	86	Ân-quang ở Mệnh,	100
Tham-lang ở Mệnh .	87	Thiên-quỷ ở Mệnh .	100
Cự-môn ở Mệnh .	88	Thai-phụ ở Mệnh .	100
Thất-sát ở Mệnh .	89	Phong-cáo ở Mệnh .	101
Phá-quân ở Mệnh .	89	Bác-sĩ ở Mệnh .	101
Thiên-tướng ở Mệnh .	90	Tướng-quân ở Mệnh .	101
Văn-xương ở Mệnh .	91	Tàu-thư ở Mệnh .	101
Văn-khúc ở Mệnh .	92	Lực-sĩ ở Mệnh .	101
Tả-phù, Hữu-bật ở Mệnh.	92	Thạch-long ở Mệnh .	102
Thiên-việt, T.-Khôi ở Mệnh	93	Đại, Tiểu-hao ở Mệnh .	102
Hóa quyển ở Mệnh .	93	Quốc-ân ở Mệnh .	102
Hóa-lộc ở Mệnh .	94	Phi-liêm ở Mệnh .	102
Hóa-khoa ở Mệnh .	94	Hỷ-thần ở Mệnh .	103
Hóa-ky ở Mệnh .	94	Bệnh-phủ ở Mệnh .	103
Lộc-tồn ở Mệnh .	95	Phục-binh ở Mệnh .	103
Kinh-dương ở Mệnh .	95	Quan-phủ ở Mệnh .	103
Đà-la ở Mệnh .	96	Tràng-sinh » .	103
Thiên-không, Kiếp,		Đê-vượng » .	104
không ở Mệnh .	96	Mộc-dục » .	104
Thiên-hình ở Mệnh .	97	Quan-đời » .	104
Thiên-y ở Mệnh .	97	Suy ở Mệnh .	104
Thiên-riêu ở Mệnh .	97	Bệnh » .	104
Hòa-tinh ở Mệnh .	97	Tử » .	104
Linh-tĩnh ở Mệnh .	98	Mộ » .	105
Thiên-mã ở Mệnh .	98	Tuyệt » .	105
Thiên-khôn, hư ở Mệnh.	99	Dưỡng » .	105
Long-trì ở Mệnh .	99	Thai » .	105

	<i>Số trang</i>		<i>Số trang</i>
Thiên-phúc ở Mệnh	105	Cô-thần, Quả-tú ở Mệnh	110
Thiên-quan »	106	Kiếp-sát ở Mệnh.	110
Nguyệt-đức, Thiên-đức ở Mệnh	106	Tuần, Triệt ở »	111
Thiên-hỷ ở Mệnh	106	Lưu-niên, Văn-tinh ở Mệnh	111
Đào hoa »	106	Đường-phù ở Mệnh.	111
Hồng-loan »	107	Cung Nô-bộc	112
Hoa-cái ở Mệnh	107	Các sao ở nô-bộc.	112
Phá-toái ở Mệnh.	107	Các sao ở Quan-lộc	114
Thiên-thương, Thiên-sứ ở Mệnh	107	Cách làm quan to.	116
Thái-tuế ở Mệnh.	108	Cách làm quan văn.	116
Thiếu-dương »	108	Cách làm lại.	117
Tang-môn ở Mệnh.	108	Các sao ở Điền-trạch	117
Thiếu-âm ở Mệnh	108	» Phu-thê	118
Quan-phù »	108	» Phúc-đức	119
Tử-phù »	109	» Phụ-mẫu	122
Tuê-phá »	109	» Huỳnh-dệ	123
Long-đức »	109	» Tử-tức	125
Bạch-hổ »	109	» Tài-bạch	126
Phúc-đức »	109	» Giải-ách	127
Điều-khách »	110	» Thiên-ry	129
Trực-phù »	110	Xem số trẻ con.	132
Thiên-giải, Giải-thần ở Mệnh	110	Giờ Quan-sát	133
Đầu-quân ở Mệnh.	110	Giờ Kim-xà-thiết-tỏa	133
		Mục lục	135



◀ Ba chứng đau bụng chữa khác nhau.

Trong xã-hội ta có nhiều người mắc chứng đau bụng lắm mà ít khi được chữa khỏi. Ấy là tại thời-y không biết phân biệt bộ phận nào trong bụng đã thụ bệnh, cứ thấy đau bụng thì chữa bằng thuốc đau bụng thôi, cho nên khó mong lành bệnh.

Trong bụng người ta có ba bộ phận lớn là : dạ-dầy (vị), đại-tiểu-tràng (ruột già và ruột non), và bàng-quang (bong-bóng). Mỗi khi bụng đau, ta cần phải phân-biệt đau tại cái nào trong ba cái ấy thì thuốc của ta mới đối với bệnh và bệnh mới khỏi.

Dạ-dầy là cái bầu chứa các thức ăn uống vào, nhờ nước chua (vị-toán) của nó để tiêu-hóa đi. Nước chua thiếu hay thừa cũng làm cho dạ-dầy phải đau, và còn bởi các cơ khác nữa. Khi dạ-dầy đau sẽ hiện ra những chứng này :

Ban đầu thấy đau giữa ngực, xuyên ra sau vai, rồi lẫn xuống thắt lưng ; có người ợ nước chua, hoặc đắng ; có người ăn vào thổ ra ngay, hoặc lâu mới thổ ; có người chỉ ăn cơm nếp hay cháo mới dễ chịu...

Tiểu-tràng là cái máy lọc nước trong chất đồ ăn ra để làm máu, làm tân-dịch mà nuôi thân-thể. Đại-tràng là cái máy chắt bã đồ ăn ra làm nước tiểu và phân. Khi đại-tiểu-tràng đau sẽ hiện ra những chứng này :

Người đau thấy trong bụng nổi lên một hòn, trần đi trần lại, đưa lên đưa xuống, rồi lại lần đi đầu mất. Có khi dương cơn đau, sắc mặt tái đi, ngồi ôm bụng, gò cả lưng lại ; có khi đau như thê đên một, hai hay ba ngày mới đỡ, lại ăn uống như thường ; có khi đi đại-tiện ra huyết ; có khi đi đại-tiện táo lắm...

Bàng-quang là cái bể chứa tân-dịch, nó phải nhờ bảo-tinh ấp giúp sức nóng để hóa khí, nhờ quả thận lọc nước

OUVRAGES DE MM. VU-NHU-LAM

ET SES COLLABORATEURS

Félicitations

de S. M. L'EMPEREUR D'ANNAM

- 1.) 250 Problèmes classés par séries types, avec Solutions
raisonnées et Réponses, C. Sup et Moy. 2^e année 0\$50
- 2.) Les Epreuves écrites et orales du C. E. P. F. I. 1.20
- 3.) Manuel d'Histoire d'Annam. Cours Supérieur et
Moyen — C. E. P. F. I. 0.45
- 4.) Manuel d'Analyse logique et grammaticale,
C. Sup. C. E. P. F. I. 0.40
- 5.) Cent vingt rédactions françaises corrigées, Cours El et M. 0.30
- 6.) 250 Problèmes classés par séries types avec Solutions
raisonnées et Réponses Cours M. 1^e An. et C. El. 0.35
- 7.) La Récitation française expliquée. Cours El. et M. 0.40
- 8.) Manuel de grammaire et de dictée française avec Traduction
en Annamite. — C. El. — C. E. El. I. 0.50
- 9.) Cent une dictées expliquées. — C. El. et Moyen. 0.45
- 10.) Sơ học Yếu-lược văn đáp — C. El. C. E. El. I. 0.40
- 11.) Việt-Văn đọc bản — Livre de Lecture annamite
C. El. et Moyens. 0.35
- 12.) Nữ sinh đọc bản — Lecture annamite à l'école
de Filles. Cours Elémentaire et Moyens. 0.35
- 13.) La Récitation annamite expliquée. Cycle Elémentaire 0.25
- 14.) Chuyện Giải-Tri. — Choix de lectures du samedi
Cycle Elémentaire. 0.30
- 15.) Sơ-học Nam-sử lớp Sơ đẳng. — Histoire d'Annam
Cours Elémentaire. 0.35
- 16.) Sơ-học Nam-sử lớp Dự-bị. — Histoire d'Annam
Cours Préparatoire. 0.35
- 17.) Quốc ngữ vỡ lòng học quốc ngữ cách mau chóng. 0.05

Những sách của M. Vũ-Như-Lâm soạn, do Nhà in Mỹ-Thắng
xuất bản, đã được
Đức Đại-Nam Hoàng-Đế
BAN KHEN

Palais Imperial

Paris le 22 Novembre 1883

Cabinet Civil de Sa Majesté

no 768

御
前
文
房
用
箋

*Le Ministre, Directeur du Cabinet
Civil de S. M. l'Empereur d'Annam*
à Monsieur Vu Nhu Lam, Libraire,
506 Rue du Protectorat

NAM-TRINH

quý ông,

Văn-Phòng tôi đã tiếp được 17 quyển sách giáo
khoa của ông gửi về để dâng HOANG-THUONG.

HOANG-THUONG đã ngự lãm. Ngài ban khen lá sách
soạn có công phu, có thể giúp cho trẻ con trong nước
học tập các môn phổ-thông.

Vậy Văn-Phòng tôi phụng chuyển lời Ngài ban đó
để quý ông được biết.

Nay kính





8, - Rue Carreau, Nam-Dinh, - 8

Các ngài in số sách giấy má
xin mời lại

Nhà-in MY-THANG Namdinh

In rất cẩn thận,

Giá hnh rất ha.